

TUYỂN TẬP 50 ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI NGỮ VĂN 9

(Có đáp án chi tiết)

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH
NĂM HỌC 2015 - 2016
Môn: Ngữ văn - Lớp 9

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời
gian giao đề) Ngày thi: 24 tháng 3 năm 2016
=====

Câu 1. (4,0 điểm)

Hãy so sánh ngắn gọn điểm tương đồng và nét khác biệt trong hai đoạn thơ sau:

*Sông được lúc dềnh
dàng Chim bắt đầu
vội vã
Có đám mây mùa
hạ Vất nửa mình
sang thu*

(Hữu Thỉnh - *Sang thu*, 1977)

*nắng thu đang trải
đầy đã trắng non
mùi bưởi bên cầu
con ghé đợi cả
chiều thu sang
sông.*

(Hữu Thỉnh - *Chiều sông Thương*, 1992)

Câu 2. (6,0 điểm)

Bị đánh bại chỉ là tình trạng nhất thời, bỏ cuộc mới là sự thất bại vĩnh viễn.

(Marilyn Vos Savant)

Hãy viết một bài văn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.

Câu 3. (10,0 điểm)

“Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung tư tưởng, cảm xúc mà còn đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ.”

(Ngữ

văn 9, tập 2, trang 200, NXB GD, 2004) Em

Duy. hãy làm sáng rõ nhận định trên qua tác phẩm

=====Hết=====

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH
GIỎI CẤP TỈNH NĂM HỌC
2015- 2016

Môn: Ngữ văn - Lớp 9

(Hướng dẫn chấm có 05 trang)

Câu 1 (4,0 điểm)

Hãy so sánh ngắn gọn điểm tương đồng và nét
sau: khác biệt trong hai đoạn thơ

S
ô
n
g
đ
ư
ợ
c
l
ú
c
d
ề
n
h
d
à
n
g
C
h
i
m
b
ấ
t
đ
ầ
u
v
ộ

<i>v</i>	<i>t</i>
<i>ã</i>	<i>n</i>
<i>C</i>	<i>ử</i>
<i>ó</i>	<i>a</i>
<i>đ</i>	<i>m</i>
<i>á</i>	<i>ì</i>
<i>m</i>	<i>n</i>
<i>m</i>	<i>h</i>
<i>â</i>	<i>s</i>
<i>y</i>	<i>a</i>
<i>m</i>	<i>n</i>
<i>ù</i>	<i>g</i>
<i>a</i>	<i>t</i>
<i>h</i>	<i>h</i>
<i>ạ</i>	<i>u</i>
<i>V</i>	

(Hữu Thịnh - *Sang thu*, 1977)

*nắng thu đang trải
đầy đã trắng non
mùi bưởi bên cầu
con ghé đợi cả
chiều thu sang sông.*

(Hữu Thịnh - *Chiều sông Thương*, 1992)

- Điểm tương đồng (2,0 điểm)

+ Đề tài: mùa thu

+ Thể thơ, giọng điệu: thể thơ năm chữ, giọng điệu tha thiết, lắng sâu,

+ Cảm xúc: bồi hồi, băng khuâng, xao xuyến và những cảm nhận tinh tế sâu sắc của cái tôi trữ tình trước vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật trong khoảnh khắc giao mùa và ở giữa mùa thu.

+ Hình ảnh: chân thực, gợi hình, gợi cảm mang những nét đặc trưng của mùa thu xứ Bắc. Từ ngữ chọn lọc, tinh tế, sử dụng sáng tạo nghệ thuật nhân hóa...

- Điểm khác biệt (2,0 điểm):

Hai bài thơ được sáng tác ở hai thời điểm khác nhau: *Sang thu* (1977) còn *Chiều sông Thương* (1992) vì vậy nội dung của mỗi đoạn thơ gắn với cảm xúc, tâm trạng của tác giả ở từng thời điểm riêng biệt.

+ *Sang thu*:

Đoạn thơ là những cảm nhận của nhân vật trữ tình về mùa thu từ một khu vườn (không gian hẹp) thiên nhiên được mở ra ở góc nhìn rộng lớn, nhiều tầng bậc hơn. Bức tranh thu được gợi ra từ những gì vô hình chuyển sang những hình ảnh cụ thể, hữu hình (*sông, chim, mây*) với không gian rộng dài, cao xa vời vợi. Một bức tranh thu hiện đại, cấu trúc đăng đối tự nhiên, chặt chẽ, tuyệt đẹp.
Dòng sông

không cuộn cuộn dữ dội như những ngày mưa nguồn mùa hạ mà êm ả, dềnh dàng, lững lờ trôi như suy tư, như ngẫm nghĩ, như đang thưởng thức những ngày nhàn hạ. Ngược lại với dòng sông, cánh chim bắt đầu vội vã bay. Đám mây mùa hạ thanh thoi, duyên dáng vắt nửa mình sang thu. Chữ “*vắt*” vừa gợi hình, vừa gợi cảm đám mây mềm mỏng như dải lụa, như tấm khăn voan của thiếu nữ vắt trên bầu trời nửa đang còn mùa hạ, nửa đã nổi sang thu.

+ *Chiều sông Thương*

Nếu đoạn thơ trong *Sang thu* là những cảm nhận về thiên nhiên ở thời khắc cuối hạ sang thu thì khổ thơ trong *Chiều sông Thương* lại là cảm nhận ở thời khắc chiều thu, khi đất trời đang độ giữa thu. Cảnh vật được miêu tả rất thực về dòng sông, bầu trời, con nghé bên cầu đợi... Hình ảnh thơ đẹp dịu dàng, gợi ra bức tranh thanh bình, ảm áp: nắng thu còn trải rộng khắp nhân gian mà trắng non như múi bưởi đã in trên nền trời xanh nhạt, dưới cầu nước chảy trong veo, con nghé bên cầu đợi... Cả chiều thu sang sông. Cảnh lắng đọng như chính sự tồn tại của nó chứ không sống động, cựa mình chuyển mùa như bài *Sang thu*. Đó chính là nét đẹp riêng của mỗi bài thơ.

Câu 2 (6,0 điểm)

Bị đánh bại chỉ là tình trạng nhất thời, bỏ cuộc mới là sự thất bại vĩnh viễn.

(Marilyn Vos Savant)

Hãy viết một bài văn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.

A. Yêu cầu về kĩ năng.

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lí, kết cấu chặt chẽ, rõ ràng, lập luận chắc chắn; diễn đạt sáng rõ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

B. Yêu cầu về kiến thức.

Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được các ý chính sau:

1. Giải thích ý kiến (1,5 điểm)

- *Bị đánh bại chỉ là tình trạng nhất thời*: vì (thất) bại lần đó nhưng lần sau có thể không bại nữa, sẽ giành được chiến thắng nếu ta tiếp tục chiến đấu, tiếp tục theo đuổi mục đích.

- *Bỏ cuộc*: tức là không theo đuổi mục đích nữa mà đầu hàng, buông xuôi, chấp nhận sự thất bại nhất thời. Đây là sự thất bại mãi mãi.

=> Câu nói nêu lên vấn đề: Trong cuộc sống không nên từ bỏ mục đích mà mình đang theo đuổi vì đó chính là chấp nhận sự thất bại vĩnh viễn. Muốn giành chiến thắng phải theo đuổi mục đích đến cùng.

2. Bàn luận ý kiến (3,5 điểm)

- Khẳng định đây là ý kiến đúng. Trong hành trình đi đến mục đích, con người không chỉ có thắng mà còn có bại: *“Ai chiến thắng mà không hề chiến bại”* (Tố Hữu).

- Không thể không đau buồn khi thất bại nhưng con người phải biết đứng lên sau thất bại. Bởi *trong mỗi thất bại luôn có mầm mống của sự thành công*. Chỉ có đứng lên tiếp tục thực hiện mục đích chúng ta mới có cơ hội giành chiến thắng. *Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố* (Đặng Thùy Trâm).

- Động lực giúp mỗi người đứng lên sau thất bại là khát vọng, ý chí, nghị lực, quyết tâm. *Nơi nào có ý chí, nơi đó có con đường*. *Khi con người dám ước mơ lớn, họ sẽ biết cách sống vĩ đại*.

- Thực tiễn đã cho thấy còn nhiều người, nhất là thanh niên trước khó khăn trở ngại trong cuộc sống thường né tránh, buông xuôi đầu hàng, sống thiếu niềm tin... Một số người thất bại bị cuốn theo cái xấu, cái tầm thường, bị quan, bế tắc và có những hành vi tiêu cực.

3. Bài học nhận thức và hành động (1,0 điểm).

- Cần nhận thức rằng mỗi người phải tự đứng dậy sau thất bại và tiếp tục theo đuổi lí tưởng, mục tiêu cuộc đời mình. *Khi cuộc đời cho bạn cả trăm lí do để khóc, hãy cho đời thấy bạn có ngàn lí do để cười*.

- Cần ra sức trau dồi, rèn luyện ý chí, nghị lực cũng như sự bền lòng phấn đấu trong học tập và nỗ lực theo đuổi mục tiêu đã đặt ra.

Mỗi luận điểm cần lấy dẫn chứng trong thực tế để minh họa.

C. Biểu điểm:

- Điểm 6: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, hành văn trong sáng, có cảm xúc.

- Điểm 4-5: Đáp ứng phần lớn các yêu cầu trên, hành văn trong sáng, mạch lạc, ít mắc lỗi.

- Điểm 3-4: Đáp ứng được khoảng $\frac{1}{2}$ yêu cầu trên, còn một số lỗi về diễn đạt, chính tả.

- Điểm 1-2: Không hiểu đề hoặc hiểu còn mơ hồ, nhiều lỗi diễn đạt.

Điểm hình thức trong điểm nội dung.

Giám khảo có thể cho điểm theo các ý:

Ý 1: 1,5 điểm.

Ý 2: 3,5 điểm.

Ý 3: 1,0 điểm.

Câu 3 (10,0 điểm).

“Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung tư tưởng, cảm xúc mà còn đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ”.

(Ngữ văn 9, tập 2, trang 200, NXB GD, 2004)

Anh (chị) hãy làm sáng rõ nhận định trên qua tác phẩm *Ánh trăng* của Nguyễn Duy.

A. Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lời văn trong sáng; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

B. Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo những nội dung sau:

1. Dẫn dắt từ mối quan hệ giữa văn học và đời sống, trích dẫn nhận định và giới hạn qua tác phẩm *Ánh trăng* của Nguyễn Duy. (1,0 điểm)

2. Giải thích nhận định. (1,0 điểm)

- Khái niệm thơ hiện đại: được xác định từ đầu thế kỷ XX khi văn học tiếp thu, chịu ảnh hưởng của các trào lưu văn học phương Tây và ánh sáng cách mạng của Đảng soi đường. Đặc biệt, sau năm 1975 đất nước hoàn toàn thống nhất, thơ ca nói riêng và văn học nói chung có sự giao lưu, tiếp xúc, hội nhập với nền văn học thế giới.

- Xã hội, con người, tư tưởng thay đổi theo thời đại. Việc phản ánh tâm tư, tình cảm mới đòi hỏi văn học, thơ ca hiện đại cũng phải thay đổi để phù hợp với sự tinh tế, nhạy cảm và phong phú đa dạng trong đời sống tinh thần của thế hệ, con người Việt Nam.

3. Chứng minh qua bài thơ *Ánh trăng*. (7,0 điểm)

a. Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: (0,5 điểm)

Bài thơ được viết năm 1978, đất nước Việt Nam bước sang trang mới sau chiến thắng huy hoàng trong công cuộc bảo vệ đất nước. Bắc Nam sum họp một nhà. Ba năm trôi qua, con người Việt Nam vẫn ở trong trạng thái hưởng niềm vui chiến thắng nên nhiều khi quên mất quá khứ gần bó, vất vả đau thương. Và nhiều khi chợt nhận ra sự vô tình lãng quên của mình... "*Ánh trăng*" thể hiện những trăn trở, suy ngẫm của nhà thơ và xu hướng đổi mới của thơ ca Việt Nam hiện đại. *Ánh trăng*, một bài thơ nhỏ - một bài học lớn.

b. Bài thơ *Ánh trăng* thể hiện *cái mới về nội dung, tư tưởng, cảm xúc*. (3,5 điểm)

- Bài thơ phản ánh tâm trạng của người chiến sĩ - một lớp người rất đông trong xã hội vừa trải qua giai đoạn chiến tranh ác liệt. Trong niềm vui hân hoan chiến thắng, cuộc sống hiện đại văn minh đôi khi con người đã lãng quên quá khứ của mình, lãng quên quá khứ vất vả đau thương của dân tộc. Dòng cảm xúc đó được thể hiện theo thời gian từ quá khứ đến hiện tại và nâng lên thành suy ngẫm mang tính triết lý.

- Kỷ niệm gần bó với thiên nhiên, đất nước bình dị hiền hậu trong quá khứ hiện về trong hai thời điểm của nhân vật trữ tình: thời thơ ấu và thời chiến tranh. Dù ở đâu trên quê hương, *đồng, sông, rừng bể* người lính vẫn gần bó với ánh trăng

với thiên nhiên như người bạn tri kỉ. Sự gắn bó ân tình, thủy chung ấy khiến con người nghĩ rằng cả cuộc đời sẽ không bao giờ quên người bạn tình nghĩa.

- Đạo lí sống nghĩa tình và thủy chung với quá khứ đã bị quên lãng một cách vô tình bởi hoàn cảnh sống hiện tại. Nơi đô thị, con người làm quen với tiện nghi hiện đại, văn minh “*ánh điện, cửa gương*” nên cứ vô tình quên lãng vàng trắng tri kỉ. Đêm nào trăng cũng sáng trên đầu nhưng bị mờ đi bởi ánh điện rực rỡ. Vô tình trăng và người cứ đứng đưng như người xa lạ, chưa hề quen biết với nhau dù trước đây là tri âm, tri kỉ.

- Một tình huống giản dị bình thường trong cuộc sống đã khiến nhân vật trữ tình tỉnh ngộ nhận ra sự thay đổi bội bạc đáng lên án đó của mình - thành phố mất điện. Giây phút ngắn ngủi bất ngờ nhưng thực sự có ý nghĩa như một bước ngoặt trong dòng tư tưởng của con người để giúp họ thay đổi.

- Việc đối diện với vàng trắng - người bạn tri kỷ đã giúp người lính nhớ về kỷ niệm xưa gắn bó, tươi đẹp và rồi ân hận, xúc động xôn xang. Nỗi ân hận được thể hiện trong dòng nước mắt rung rung, nhẹ nhàng xót xa. Chính mình đã đổi thay và bản thân không thể chấp nhận được.

- Con người suy ngẫm về mối quan hệ của trăng với mình và giật mình, bừng tỉnh, xót xa... Dù thời gian qua đi, dù đất trời thay đổi, trăng vẫn nguyên vẹn, tình nghĩa thủy chung với con người, không hề trách cứ con người đã đổi thay. Trăng vẫn vị tha, nhân hậu tỏa sáng cho con người. Sự cao thượng của vàng trắng khiến con người thức tỉnh lối sống về đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn*” của dân tộc để sống tốt hơn, người hơn.

=> *Ánh trăng* không chỉ là chuyện của riêng nhà thơ, chuyện của một người mà có ý nghĩa với cả một thế hệ. Hơn thế, bài thơ còn có ý nghĩa với nhiều người, nhiều thời bởi tác phẩm đặt ra vấn đề thái độ đối với quá khứ, với những người đã khuất và đối với chính mình.

c. Bài thơ *Ánh trăng* thể hiện những *đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ.* (3,0 điểm)

- Bài thơ như một câu chuyện riêng, có sự kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa tự sự và trữ tình.

- Giọng điệu tâm tình với nhịp thơ khi trôi chảy tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi ngân nga thiết tha cảm xúc (khổ 5), lúc lại trầm lắng biểu hiện suy tư (khổ cuối).

- Kết cấu, giọng điệu của bài thơ có tác dụng làm nổi bật chủ đề, tạo nên tính chân thực, chân thành, sức truyền cảm sâu sắc cho tác phẩm, gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc.

- Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc. Đặc biệt hình ảnh ánh trăng là hình tượng đa nghĩa, vừa cụ thể vừa khái quát mang ý nghĩa triết lí sâu sắc.

- Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng sáng tạo. Mỗi khổ chỉ viết hoa chữ cái đầu dòng thứ nhất. Tác phẩm chỉ có một dấu chấm ở câu thơ cuối. Nghệ thuật viết câu,

đặt câu, sử dụng dấu chấm câu đã diễn tả mạch cảm xúc dạt dào tuôn chảy liên mạch trong một tình huống bất ngờ, giản dị đời thường.

4. Đánh giá chung. (1,0 điểm)

- *Ánh trăng* của Nguyễn Duy là một sáng tác thể hiện rõ nét tinh thần đổi mới của thơ ca hiện đại. Đề tài trăng, thể thơ ngũ ngôn là nét truyền thống của Đường thi song bài thơ thể hiện cái mới trong việc phản ánh nội dung câu chuyện nhỏ của người chiến sĩ vừa trải qua chiến tranh, sống trong hòa bình, hiện đại. *Ánh trăng* mang vẻ đẹp hình tượng thiên nhiên, đồng thời cũng là biểu tượng của quá khứ - nhân dân, đất nước trong quá khứ và hiện tại, mãi mãi vẹn nguyên, vĩnh hằng, bất biến, thủy chung, nghĩa tình, bao dung, độ lượng. Con người hãy biết sống ân tình, thủy chung với quá khứ. Tác phẩm như lời giáo huấn đạo đức nhẹ nhàng nhưng rất sâu sắc. *Ánh trăng* là bài thơ của những phút giật mình, giật mình để thức tỉnh, để sống nhân văn hơn.

- Từ những đổi mới và sáng tạo của bài thơ *Ánh trăng* trên hai phương diện nội dung, tư tưởng và hình thức nghệ thuật bình luận về mối quan hệ giữa cuộc sống - tác giả - tác phẩm: *Nền tảng của bất kì tác phẩm nào phải là chân lí được khắc họa bằng tất cả tài nghệ của nhà văn. Cần phải hát đúng giai điệu về thời đại mình và phải miêu tả nó một cách trung thực bằng những hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo.*

C. Biểu điểm.

- Điểm 9-10: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, lập luận chặt chẽ, văn viết có cảm xúc, dẫn chứng chọn lọc, chính xác, có sức thuyết phục, có thể mắc một vài sai sót không đáng kể.

- Điểm 7-8: Đáp ứng phần lớn những yêu cầu trên, lập luận tương đối chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, chính xác. Có thể mắc những lỗi nhỏ.

- Điểm 5-6: Tương đối đủ các ý lớn tuy còn sơ sài, biết chọn và phân tích dẫn chứng, còn mắc một số lỗi.

- Điểm 3-4: Chưa thật hiểu yêu cầu của đề, nội dung sơ sài.

- Điểm 1-2: Hiểu sai đề, diễn đạt yếu.

Giám khảo có thể chấm theo ý - điểm nội dung kết hợp với hình thức. Ý 1: 1,0 điểm.

Ý 2: 1,0 điểm.

Ý 3: 7,0 điểm

Ý a: 0,5

điểm Ý b:

3,5 điểm

Ý c: 3,0

điểm

Ý 4: 1,0 điểm

=====

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐOAN
HÙNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

**KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI
LỚP 9 THCS CẤP HUYỆN NĂM
HỌC 2016 – 2017 MÔN: NGỮ
VĂN**

*(Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời
gian giao đề) (Đề có 01 trang)*

1- Câu 1 (8,0 điểm):

Cho văn bản

Điều gì là quan trọng?

Chuyện xảy ra tại một trường trung học.
Thầy giáo giơ cao một tờ giấy trắng, trên đó có một vệt đen
sinh: dài và đặt câu hỏi với học

- Các em có thấy gì không?

Cả phòng học vang lên câu trả lời:

- Đ

ó

l

à

m

ộ

t

v

ệ

t

đ

e

n

.

T

h

à

y

g

i

á

o

n

h

ậ

n

x

é

t

:

- Các em trả lời không sai.

Nhưng không ai nhận ra đây là một
tờ giấy trắng ư? Và thầy kết luận:

- Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhất
của người khác mà quên đi

Tên và số đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9. Có đáp án chi tiết

những phản chất tốt đẹp của họ. Khi phải đánh giá một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng qua chú trọng vào vết đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với những mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời.

(Theo nguồn Internet)

Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện trên.

2- Câu 2 (12,0 điểm):

Trong văn bản “*Tiếng nói văn nghệ*”, Nguyễn Đình thi có viết: **“Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy”**.

Qua văn bản “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên./.

-----Hết-----

Họ và tên thí sinh:.....SBD:.....

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

**PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐOAN
HÙNG**

**KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI
LỚP 9 THCS NĂM HỌC 2016 – 2017
HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: NGỮ
VĂN**

(Gồm có 04 trang)

1 - Câu 1 (8,0 điểm)

A. Yêu cầu về kỹ năng:

- HS có kỹ năng làm bài nghị luận xã hội, biết kết hợp các phép lập luận như giải thích, phân tích, chứng minh...
- Hiểu đúng và hướng trúng vào vấn đề mà đề bài yêu cầu: lối ứng xử đẹp, giàu lòng vị tha, khoan dung khi đánh giá về người khác; đồng thời phải biết trân trọng những phẩm chất, những phần tốt đẹp của họ.
- Biết lựa chọn dẫn chứng, phân tích dẫn chứng để làm sáng rõ vấn đề.
- Biết mở rộng liên hệ để trình bày vấn đề một cách thấu đáo, toàn diện.
- Lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, trôi chảy; biết dùng từ, đặt câu chuẩn xác, gợi cảm.
- Bố cục bài phải hoàn chỉnh, chặt chẽ, hợp lí.

B. Yêu cầu về nội dung:

- * Giải thích ý nghĩa câu chuyện
- “vết đen dài” tượng trưng cho những khuyết điểm, những lỗi lầm của con người.
- “Tờ giấy trắng” tượng trưng cho phẩm chất, cho những điều tốt đẹp của con người.
- “Đừng quá chú trọng vào vết đen”: đừng cố chấp, định kiến trước lỗi lầm, hạn chế của người khác
- “Hãy nhìn ra tờ giấy trắng với những mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích ...cho đời”: biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân
- > Câu chuyện cho ta bài học về cách ứng xử, nhìn nhận đánh giá con người: *Điều quan trọng* trong cuộc sống chính là lối ứng xử đẹp, giàu lòng vị tha, khoan dung khi đánh giá về người khác, đồng thời phải biết trân trọng những phẩm chất, những phần tốt đẹp của họ.
- * Suy nghĩ về vấn đề
- Đừng quá chú trọng vào “vết đen” đừng cố chấp, định kiến trước lỗi lầm, hạn chế của người khác vì:
 - + Con người không ai hoàn hảo cả.
 - + Sự vị tha, khoan dung mang lại niềm vui, thanh thản cho người mắc lỗi, tạo điều kiện cho họ nhận ra sai trái, sửa chữa lỗi lầm. Đồng thời, nó mang lại niềm vui cho bản thân ta (dẫn chứng).
 - “Hãy nhìn ra ...cho đời”: biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân
 - + Biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân để giúp cá nhân phát huy được sức mạnh vốn có. Đó cũng là cách chúng ta góp phần làm cho cuộc sống đẹp hơn (dẫn chứng).
 - Khẳng định ý nghĩa của lối sống ứng xử đẹp: vừa vị tha, độ lượng trước lỗi lầm của người khác vừa đồng thời trân trọng phẩm chất tốt đẹp ở họ. Điều đó làm cho mối quan hệ của con người trở nên tốt đẹp, tránh những hiểu lầm đáng tiếc (dẫn chứng).
- * Mở rộng, liên hệ:
 - Phê phán những người không biết vị tha, khoan dung. Phê phán những kẻ ích kỷ, cực đoan, chỉ nhìn thấy những ưu điểm của mình mà xem thường năng lực của người khác.
 - Định hướng bài học: Câu chuyện giúp ta có thái độ sống tích cực và rèn luyện một lối ứng xử nhân ái, nhân văn.

C. Cách cho điểm:

- Điểm 7- 8: Đảm bảo tất cả các yêu cầu trên, bài viết sâu sắc, có sự sáng tạo.
- Điểm 5- 6: Cơ bản đảm bảo các yêu cầu trên. Viết bài hoàn chỉnh, đúng kiểu bài song còn mắc một vài lỗi nhỏ
- Điểm 3- 4: Hiểu đề, đúng kiểu bài nhưng nội dung chưa đầy đủ, thuyết phục
- Điểm 1- 2: Bài viết sơ sài, chưa xác định rõ yêu cầu bài viết hoặc viết sai kiểu bài
- Điểm 0: Không làm bài

2 - Câu 2 (12,0 điểm):

A. Yêu cầu chung:

*** Về hình thức:**

- Thể loại: Thuộc kiểu bài chứng minh một vấn đề về văn học.
- Bố cục: Cân đối, kết cấu chặt chẽ.
- Diễn đạt: Văn viết phải lưu loát, đúng chính tả, đúng ngữ pháp; trình bày sạch đẹp, rõ ràng, có cảm xúc.
- Phương pháp: Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận về một vấn đề văn chương thông qua việc phân tích một tác phẩm truyện để là rõ vấn đề (luận điểm rõ ràng, có sức thuyết phục, biết cách trích dẫn chứng và phân tích các dẫn chứng đã nêu, biết kết hợp yếu tố biểu cảm trong nghị luận...).

*** Về nội dung:** Đề văn nhằm đánh giá kiến thức thí sinh về một tác phẩm cụ thể đồng thời ở một mức độ nào đó, đánh giá sự hiểu biết của các em về góc độ lí luận văn học, đó là tác dụng của nghệ thuật, cái hay của thơ ca. Ở đề này cái chính là hiểu và lấy văn bản “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long để làm sáng tỏ quan niệm của Nguyễn Đình Thi về văn học nghệ thuật: “*Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy*”.

B. Yêu cầu cụ thể:

Học sinh có thể viết bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo nắm được và làm toát lên những nội dung cơ bản sau:

*** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề:** Nhận định trên đã nói lên chức năng nhận thức, chức năng thẩm mĩ và chức năng giáo dục của nghệ thuật, của văn chương (tác dụng của nghệ thuật, văn chương.)

*** Giải thích một cách khái quát nhận định:**

- Nghệ thuật là một loại hình độc đáo thể hiện cuộc sống qua các hình tượng, nét vẽ, màu sắc, hình khối, âm thanh. Nghệ thuật được tác giả nói ở đây nên hiểu là nghệ thuật văn chương.

- *Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta:* nghệ thuật khác với những bài thuyết giảng đạo lí, mà các tác phẩm nghệ thuật là con đẻ của người nghệ sĩ, trong đó các nhà văn gửi gắm những suy tư, ước vọng của mình đến với độc giả. Tư tưởng trong tác phẩm nghệ thuật là thứ tư tưởng nấu mình.

- *Nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta là:* các tác phẩm văn chương tác động vào nhận thức, tâm tư, tình cảm của người đọc, giúp người đọc hiểu được hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm và qua sự rung động mà tác phẩm đem lại người tiếp nhận sẽ nhận thức rõ cái đẹp, cái đúng, cái sai trong thực tế cuộc sống, từ đó có những tình cảm yêu cái tốt đẹp, ghét cái xấu xa sai trái...

- *Khiến chúng ta tự phải bước đi lên đường ấy:* Từ những tình cảm tốt đẹp mà tác phẩm nghệ thuật đem lại, người đọc sẽ có hành động phù hợp như kế thừa, phát huy, noi theo những điều tốt đẹp, đấu tranh, phê phán cái xấu xa, lỗi thời, hèn kém...

*** Chứng minh nhận định qua văn bản “lặng lẽ Sa Pa”:**

- *Lặng lẽ Sa pa giúp cho người đọc thấy nghị lực phi thường và những phẩm chất cao đẹp của các nhân vật trong truyện mà tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên đã giúp người đọc thấy rõ những phẩm chất cao đẹp của người lao động mới trong thời kì xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền nam mà thêm trân trọng yêu mến những con người đó:*

+ Một con người có nghị lực phi thường: trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống anh vẫn vượt lên để hoàn thành tốt nhiệm vụ (D/C + PT)

+ Anh có lí tưởng đúng đắn : “*Mình sinh ra ở đâu, mình vì ai mà làm việc*”...

+ Anh biết tìm niềm vui trong công việc nhàm chán của mình với suy nghĩ “*Mình với công việc là đôi ai bảo là một mình được*”....

+ Anh ham học hỏi, nghiên cứu khoa học (D/C + PT)

+ Anh là người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc “*Một giờ sáng vẫn thức dậy đi ốp*” mặc dù thời tiết ở Sa Pa rất lạnh giá...

+ Anh còn biết cải thiện cuộc sống, đã trồng rau, trồng hoa, nuôi gà....

+ Anh còn là người rất khiêm tốn, khi người họa sĩ muốn vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn (D/C + PT)

- Vẻ đẹp anh thanh niên đã có sức lan tỏa đến cô kĩ sư, ông họa sĩ (D/C + PT)

- Các nhân vật khác như: cô kĩ sư, ông họa sĩ, bác lái xe, ông kĩ sư nông học, anh cán bộ sét, anh cán bộ khí tượng ở đỉnh cao hơn bốn ngàn mét. đều say mê cống hiến cho đất nước.

- Qua nhân vật anh thanh niên người đọc thấy rõ vẻ đẹp tâm hồn của anh thanh niên, thấy được ý thức công dân của mình trong cuộc sống.

- Người đọc khâm phục những đức tính cao đẹp của anh thanh niên để từ đó học tập noi gương, có hành động đúng trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay...

* **Khẳng định nhận định:** đánh giá thành công của truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa”

- Truyện đã góp phần cổ vũ, động viên nhân dân ta trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đồng thời cũng là bức thông điệp gửi đến mọi người ý thức công dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Thổi bùng trong ta lòng yêu đất nước và ý thức cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho đất nước.

- Ý kiến của Nguyễn Đình Thi là hoàn toàn đúng đắn có ý nghĩa khẳng định sức mạnh của nghệ thuật nói chung, của văn chương nói riêng.

(Lưu ý: *Học sinh có thể viết đan xen giữa các yếu tố biểu cảm trong bài song phải có lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ nhận định*).

C. Cách cho điểm:

- Điểm 11 - 12: Đảm bảo đủ các ý cơ bản, trình bày sạch đẹp, lập luận chặt chẽ, câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Không mắc lỗi chính tả, lỗi câu.

- Điểm 9 – 10,75: Đảm bảo tương đối đủ các ý cơ bản, bố cục bài rõ ràng, đầy đủ, lập luận chặt chẽ trình bày bài sạch, đẹp, câu văn giàu cảm xúc. Có thể mắc một hoặc hai lỗi chính tả.

- Điểm 7 – 8,75: Về cơ bản bài viết đủ ý, bố cục bài viết rõ ràng, lập luận chặt chẽ, câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Có thể mắc vài ba lỗi chính tả, 1-2 lỗi dùng từ.

- Điểm 4 – 6,75: Bài viết chưa đủ ý, trình bày sơ sài, lập luận chưa được chặt chẽ còn mắc 2-3,75 lỗi chính tả, 1 lỗi câu, 1-2 lỗi dùng từ.

- Điểm 2 – 3,75: Bài viết thiếu ý nhiều, chưa biết cách lập luận, mắc nhiều lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi câu

- Điểm 0,5 – 1,75: Bài viết thiếu ý nhiều, có vẻ chưa hiểu đề, mắc nhiều lỗi dùng từ, đặt câu.

- Điểm 0: Không hiểu đề, viết linh tinh hoặc để giấy trắng.

** **Lưu ý:** Trên đây chỉ là gợi ý, các giám khảo cần vận dụng linh hoạt khi cho điểm. Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng trình độ học sinh, cần khuyến khích những bài làm có tính sáng tạo. Điểm toàn bài cho lẻ đến 0,25 điểm.*

-----Hết-----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NGÃI**

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP

Ngày thi: 19/03/2015

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 150 phút

ĐỀ CHÍNH THỨC

*Đề thi này gồm 01
trang*

Câu 1(8 điểm): Đọc hai đoạn văn sau:

Đoạn 1:

“ Tôi dắt em ra khỏi lớp. Nhiều thầy cô ngừng giảng bài, ái ngại nhìn theo chúng tôi. Ra khỏi trường, tôi kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật.”

(Khánh Hoài, *Cuộc chia tay của những con búp bê* Ngữ văn 7, tập một, NXB Giáo dục, 2005)

Đoạn 2:

“ Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy có một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mùng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau: “ Chắc nó muốn sưởi cho ấm!”, nhưng chẳng ai biết cái kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.”

(An-đéc-xen, *Cô bé bán diêm*, Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục,

2005) Suy nghĩ của em về hai đoạn văn trên. Qua đó, em muốn nhắn gửi điều gì cho thế hệ trẻ hiện nay.

Câu 2(12 điểm):

Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945- 1975 ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

Bằng những hiểu biết về văn học giai đoạn này, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

.....Hết

Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP
LỚP 9- NĂM HỌC 2014-2015
HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN**

Câu 1(8 điểm):

A. Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài nghị luận xã hội .
- Bài viết có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát có sức thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Bài viết trình bày được suy nghĩ, quan điểm của mình về hai đoạn văn trên, khuyến khích những bài viết có nhận thức bằng thực tế cuộc sống trải nghiệm của mình.

B. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày những suy nghĩ khác nhau, song cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:

1- Nêu vấn đề nghị luận: Thái độ vô cảm, thờ ơ trước nỗi đau của đồng loại là một thói xấu của con người , điều đó được phản ánh khá rõ nét trong cuộc sống và trong văn chương , cụ thể qua hai đoạn văn(theo đề bài).

2- Khẳng định: Có thể nói, cả hai đoạn văn đều phản ánh thái độ vô cảm, thờ ơ của con người trong xã hội.

2.1- Hiểu thế nào là thái độ vô cảm: Vô cảm là không có tình cảm, cảm xúc, sống khép mình, thờ ơ, lạnh nhạt với tất cả mọi người, mọi việc xung quanh.

2.2- Biểu hiện của thái độ vô cảm:

+ Trong văn chương: Thái độ vô cảm, thờ ơ của con người được phản ánh nhiều trong văn chương, cụ thể:

Đoạn 1: Nỗi đau và mất mát quá lớn mà hai anh em Thành, Thủy phải chịu đựng, nhất là với Thủy, em không còn quyền được học tập, vui chơi...Nhưng “ mọi người vẫn đi lại bình thường..” khiến “tôi” kinh ngạc. Sở dĩ Thành kinh ngạc vì em nhận ra sự lạnh lùng, vô cảm, dửng dưng của người đời...

Đoạn 2: Cái chết thương tâm của em bé bất hạnh, em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa, giữa sự lạnh lùng vô cảm của người đời...

+ Trong cuộc sống: Cảnh mua bán, cướp giật; thái độ độc ác đối với trẻ em, với những người ăn xin, với những người gặp nạn...

2.3- Tác hại của thái độ vô cảm:

- Vô cảm là một thói xấu, có nguy cơ cho xã hội loài người, làm mất đi lối sống đạo đức, nhân nghĩa ...của dân tộc, nhân loại lâu nay.

- Làm mất tinh thần đoàn kết, tinh thần tương trợ, “thương người như thể thương thân”. 2.4- Phê phán lối sống vô cảm: một số người chỉ biết vun vén cho cá nhân mà quay lưng lại với cộng đồng, chỉ biết chạy theo giá trị vật chất mà quên đi đạo lý “Lá lành đùm lá rách”... làm mất đi phẩm chất tốt đẹp của con người.

-Ca ngợi lối sống đúng đắn, biết yêu thương, quan tâm đến mọi người.

3- Lời nhắn gửi với thế hệ trẻ hôm nay: Hãy nuôi dưỡng lòng nhân ái, sống có trách nhiệm và yêu thương nhiều hơn.....

4- Khẳng định, khái quát lại vấn đề.

- Xác định thái độ sống đúng đắn cho bản thân trong tập thể, cộng đồng, thể hiện niềm tin vào tương lai tốt đẹp của xã hội.

* Biểu điểm: - Kĩ năng: 1 điểm.

- Kiến thức: 7 điểm. Cụ thể: + Ý 1: 1 điểm

+ Ý2 : 4 điểm

+Ý 3 : 1 điểm

+Ý 4: 1 điểm

Câu 2(12 điểm):

A. Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học, suy nghĩ về một nhận định có vận dụng phép lập luận chứng minh, giải thích...để giải quyết đề bài dưới dạng tổng hợp.
- Bố cục hợp lí, lập luận chặt chẽ, chữ viết rõ ràng, diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

B. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có nhiều cách trình bày bài viết khác nhau miễn là làm sáng tỏ vấn đề, thuyết phục người đọc. Với đề bài này, học sinh có thể giải quyết được những nội dung sau đây:

1. Nêu vấn đề nghị luận: Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945- 1975 ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

2.1. Giải thích nhận định: Hiện thực của đất nước ta từ 1945- 1975 là hiện thực của những cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại và công cuộc xây dựng cuộc sống mới đi lên CNXH. Hiện thực đó đã tạo nên cho dân tộc Việt Nam một vóc dáng nổi bật: vóc dáng người chiến sĩ luôn trong tư thế chủ động chiến đấu chống kẻ thù, vóc dáng con người lao động mới trong những ngày đầu tiên lên xây dựng XHCN.

Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động mới hòa quyện, tạo nên vẻ đẹp của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Và điều này làm nên hơi thở, sức sống của văn học giai đoạn 1945- 1975.

2.2. Chứng minh: Học sinh đưa dẫn chứng để làm rõ nhận định:

+ Hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc:

- Họ là những con người ở mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi: Đó là những người nông dân mặc áo lính trong bài **Đồng chí** của Chính Hữu, đó là những chàng trai trí thức trẻ trung tinh nghịch trong **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** của Phạm Tiến Duật, đó là những cô gái thanh niên xung phong trong **Những ngôi sao xa xôi** của Lê Minh Khuê cho đến hình ảnh người mẹ trong **Khúc hát ru...** của Nguyễn Khoa Điềm. Họ có lòng yêu nước sâu sắc, có ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.
- Hoàn cảnh sống chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ, thiếu thốn song họ luôn có tinh thần lạc quan và tình đồng chí, đồng đội cao đẹp.

+ Hình ảnh người lao động mới:

- Người lao động trong **Đoàn thuyền đánh cá** của Huy Cận mang nhịp thở tươi vui, hăm hở, hòa mình cùng trời cao, biển rộng. Đó là những con người mới mang tầm vóc lớn lao, phi thường, hăm hở ra khơi với tất cả sức trẻ và trí tuệ của mình, chủ động trong công việc “ Ra đậu dặm xa...”. Họ chiến đấu với muôn trùng sóng gió bằng nhiệt tình lao động, bằng niềm lạc quan tin tưởng vào công cuộc xây dựng CNXH. Đó là những con người sống có lí tưởng và tràn đầy niềm lạc quan. Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong công việc lao động đầy gian khổ của mình.
- **Lặng lẽ Sa Pa** của Nguyễn Thành Long mang nhịp thở của người lao động mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lí tưởng, say mê nhiệt tình trong công việc, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư thắm lặng cống hiến hết mình cho đất nước.. Công việc, cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp, tuy lặp lại đơn điệu song họ

rất nhiệt tình, say mê gắn bó với nó. Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong lao động, cống hiến.

2.3- Đánh giá, bình luận:

- Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 đã đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử và thời đại. Ở ngoài tiền tuyến khói lửa là hình ảnh của những người lính dũng cảm, kiên cường. Nơi hậu phương là những người lao động bình dị mang nhịp thở của thời đại mới. Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động đã kết tinh thành sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam thế kỉ XX.

- Các tác giả văn học thời kì này vừa là nhà văn, nhà thơ, vừa là người lính, người lao động cầm bút đề ca ngợi về con người và dân tộc Việt Nam với niềm say mê và tự hào. Họ đã làm nên vẻ đẹp rạng ngời và sức sống mới mãnh liệt cho Văn học Việt Nam.

3. Khẳng định lại vấn đề nghị luận và nêu suy nghĩ hoặc liên hệ mở rộng của bản thân.

* Biểu điểm: - Kỹ năng: 1 điểm.

- Kiến thức: 11 điểm. Cụ thể:

+ Ý 1: 1,5 điểm

+ Ý 2 : 8 điểm (2.1: 2 điểm; 2.2: 4 điểm ; 2.3: 2 điểm)

+ Ý 3 : 1,5 điểm

- **Điểm 11-12:** Nội dung bài làm phải đáp ứng được các yêu cầu trên, tỏ ra nắm chắc vấn đề, chứng minh thuyết phục, có nhiều cảm nhận tinh tế, phát hiện sâu sắc. Diễn đạt tốt, có sức thuyết phục.

- **Điểm 8- 10:** Bài làm tỏ ra nắm được yêu cầu của đề về cả kiến thức và kỹ năng, giải quyết khá thuyết phục các yêu cầu trên. Tuy nhiên các ý có thể chưa thật toàn diện và mạch lạc. Diễn đạt khá tốt, lời văn gợi cảm.

- **Điểm 5,5 -7,5:** Bài viết tỏ ra hiểu đề, đảm bảo tương đối các yêu cầu trên, nội dung trình bày chưa sâu, chưa thật sự làm sáng tỏ vấn đề; còn mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu.

- **Điểm 3- 5:** Bài làm có nội dung song kỹ năng nghị luận chưa tốt, nhiều chỗ lan man, mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu, chính tả.

- **Điểm 0,5- 2,5:** Bài làm quá sơ sài, thiếu nhiều ý, mắc nhiều lỗi diễn đạt.

- **Điểm 0:** Bỏ giấy trắng.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH
HOÁ

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Số báo
đanh

KỲ THI CHỌN HỌC SINH
GIỎI CẤP TỈNH

Năm

học:

2013-2

014

Môn

thi:

NGỮ

VĂN

Lớp 9

-

THCS

Ngày thi: 21 tháng 3 năm 2014

Thời gian: **150 phút** (không kể
thời gian giao đề)

Đề thi có 03 câu, gồm 01 trang.

Câu 1 (2.0 điểm)

Xác định và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ
trong đoạn thơ sau:

*“Sương trắng rõ đầu cành như giọt
sữa, Tia nắng tía nháy hoài trong
ruộng lúa, Núi uốn mình trong chiếc
áo the xanh, Đồi thoa son nằm dưới ánh
bình minh...”*

(Trích *Chợ Tết*, Đoàn Văn Cừ, *Thi nhân Việt Nam*, NXBVH 1997)

Câu 2 (6.0 điểm)

Trong bài thơ *Quê hương*, Đỗ Trung Quân viết:

*“...Quê hương mỗi người chỉ
một Như là chỉ một mẹ
thôi...”*

Từ ý thơ trên, em hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 01 trang) bày tỏ suy nghĩ
của mình về quê hương.

Câu 3 (12.0 điểm)

Nhà văn Nguyễn Dữ đã kết thúc *Chuyện người con gái Nam Xương* bằng chi tiết Vũ
Nương hiện về gặp chồng rồi sau đó biến mất.

Có ý kiến cho rằng: *giả như nhà văn để Vũ Nương trở về trần gian sống hạnh phúc
cùng chồng con thì kết thúc của truyện sẽ có ý nghĩa hơn.* Có người lại nhận xét: *cách kết*

Suy nghĩ của em về hai ý kiến trên.

===== Hết =====

- *Thí sinh không sử dụng tài liệu.*
- *Giám thị không giải thích gì thêm.*

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH
HOÁ**

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP TỈNH**

Năm học: 2013 - 2014

Môn thi:

NGỮ

VĂN Lớp

9 - THCS

Ngày thi: 21 tháng 3 năm 2014

I. Yêu cầu chung

Giám khảo cần:

HƯỚNG

DẪN

CHẤM

ĐỀ

CHÍNH

THỨC

- Nắm bắt kỹ nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá được một cách tổng quát và chính xác, tránh đếm ý cho điểm.
- Vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm, nên sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lý. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo...
- Chấm theo thang điểm 20 (câu 1: 2.0 điểm; câu 2: 6.0 điểm; câu 3: 12.0 điểm)

II. Yêu cầu

cụ thể Câu 1

(2.0 điểm)

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Đảm bảo một đoạn văn hoàn chỉnh, chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả.

2. Yêu cầu về kiến thức

Cần đáp ứng một số ý chính sau:

Nội dung	Điểm
- Xác định biện pháp tu từ:	1.0
+ Nhân hóa: <i>giọt sữa; nháy hoài; ôm ấp; thoa son</i>	0.5
+ So sánh: <i>Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa</i>	0.5

Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giải môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết	1.0
Giá trị nghệ thuật của các biện pháp tu từ Bằng biện pháp so sánh và nhân hóa Đoàn Văn Cừ đã thổi hồn vào thiên nhiên, biến chúng thành những sinh thể sống. Đó là vẻ đẹp tinh khôi đầy hấp dẫn qua so sánh “<i>sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa</i>”; vẻ tinh nghịch, nhí nhảnh của tia nắng tía; cái thướt tha, điệu đà trong dáng “<i>uốn mình</i>” của núi và cảm giác yên bình, ấm áp trong khung cảnh “<i>đôi thoa son nằm dưới ánh bình minh</i>”. => Thiên nhiên đang cự mình trong buổi sớm mùa xuân. Cảnh vật toát	

lên vẻ rực rỡ, lấp lánh trong sự tinh khôi, trong trẻo, mượt mà.

Câu 2 (6.0 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Biết cách làm một bài nghị luận xã hội: hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, hình ảnh.
- Biết kết hợp các thao tác lập luận, bố cục hợp lí, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.

2. Yêu cầu về kiến thức

Cần đáp ứng một số ý chính sau:

Nội dung	Điểm
1. Giải thích	1.0
- Cách so sánh độc đáo, thú vị: quê hương là mẹ.	0.5
- Qua cách so sánh, nhà thơ khẳng định tình cảm gắn bó của con người với quê hương.	0.5
2. Bàn luận	4.0
- Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa đựng những tình cảm chân thành, sâu sắc của tác giả đối với quê hương: tình cảm với quê hương là tình cảm tự nhiên mang giá trị nhân bản, thuần khiết trong tâm hồn mỗi con người.	1.0
- Quê hương chính là nguồn cội, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi gắn bó, nuôi dưỡng sự sống, đặc biệt là đời sống tâm hồn của mỗi người. Quê hương là bến đỗ bình yên, là điểm tựa tinh thần của con người trong cuộc sống. Dù đi đâu, ở đâu hãy luôn nhớ về nguồn cội.	1.0
- Đặt tình cảm với quê hương trong quan hệ với tình yêu đất nước, hướng về quê hương không có nghĩa chỉ hướng về mảnh đất nơi mình sinh ra mà phải biết hướng tới tình cảm lớn lao, thiêng liêng bao trùm là Tổ quốc, là Đất nước để <i>Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương</i> .	1.0
- Có thái độ phê phán trước những hành vi suy nghĩ chưa tích cực về quê hương: chê quê hương nghèo khó lạc hậu....	1.0
3. Bài học nhận thức và hành động	1.0
- Có nhận thức đúng đắn về tình cảm với quê hương	0.5

- Có ý thức tu dưỡng, học tập, phấn đấu xây dựng quê hương	0.5
--	-----

Câu 3 (12.0 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Biết cách làm một bài nghị luận văn học: hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, hình ảnh.
- Biết kết hợp các thao tác lập luận, bố cục hợp lí, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.

2. Yêu cầu về kiến thức

Cần đáp ứng một số ý chính sau:

Nội dung	Điểm
1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề	1.0
2. Bàn luận	10.0
2.1. Nêu tình huống và những tình tiết chính dẫn đến kết thúc của truyện	1.0
2.2. Về ý kiến: “Giả như nhà văn để Vũ Nương trở về trần gian sống hạnh phúc cùng chồng con thì kết thúc của truyện sẽ có ý nghĩa hơn”	3.0
- Đây là cách kết thúc thường gặp trong các truyện cổ dân gian, thể hiện quan niệm ở hiền gặp lành, cái thiện thắng cái ác của người lao động, thể hiện niềm tin, niềm lạc quan của họ. Đó cũng là truyền thống nhân đạo của dân tộc, cũng là một trong những nội dung của văn học trng đại Việt Nam.	1.5
- Cách kết thúc truyện như vậy có thể chấp nhận được vì không trái với tinh thần nhân đạo của văn học. Tuy nhiên điều này sẽ ảnh hưởng tới giá trị hiện thực và logic phát triển của cốt truyện	1.5
2.3. Về kết thúc của nhà văn	6.0
- Kết thúc truyện <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> đã thể hiện được tinh thần nhân đạo và khát vọng của con người về cuộc sông: Vũ Nương không chết, nàng được sống một cuộc sông sung sướng, hạnh phúc dưới thủy cung, nàng hiện hồn về gặp Trương Sinh là để minh oan, để khẳng định tình cảm thủy chung của mình.	2.0
- Kết thúc truyện còn cho thấy sự vận dụng sáng tạo truyện dân gian của nhà văn. Tác giả đã sử dụng yếu tố hoang đường kì ảo và lối kể chuyện dân gian để thể hiện tư tưởng của mình. Bên cạnh giá trị nhân đạo, truyện còn có giá trị hiện thực sâu sắc. Nếu tác giả để cho Vũ Nương trở về với cuộc sống thực tại thì nàng cũng không thể có được hạnh phúc với một người chồng đa nghi, độc đoán cùng những định kiến nặng nề của xã hội đương thời.	2.0
- Kết thúc truyện như vậy là hoàn toàn hợp lí vì nó vừa thể hiện được tư tưởng của tác giả, vừa đảm bảo tính logic của cốt truyện đồng thời phản ánh	

một cách chân thực, khách quan số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.	2.0
3. Đánh giá khái quát	1.0
Cách kết thúc câu chuyện của nhà văn không chỉ góp phần tạo nên sức sống của tác phẩm mà còn khẳng định tài năng của tác giả.	

PHÒNG GD VÀ ĐT THIỆU HOÁ

(ĐỀ CHÍNH THỨC)

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP HUYỆN**

Môn: Ngữ văn - Lớp 9

Ngày thi: 25/11/2015

Thời gian làm bài 150 phút (không kể
thời gian giao đề)

Câu 1. (4.0 điểm):

ĐỀ BÀI

Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ trong khổ thơ sau: (không cần viết thành bài văn).

*" Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu
thương? Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất bỗng hóa tâm hồn"*

*(Tiếng hát con tàu - Chế lan Viên, dẫn theo
sách Ngữ văn 12 tập một - NXBGD 2013,
trang 144)*

Câu 2. (6.0 điểm):

Khi viết về quê hương, nhà thơ Đỗ Trung Quân viết:

*Quê hương mỗi người chỉ
một Như là chỉ một mẹ thôi
(Quê Hương)*

Từ cách hiểu về hai câu thơ trên, hãy trình bày suy nghĩ của em về quê hương bằng một bài văn nghị luận.

Câu 3. (10.0 điểm):

Có nhận định rằng: *"Từ những suy ngẫm của người cháu, bài thơ biểu hiện một triết lí sâu sắc: Những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng bước con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà, cha mẹ, từ những gì gần gũi và bình dị nhất".*

Qua bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt. Em hãy làm sáng rõ nhận định trên.

Hết

Họ tên thí sinh:.....Số báo danh:

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

PHÒNG GD&ĐT THIỆU HOÁ

(Hướng dẫn chấm có 4 trang)

**HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2015-2016**

Môn thi:

Ngữ văn

Ngày thi:

25/11/2015

I. Yêu cầu chung:

Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Giám khảo cần vận dụng linh hoạt, sử dụng mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có ý tưởng sáng tạo.

II. Yêu cầu

cụ thể Câu 1.

(4.0 điểm):

Câu 2. (6.0 điểm):

Nội dung	Điểm
-----------------	-------------

I. Yêu cầu về hình thức:	
Trình bày rõ ràng, diễn đạt tốt, văn viết trong sáng, có cảm xúc. Biết cách làm bài văn nghị luận, bài văn có bố cục hợp lí, chặt chẽ.	
II. Yêu cầu về nội dung: Làm rõ được các yêu cầu cơ bản sau:	
Quan niệm về quê hương của nhà thơ Đỗ Trung Quân	2.75
Câu thơ nằm trong thi phẩm viết về quê hương. Trong thi phẩm ấy, nhà thơ gợi ra những cách hiểu về quê hương	0.25
Cách so sánh độc đáo, thú vị: quê hương và mẹ. Ý nghĩa của cách so sánh ấy là để khẳng định quê hương chính là nguồn cội, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi gắn bó nuôi dưỡng sự sống, đặc biệt là sự sống tinh thần, tâm hồn.	0.5
Qua lối so sánh khẳng định để nêu bật tình cảm với quê hương. Quê hương là điều quý giá vô ngần mà mỗi con người không thể thiếu	0.5
Hình bóng quê hương đi theo con người suốt cả cuộc đời, trở thành điểm tựa về tinh thần của con người trong cuộc sống. Nếu thiếu đi điểm tựa này, cuộc sống của con người trở nên chông chênh, lệch lạc	0.5
Qua cách so sánh tác giả đã khơi dậy, nuôi dưỡng tình cảm với quê hương: tình cảm với mẹ là tình cảm tự nhiên, thuần khiết trong mỗi con người	0.5
Gợi mở một cách sống, cách làm người: Phải biết coi trọng gốc rễ, hướng về cội nguồn, biết yêu quê hương. Thiếu đi tình cảm này là một khiếm khuyết lớn của mỗi con người trong đời sống tâm hồn, tình cảm khiến con người sống thiếu tính nhân văn cao cả	0.5
Suy nghĩ của bản thân:	1.25
Quê hương là bến đỗ bình yên cho mỗi con người	0.25
Mỗi người không được quên đi nguồn cội, gốc gác, quê hương. Dù ai đi đâu, ở đâu cũng phải luôn tự nhắc nhở hãy nhớ về nguồn cội yêu thương (dẫn chứng bằng thơ ca)	0.5
Nuôi dưỡng tình cảm với quê hương có nghĩa là nuôi dưỡng tâm hồn, để được làm người theo nghĩa đầy đủ nhất	0.5
Mở rộng:	2.0
Đặt tình yêu quê hương trong quan hệ với tình yêu đất nước, cần hướng về quê hương song không có nghĩa chỉ hướng về mảnh đất nơi mình sinh ra mà phải biết tôn trọng và yêu quý tất cả những gì thuộc về tổ quốc	0.5

Có thái độ phê phán trước những hành vi, suy nghĩ chưa tích cực về quê hương: chê quê hương nghèo khó, lạc hậu...	0.5
Làm thay đổi cách hiểu tiêu cực về dáng vẻ quê hương, có ý chí phấn đấu làm đẹp quê hương mình, góp sức mình vào xây dựng quê hương đất nước	0.5
Trách nhiệm của học sinh đối với việc xây dựng, bảo vệ quê hương...	0.5

Câu 3. (10.0 điểm):

Nội dung	Điểm
I. Yêu cầu về hình thức: Trình bày rõ ràng, diễn đạt tốt, văn viết trong sáng, có cảm xúc. Biết cách làm bài văn nghị luận có bố cục hợp lí, bố cục chặt chẽ. II. Yêu cầu về nội dung: Làm rõ được các yêu cầu cơ bản sau:	
Mở bài	1.0
Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh sáng tác	0.5
Nêu ngắn gọn hình ảnh trong bài thơ và nhận định nêu ở đề bài	0.5
Thân bài	8.0
Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng, cảm xúc về bà:	1.25
Ba tiếng “một bếp lửa” được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh “bếp lửa” như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ. (Trích thơ dẫn chứng)	0.25
Bếp lửa “chờn vờn sương sớm” là hình ảnh quen thuộc đối với mỗi gia đình Việt Nam trước đây mỗi buổi sớm mai. Hình ảnh bếp lửa thật ấm áp giữa cái lạnh chờn vờn “sương sớm”, thật thân thương với bao tình cảm “ấp iu nồng đượm”.	0.25
Từ láy “chờn vờn” rất thực như gợi nhớ, gợi thương đến dáng hình bập bùng, chập chờn của ngọn lửa trong kí ức.	0.25
Từ láy “ấp iu” gợi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng của người nhóm lửa, lại rất chính xác với công việc nhóm bếp cụ thể.	0.25
Rất tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy tình yêu thương: Tình thương tràn đầy của cháu được bộc lộ một cách trực tiếp và giản dị. Đằng sau sự giản dị ấy là cả một tấm lòng, một sự thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của bà.	0.25
Kỉ niệm tuổi thơ bên cạnh bà là cuộc sống có nhiều gian khổ:	1.25
Cái đói cơ hồ đã ám ảnh trong văn chương Việt Nam một thời, đói đến nỗi phải ăn đất sét (trong văn Ngô Tất Tố), những trần trở về miếng ăn luôn dần vạt trang viết của Nam Cao...	0.5
“Đói mòn đói mỏi”, “khô rạc ngựa gầy”- những chi tiết thơ đậm chất hiện thực đã tái hiện lại hình ảnh xóm làng xơ xác, tiêu điều cùng những con người vật lộn mưu sinh. Trải qua cái đói quay, đói quắt Bằng Việt mới viết được những câu thơ chân thực đến thế!	0.5
Ấn tượng nhất đối với cháu trong những năm đói khổ là mùi khói bếp của bà – mùi khói đã hun nhèm mắt cháu để đến bây giờ nghĩ lại “sống mũi còn cay”.	0.25

Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt tám năm bên bà:	1.25
“Tám năm ròng cháu sống cùng bà” – tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở, dưỡng nuôi tâm hồn từ tấm lòng của bà, cháu sống cùng bà vất vả, khó khăn	0.25

nhưng đầy tình yêu thương (dẫn chứng)	
Kháng chiến bùng nổ, “Mẹ cùng cha công tác bận không về”, bà vừa là cha, lại vừa là mẹ. Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế để nhắc nhở cháu về truyền thống gia đình, về những đau thương mất mát và cả những chiến công của dân tộc. Bà luôn bên cháu, dạy dỗ, chăm sóc cho cháu lớn lên.	0.25
Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà lại gợi thêm một kỉ niệm tuổi thơ – kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về (dẫn chứng)	0.25
Tiếng chim tu hú bước vào thơ Bằng Việt như một chi tiết để gợi nhắc nhà thơ về những kỉ niệm ấu thơ được sống bên bà. Tiếng chim như giục giã, như khắc khoải một điều gì da diết khiến lòng người trỗi dậy những hòa niệm, nhớ mong.	0.25
Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến cả bài thơ nhuộm màu bằng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong chuyện cổ tích.	0.25
Động lại trong kỉ niệm của người cháu là	0.75
Chi tiết thơ đậm chất hiện thực, thành ngữ “cháy tàn cháy rụi” đem đến cảm nhận về hình ảnh làng quê hoang tàn trong khói lửa của chiến tranh. Đặc biệt là lời dặn cháu của bà đã làm ngời sáng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ giàu lòng vị tha, giàu đức hi sinh (dẫn chứng).	0.5
Bà là chỗ dựa cho cháu, là điểm tựa cho các con đang chiến đấu mà còn là hậu phương vững chắc cho cả tiền tuyến, góp phần vào cuộc kháng chiến chung của dân tộc. Tình cảm bà cháu hòa quyện trong tình yêu quê hương, Tổ quốc. (dẫn chứng)	0.25
Hình ảnh bà và những kỷ niệm tuổi thơ luôn gắn với hình ảnh bếp lửa	1.25
Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, tác giả chuyển thành hình ảnh ngọn lửa trong lòng bà. Ngọn lửa là kỉ niệm ấm lòng, là niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu (dẫn chứng)	0.5
Cùng với hình tượng “ngọn lửa”, các từ ngữ chỉ thời gian: “rồi sớm rồi chiều”, các động từ “nhen”, “ủ sẵn”, “chứa” đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời chiến. Điệp ngữ - ẩn dụ “một ngọn lửa” cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào (dẫn chứng)	0.5
=> Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, bài thơ đã gợi đến ngọn lửa với ý nghĩa trừu tượng, khái quát. Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.	0.25
Suy ngẫm của người cháu về bà và hình ảnh bếp lửa:	1.75

Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết

Nếu từ đầu bài thơ, hình ảnh bà và bếp lửa song hành thì đến đây hoà vào làm một, nhòe lẫn, tỏa sáng bên nhau.	0.25
Cụm từ chỉ thời gian “đời bà”, “Mấy chục năm”, từ láy tượng hình “lặn độn”,	0.25

hình ảnh ẩn dụ “nắng mưa” -> diễn tả cảm nhận của nhà thơ về cuộc đời gian nan, vất vả và sự tàn tảo, đức hi sinh, chịu thương, chịu khó của bà.	
Suốt cuộc đời, bà luôn chăm chút cho cháu cả về vật chất và tinh thần để cháu lớn lên. Bà là người nhóm lửa, cũng là người luôn giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng, tỏa sáng trong gia đình	0.25
Điệp ngữ “nhóm” được nhắc lại bốn lần với những ý nghĩa phong phú, gợi nhiều liên tưởng. Từ hành động, bà đã nhóm dậy những gì thiêng liêng, cao quý nhất của con người. Bà nhóm bếp lửa mỗi sớm mai là nhóm lên -> Nhờ ngọn lửa mà bà “ủ”, bà “nhen”, bà “giữ”, cháu biết cách sống ân nghĩa, thủy chung, biết mở lòng ra với mọi người xung quanh, biết sẻ chia, gắn bó với xóm làng	0.5
Trong tâm trí nhà thơ, bếp lửa và bà tuy bình dị nhưng ẩn giấu điều cao quý thiêng liêng. Cảm xúc dâng trào, tác giả đã phải thốt lên: “Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”. Hình ảnh bà và hình ảnh bếp lửa sáng đẹp lung linh trong tâm hồn nhà thơ	0.5
Nỗi nhớ bà, nhớ quê hương khôn nguôi, da diết:	0.5
Điệp từ “trăm” mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ. Tuổi thơ đã lùi xa, cháu giờ đã lớn khôn, đã được chấp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có “khói trăm tàu”, “lửa trăm nhà”, “niềm vui trăm ngả”. Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau.	0.5
Kết bài	1.0
Khái quát nội dung ý nghĩa bài thơ	0.5
Khẳng định lại nhận định và nêu được cảm nghĩ của mình về tình cảm gia đình đặc biệt là tình bà cháu	0.5

Hết

PHÒNG GD&ĐT THANH OAI **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 NĂM HỌC**
2013 - 2014

**ĐỀ CHÍNH
THỨC**

Môn: **Ngữ văn**

Thời gian: 150 phút (*không kể thời gian giao đề*)

Đề thi gồm có: 01 trang

Câu 1: (4 điểm)

Cảm nhận của em về những câu thơ sau:

*“ Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt
bùi Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi
nhỏ Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp
lửa !”*

(Trích “Bếp lửa” của Bằng Việt)

Câu 2: (4 điểm)

THƯỢNG ĐẾ CŨNG KHÔNG BIẾT

Thượng đế lấy đất sét nặn ra con người. Khi Ngài nặn xong vẫn còn thừa ra một mẩu đất.

- Còn nặn thêm cho mày gì nữa, con người ? – Ngài hỏi

Con người suy nghĩ một lúc: có vẻ như đã đủ đầy – tay, chân, đầu...rồi nói:

- Xin Ngài nặn cho con hạnh phúc.

Thượng đế, dù thấy hết, biết hết nhưng cũng không hiểu hết được hạnh phúc là gì. Ngài trao cục đất cho con người và nói:

- Đây, tự đi mà nặn lấy cho mình hạnh phúc.

(Trích *Những giai thoại hay nhất về tình yêu và cuộc sống* – Tập 2, trang 104 – NXB Công an Nhân Dân)

Suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện trên.

Câu 3: (12 điểm)

Cảm nhận của em về tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng và cao đẹp qua bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu và "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.

- Hết -

Lưu ý: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm!

PHÒNG GD&ĐT THANH OAI
LỚP 9

HƯỚNG DẪN CHẤM THI CHỌN HỌC SINH GIỎI

NĂM HỌC 2013 - 2014

Môn: Ngữ văn

Câu 1:

*** Yêu cầu về nội dung:**

- HS nắm được nội dung của đoạn thơ là bày tỏ những suy ngẫm của nhà thơ về bà và công việc nhóm lửa của bà.
- Chỉ ra biện pháp được sử dụng trong đoạn thơ.
- + Điệp từ “ nhóm” (4 lần) khơi nguồn dòng cảm xúc – hồi tưởng về bà về công việc nhóm lửa của bà.
- + Ẩn dụ: Thấy được sự tàn tảo, chắt chiu trong công việc nhóm lửa của bà. Ngọn lửa ấm áp yêu thương mà bà dành cho cháu. Bà đã nhen nhóm trong tâm hồn cháu ước mơ khát vọng niềm vui, niềm tin của tuổi thơ.
- + Câu cảm thán “ Ôi kỳ lạ và thiêng liêng - bếp lửa” dồn nén cảm xúc bày tỏ niềm yêu mến, lòng biết ơn đối với người bà thân yêu của mình. Bếp lửa là ngọn lửa của tình yêu thương của bà. Ngọn lửa ấy đã sưởi ấm tâm hồn nhà thơ trong những ngày xa quê hương học tập ở nước ngoài.

● Yêu cầu về hình thức:

- Bài viết có bố cục rõ ràng (đây là một bài viết ngắn). Đảm bảo sự phân tích chặt chẽ trong bài viết

*** Biểu điểm:**

Điểm 4: Đáp ứng tất các yêu cầu trên – không mắc

lỗi
Điểm 3: Đáp ứng 2/3 yêu cầu – còn mắc một số lỗi.

Điểm 2: Đạt 1/2 yêu cầu còn mắc một số lỗi diễn đạt.

Điểm 1: Đạt dưới 1/2 yêu cầu mắc nhiều lỗi.

Câu 2: (4.0 điểm)

1. Về nội dung: Cần đáp ứng một số ý sau:

a. Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: (1.0 điểm)

Thượng đế là đấng toàn năng có khả năng biết hết mọi chuyện và tạo nên con người nhưng không thể “*nặn*” được hạnh phúc để ban tặng cho loài người bởi vì:

- Hạnh phúc không sẵn có, hạnh phúc tồn tại trong chính cuộc sống con người.
- Lời nói của thượng đế “*tự đi mà nặn lấy cho mình hạnh phúc*” thể hiện: hạnh phúc do chính con người tạo nên.

⇒ Câu chuyện có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc: ***hạnh phúc không bao giờ sẵn có hay là món quà được ban tặng, hạnh phúc của con người do chính con người tạo nên.***

b. Bàn bạc- đánh giá – chứng minh (2.0 điểm)

- Con người có thể tạo nên hạnh phúc bằng bàn tay vun xới và tấm lòng yêu thương cuộc đời.
- Khi tự mình tạo nên hạnh phúc, con người sẽ cảm nhận được sâu sắc giá trị của hạnh phúc của chính mình và sống cuộc đời đầy ý nghĩa.
- Hạnh phúc không phải là những điều có sẵn, nó đến từ chính những hành động của mỗi con người (dẫn chứng)
- Hãy vun đắp hạnh phúc cho chính mình.
- Phê phán những kẻ ỷ lại, dựa dẫm trông chờ hạnh phúc mơ hồ viễn vông, thờ ơ với cuộc sống (dẫn chứng thực tế)

c. Bài học được rút ra: (1.0 điểm)

- Trong cuộc đời ta sẽ gặp phải nhiều trở ngại hãy nỗ lực tìm tòi và vươn lên.
- Con người phải biết dựa vào chính mình để sinh tồn hòa nhập để sáng tạo và phát triển

2. Về hình thức:

Học sinh biết cách làm kiểu bài nghị luận. Bài viết có bố cục chặt chẽ. Biết vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận phù hợp.

Biểu điểm:

- Điểm 3,5- 4: Hiểu rõ yêu cầu của đề bài, đảm bảo các yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, có lập luận chặt chẽ, có sự kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận, bài viết có cảm xúc, diễn đạt lưu loát.
- Điểm 2,5- 3: Hiểu rõ yêu cầu của đề bài, đáp ứng hầu hết các yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, có lập luận tương đối chặt chẽ, có sự vận dụng thành công các thao tác lập luận, diễn đạt tương đối tốt.
- Điểm 1,5- 2: Hiểu yêu cầu của đề bài, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, lập luận chưa chặt chẽ, có thể còn một số lỗi nhỏ về diễn đạt.
- Điểm 0,5- 1: Chưa nắm vững yêu cầu của đề bài, chưa đáp ứng được $\frac{1}{2}$ yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, mắc lỗi chính tả và diễn đạt.
- Điểm 0: để giấy trắng.

* Hình thức: Đúng thể văn nghị luận, bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lí, bài viết không sai lỗi chính tả, bố cục 3 phần.

* Nội dung: Cần làm rõ các nội dung sau:

1. Mở bài: Giới thiệu hình tượng người lính trong hai cuộc kháng chiến thuộc hai thế hệ khác nhau nhưng ở họ có nhiều nét đẹp chung của người lính bộ đội cụ Hồ.

2. Thân bài: Cần làm rõ ba nội dung sau:

* Họ đều là những con người bình dị, mộc mạc, thấm nhuần tinh thần yêu nước, luôn khát vọng độc lập tự do nên họ quyết tâm lên đường để giải phóng quê hương đất nước.

- Nêu hoàn cảnh xuất thân của người lính trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu...

- Nêu hoàn cảnh xuất thân của những người lính trong bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của nhà thơ Phạm Tiến Duật.

* Nhờ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn bền chặt và lòng dũng cảm, hiên ngang, mà họ đã bất chấp gian khổ, thiếu thốn đến tột cùng để hoàn thành nhiệm vụ.

- Thiếu thốn của những người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp... Dẫn chứng, phân tích...

- Thiếu thốn của người lính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ... dẫn chứng, phân tích...

* Qua hình ảnh anh lính Trường Sơn, chúng ta chợt nhận ra sự

1,0

1,0

1,0

1,0

1,0

1,5

1.5

1,0

1,0

gần gũi, thân quen giữa những người lính qua các thời kì...ở họ đều có chung một nét đẹp: 0,5
kiên cường, bất khuất, dũng cảm, lạc quan, yêu đời... 0,5

- Nêu điểm giống nhau của những người lính... 1,0

- Nêu điểm khác nhau của những người lính...

3. Kết bài: Khái quát lại vấn đề.

- Hết -

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH GIA

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
Năm học 2015 - 2016

ĐỀ CHÍNH
THỨC

Môn: Ngữ văn – Lớp 9

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (2 điểm). Trong bài thơ *Bếp lửa*, Bằng Việt viết:

... “Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt
bùi Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi
nhỏ Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp
lửa!”...

Phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được dùng trong đoạn thơ trên.

Câu 2 (6 điểm). Suy nghĩ của em về câu chuyện sau (viết bài nghị luận ngắn):

Sau trận động đất và sóng thần kinh hoàng ở Nhật Bản, tại một trường tiểu học, người ta tổ chức phân phát thực phẩm cho những người bị nạn. Trong những người xếp hàng, tôi chú ý đến một em nhỏ chừng chín tuổi, trên người chỉ mặc một bộ quần áo mỏng manh. Trời rất lạnh mà em lại xếp hàng cuối cùng, tôi sợ đến lượt em thì chắc chẳng còn thức ăn nên đến gần và trò chuyện với em.

Em kể thảm họa đã cướp đi những người thân yêu trong gia đình: cha, mẹ và đứa em nhỏ. Em bé quay người lau vội dòng nước mắt. Thấy em lạnh, tôi cởi chiếc áo khoác choàng lên người em và đưa khẩu phần ăn tối của mình cho em: “Đợi tới lượt cháu chắc hết thức ăn rồi, khẩu phần của chú đó, chú ăn rồi, cháu ăn đi cho đỡ đói”. Cậu bé nhận túi lương khô, khom người cảm ơn. Tôi tưởng em sẽ ăn ngấu nghiến ngay lúc đó, nhưng thật bất ngờ, cậu mang khẩu phần ít ỏi ấy đi thẳng đến chỗ những người đang phân phát thực phẩm, để túi thức ăn vào thùng rồi quay lại xếp hàng.

Ngạc nhiên vô cùng, tôi hỏi tại sao cháu không ăn mà lại đem bỏ vào đó. Cậu bé trả lời: “Bởi chắc còn có nhiều người bị đói hơn cháu. Cháu bỏ vào đó để cô chú phát chung cho công bằng.”

(Dẫn theo báo Dân trí điện tử)

Câu 3 (12 điểm).

“Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng...”

(Nguyễn Đình Thi, *Tiếng nói của văn nghệ*)

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy nói về “ánh sáng riêng” mà truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long đã “rọi vào” tâm hồn em.

Họ tên học sinh: ; Số báo danh:

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI THI HỌC SINH GIỎI CẤP

HUYỆN NĂM HỌC 2015- 2016

Môn: **Ngữ văn – Lớp 9**

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Giám khảo chấm kĩ để đánh giá một cách đầy đủ, chính xác kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.
- Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Giám khảo vận dụng linh hoạt, sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có ý tưởng sáng tạo.
- Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Những bài mắc quá nhiều các loại lỗi dùng từ, chính tả, đặc biệt là văn viết tối nghĩa thì không cho quá nửa số điểm của mỗi câu.
- Chấm theo thang điểm 20 (câu I: 2 điểm; câu II: 6 điểm; câu III: 12 điểm), cho điểm lẻ đến 0,25.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
I	Phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ	2,0
	- Giới thiệu đoạn thơ: (0,25 điểm)	
	Bằng việc lựa chọn và sử dụng các biện pháp tu từ điệp ngữ, hoán dụ, ẩn dụ một cách đặc sắc, đoạn thơ là dòng suy ngẫm sâu sắc của cháu về “bếp lửa” của bà	0,25
	- Lăn lượt chỉ ra và phân tích hiệu quả của từng phép tu từ: (1,75 điểm)	
	+ Điệp từ <i>nhóm</i> bốn lần lặp lại liên tiếp đầu mỗi câu thơ vừa nhấn mạnh công việc nhóm bếp của bà vừa soi sáng chân dung người bà tần tảo, nhẫn nại, giàu đức hi sinh. Bà không chỉ nhóm lên bếp lửa bằng đôi tay khéo léo để bếp lửa cháy sáng, để có nồi <i>khoai sắn ngọt bùi</i> , có nồi <i>xôi gạo mới</i> . Từ công việc nhóm lửa hàng ngày, bà còn nhóm lên cả những nét đẹp tâm hồn tuổi thơ cháu, bồi đắp ước mơ và tình yêu thương cho cháu.	0,5
	+ Hoán dụ: <i>khoai sắn ngọt bùi, nồi xôi gạo mới</i> gợi ra tình cảm gắn bó với	0,5

	những gì giản dị, gần gũi của quê hương. Bà bồi đắp cho cháu tình đoàn kết xóm làng.	
	+ Ấn dụ: <i>bếp lửa</i> vừa tả thực vừa là hình ảnh biểu tượng cho lòng bà, tình yêu thương bà dành cho cháu, trở thành kỉ vật thiêng liêng của tình bà cháu, là hành trang theo cháu suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.	0,5
	⇒ Các phép tu từ trên đã góp phần thể hiện tình cảm và lòng biết ơn sâu sắc của người cháu hiếu thảo phương xa với người bà yêu kính và bếp lửa tuổi thơ.	0,25
II	Viết bài nghị luận xã hội	6,0
	Yêu cầu về kỹ năng: - Đảm bảo là một văn bản nghị luận xã hội: Bố cục và hệ thống ý sáng rõ. Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Hành văn trôi chảy. Lập luận chặt chẽ. Dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc quá năm lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.	0,5
	Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể có những cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau:	5,5
	* <i>Nêu được ý nghĩa của câu chuyện:</i> Thể hiện tình yêu thương ấm áp, sự đồng cảm, sẻ chia giữa những con người đang ở trong hoàn cảnh éo le, hoạn nạn. Điều này có thể thấy qua nghĩa cử cao đẹp của nhân vật “tôi” đối với em nhỏ cũng như suy nghĩ, việc làm đáng trân trọng của em bé bất hạnh.	1,5
	* <i>Bàn luận về vấn đề tình yêu thương giữa con người với con người trong cuộc sống:</i> - Trong cõi đời, tình yêu thương giữa con người với con người là một giá trị cao quý, là điều cần thiết mà ai cũng phải hướng tới. (VD minh họa) - Trong hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn, lòng nhân ái càng cần thiết để sưởi ấm những mảnh đời bất hạnh. (VD minh họa) - Lễ “ <i>công bằng</i> ” trong khó khăn, hoạn nạn là biểu hiện cao nhất của tình yêu thương giữa con người với con người. (VD minh họa) - Phê phán những kẻ sống vô cảm, ích kỉ, thờ ơ với cộng đồng.	0,75 0,75 0,75 0,75
	* <i>Liên hệ bản thân và rút ra bài học:</i> Mỗi người cần biết sống yêu thương, gắn bó, có trách nhiệm với cộng đồng; đặc biệt là cần quan tâm, giúp đỡ những kiếp đời kém may mắn.	1,0
III	Viết bài nghị luận văn học	12,0
	Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Đảm bảo là một văn bản nghị luận văn học có bố cục 3 phần rõ ràng, kết cấu chặt chẽ. Biết phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Hành văn trôi chảy. Văn viết có	1,0

	cảm xúc. Không mắc quá năm lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.	
--	---	--

	Yêu cầu về kiến thức: Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cơ bản đáp ứng được những nội dung sau:	11,0
	1. Giải thích nhận định: (2,0 điểm)	
	- “ <i>Tác phẩm lớn</i> ”: tác phẩm mang dấu ấn của từng giai đoạn, từng thời kì, mở ra trước mắt người đọc những hiểu biết phong phú về cuộc sống xã hội con người, hướng con người đến những điều tốt đẹp. Vẻ đẹp thẩm mĩ của tác phẩm làm lay động bao trái tim người đọc và có sức sống lâu bền với thời gian.	0,5
	- “ <i>Ánh sáng</i> ” của tác phẩm: là cảm xúc, tâm sự, tấm lòng, tinh thần của thời đại... mà nhà văn đã chuyển hoá vào trong tác phẩm.	0,5
	- “ <i>rọi vào bên trong</i> ”: là khả năng kì diệu trong việc tác động vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm của ta, chiếu toả soi rọi vào sâu thẳm tâm trí ta, làm thay đổi mắt ta nhìn, óc ta nghĩ...	0,5
	- Mỗi tác phẩm mang một <i>ánh sáng riêng</i> in đậm dấu ấn, phong cách riêng của nhà văn, từ cách đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, bày tỏ quan điểm, cách nhìn cuộc sống đều mang nét riêng độc đáo.	0,5
	2. Chứng minh qua “<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>”: (8,0 điểm)	
	- Lặng lẽ Sa Pa là một truyện ngắn nhẹ nhàng, trong trẻo, giàu chất thơ của Nguyễn Thành Long. Đây là một tác phẩm đẹp từ nội dung đến hình thức nghệ thuật. Trong tác phẩm nhà văn đã xây dựng được những hình tượng nhân vật độc đáo, giàu lí tưởng tiêu biểu cho phẩm chất của con người Việt Nam trong công cuộc lao động xây dựng quê hương đất nước.	1,0
	- Trước hết về giá trị nội dung: có thể xem tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ, hi sinh nhưng cũng thật trong sáng đẹp đẽ.	1,0
	+ Ánh sáng người đọc đón nhận từ tác phẩm trước hết là âm vang của cuộc gặp gỡ giữa ông hoạ sĩ, cô kĩ sư nông nghiệp và anh thanh niên khí tượng. Ở những con người này ánh lên những phẩm chất tốt đẹp đã thành bản chất bền vững, những quan niệm đạo đức trong sáng, cao cả và một ý chí kiên định cách mạng, tất cả đã được tôi luyện trong thử thách của chiến tranh, nay đang được tiếp tục củng cố, phát huy trong công cuộc xây dựng xã hội mới. (<i>Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng</i>).	1,0

Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết.

	+ Tác phẩm rọi vào trong lòng người đọc những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống của lao động tự giác về con người và về nghệ thuật. Cuộc sống của mỗi người chỉ thật sự có ý nghĩa khi mọi việc làm của họ đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu mến tự hào về mảnh đất mình đang sống. Con người cần phải biết sống có lý tưởng, say mê với công việc, hiểu được ý nghĩa công việc mình làm. Vẻ đẹp của con người lao động chính là mảnh đất màu mỡ để người nghệ sĩ ươm mầm. <i>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</i>	1,0
--	--	-----

- Về giá trị nghệ thuật: thứ ánh sáng đặc biệt của Lặng lẽ Sa Pa mà người đọc cảm nhận được toả ra từ chất thơ bằng bạc xuyên suốt tác phẩm.	1,0
+ Chất thơ trong cốt truyện, chất thơ thấm đượm trong bức tranh phong cảnh thiên nhiên. Mỗi câu mỗi chữ khắc hoạ bức tranh thiên nhiên đều giàu sức tạo hình, rực rỡ sắc màu, nhịp điệu êm ái như một bài thơ. Cảm xúc trước cảnh mới lạ ấy truyền cho người đọc những rung động thẩm mĩ về vẻ đẹp của tác phẩm, làm dấy lên ước muốn một lần được đặt chân lên Sa Pa. <i>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</i>	1,0
+ Chất thơ trong nét đẹp tâm hồn của nhân vật, trong ngôn ngữ và giọng điệu kể chuyện nhẹ nhàng trong sáng. Ngôn ngữ truyện như dòng nước mát trôi vào tâm trí người đọc, khơi gợi bao khao khát về một vùng đất lặng lẽ mà thơ mộng. <i>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</i>	1,0
- Ánh sáng toả ra từ Lặng lẽ Sa Pa là một thứ ánh sáng rất riêng. Nó đem lại cho người đọc những cảm nhận mới mẻ thâm trầm, sâu sắc: <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> - mới đọc tên, ngỡ nhà văn nói về một điều gì... im ắng, hắt hiu, giá lạnh; nhưng kì diệu thay trong cái lặng lẽ của Sa Pa vẫn ngân lên những âm thanh trong sáng, vẫn ánh lên những sắc màu lung linh, lan toả hơi ấm tình người và sự sống. Từ đó làm cho người đọc thấy tin yêu cuộc sống, bồi đắp lí tưởng sống cao đẹp - sống cống hiến dựng xây quê hương đất nước.	1,0
3. Đánh giá và liên hệ bản thân: (1,0 điểm)	
- Tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm nghệ thuật lớn là con đẻ tinh thần của nhà văn. Nó được tạo ra bằng quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc và sáng tạo.	0,5
- Tác phẩm lớn sẽ chiếu tỏ, soi rọi; có khả năng giáo dục, cảm hóa sâu sắc tới nhận thức và hành động của bạn đọc nhiều thế hệ <i>(liên hệ bản thân)</i>	0,5

*** Lưu ý:** Trên đây là những gợi ý và định hướng chung, giám khảo cần vận dụng linh hoạt dựa trên thực tế bài làm của học sinh. Khuyến khích những bài có cảm nhận sâu sắc, có cảm xúc và sáng tạo trong cách viết.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ỨNG HÒA

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9
NĂM HỌC 2015 - 2016

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian giao
đề)

(Đề thi gồm 01 trang)

Câu 1 (2 điểm).

Vận dụng kiến thức đã học về từ láy để phân tích nét nổi bật của việc dùng từ trong những câu thơ sau:

- Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
- Sè sè nắm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 2 (6 điểm).

Danh ngôn có câu:

“
Ý
n
g
h
ĩ
l
à
n
ụ
h
o
a
.
L
ờ

<i>i</i>	Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết
<i>n</i>	<i>g</i>
<i>ó</i>	<i>h</i>
<i>i</i>	<i>o</i>
<i>l</i>	<i>a</i>
<i>à</i>	.
<i>b</i>	<i>Việc làm là quả ngọt.</i> ”
<i>ô</i>	

Em hãy viết một bài văn nghị luận có độ dài khoảng hai trang giấy thi bày tỏ suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.

Câu 3 (12 điểm).

Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

Bằng những hiểu biết về văn học giai đoạn này, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Lưu ý: Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ỨNG
HÒA

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI
LỚP 9 NĂM HỌC 2015 -
2016

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: NGỮ VĂN 9

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1 (2 điểm)	- Các từ láy: nao nao, nho nhỏ, sè sè, rầu rầu. - Tác dụng: vừa tả cảnh vừa tả tâm trạng. Gợi vẻ hoang vắng, trơ trọi, buồn tẻ của ngôi mộ vô chủ và tâm trạng nao nao buồn của ba chị em Thúy Kiều vào thời điểm cuối ngày hội đạp thanh. Đồng thời như báo hiệu một sự kiện sắp xảy ra với nhân vật Thúy Kiều.	1,0 1,0
Câu 2 (6 điểm)	1. Yêu cầu về kỹ năng: - Thể hiện vốn sống, kinh nghiệm, sự hiểu biết của bản thân một cách sâu sắc, tinh tế qua việc nhận thức, bàn luận, bình giá, dẫn chứng cụ thể và bày tỏ quan điểm... một cách hấp dẫn, thuyết phục. - Có kỹ năng viết bài nghị luận xã hội với những lập luận chặt chẽ; trình bày ý mạch lạc, rõ ràng. - Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc các lỗi cơ bản về chính tả, dùng từ, đặt câu, diễn đạt. 2. Yêu cầu về nội dung: <i>* Giải thích ý kiến:</i> - Ý nghĩ: là điều nảy sinh ra trong đầu óc do kết quả của hoạt động trí tuệ của con người. - Lời nói: là những điều con người nói ra do nhu cầu và hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. - Việc làm: là hành động cụ thể của con người. - Nụ hoa, bông hoa, quả ngọt: Là quá trình phát triển tự nhiên, tất yếu theo quan hệ nhân - quả. Trong đó, nụ hoa là vẻ đẹp, giá trị tiềm ẩn; bông hoa là giá trị, vẻ đẹp đã bộc lộ song chỉ tồn tại trong giới hạn thời gian; quả ngọt là giá trị, vẻ đẹp đã được bộc lộ trọn vẹn để tạo ra những hiệu quả viên mãn. => Câu danh ngôn trên không chỉ xác định mối quan hệ biện chứng giữa ý nghĩ, lời nói với việc làm mà còn đặt ra một yêu cầu đối với chúng: có suy nghĩ tốt mới có lời nói hay và từ đó mới có việc làm đẹp, có ý nghĩa, giá trị.	1,0 1,0

	<i>* Bàn luận vấn đề:</i> <i>* Ý nghĩ:</i> Thí sinh bàn luận những cơ sở hình thành ý nghĩ (sự hiểu biết, năng lực nhận thức, bản tính của con người...) Từ đó xác định yêu cầu đặt ra với ý nghĩ là phải trong sáng, sâu sắc, đúng đắn, tích cực để khởi đầu cho những điều tốt đẹp. - Mỗi người phải biết tự nâng cao hiểu biết, mở rộng tầm nhận thức, sửa đổi và hoàn thiện tâm tính, nhân cách để tránh bị tác động tiêu cực từ cuộc sống làm vẩn đục tâm hồn. <i>* Lời nói:</i> Lời nói được hình thành do nhu cầu của bản thân về giao tiếp trong cuộc sống trong những hoàn cảnh, đối tượng cụ thể và mục đích nhất định. - Lời nói giúp chúng ta biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc, truyền tải thông tin. Nó có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến người khác. - Yêu cầu đặt ra là lời nói cần tế nhị, sâu sắc, phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp, đạt được hiệu quả cao nhất về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. - Con đường để đáp ứng những yêu cầu đó là tích lũy hiểu biết, có ý thức đầy đủ về hiệu quả, khả năng tác động của lời nói để thận trọng phát ngôn. <i>* Việc làm:</i> Là hoạt động thể chất và tinh thần để tạo ra những giá trị về vật chất và tinh thần phục vụ mọi nhu cầu trong cuộc sống. - Việc làm thể hiện năng lực, phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm của bản thân; là con đường gắn lý thuyết với thực hành.... - Yêu cầu đặt ra là việc làm phải có mục đích rõ ràng, phương pháp thực hiện chuẩn xác, hiệu quả cụ thể. - Phải tích lũy tri thức, rèn luyện kinh nghiệm, kỹ năng, tính thực tiễn cao để làm việc tốt. <i>* Bài học:</i> - Ý nghĩ gắn với hiểu biết, tâm hồn và nhân cách. Hiểu biết sâu thì tâm hồn phong phú, nhân cách đẹp mới có được ý nghĩ sâu sắc, có tầm vóc. Đây là cái hạt mầm quan trọng nhất, là khởi đầu, xuất phát của tất cả. Ý nghĩ đẹp, nói lời hay, làm việc tốt là biểu hiện cao đẹp của thanh lịch - văn minh, nhất là với học sinh. - Tuy nhiên, có ý nghĩ tốt chưa chắc đã có lời nói hay và việc làm giá trị. Cần phải học nói để lời nói được giá trị và giàu sức thuyết phục. Bởi ngôn ngữ là công cụ trực tiếp của tư duy, ngôn ngữ thể hiện trình độ nhận thức, phẩm chất, tâm hồn của con	1,0 1,0 1,0 1,0
--	--	---

	người. Cần phải học làm việc để biết và làm tốt. Cần có ý thức và lòng tự trọng để lời nói đi đôi với việc làm.	
Câu 3 (12 điểm)	1. Yêu cầu về kĩ năng: - Thí sinh xác định được đây là kiểu bài nghị luận chứng minh nhưng vẫn cần có sự kết hợp hài hòa, hợp lý giữa phân tích, chứng minh, bình luận và biểu cảm. - Biết làm bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh với bố cục 3 phần rõ ràng; kết cấu chặt chẽ, lập luận chắc chắn, có sức thuyết phục - Văn viết lưu loát, có cảm xúc, không mắc các lỗi chính tả, lỗi dùng từ, ngữ pháp, trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng.. 2. Yêu cầu về kiến thức: a. Mở bài: (2 điểm) - Nêu được hiện thực của đất nước ta từ 1945 đến 1975. Hiện thực đó đã tạo nên vóc dáng người chiến sĩ và vóc dáng của con người mới xây dựng CNXH. - Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động mới hoà quyện tạo nên vẻ	2,0 1,0

	đẹp của con người dân tộc Việt Nam. Và điều này đã làm nên hơi thở, sức sống của văn học thời kì 1945 - 1975.	1,0
	b. Thân bài: (8 điểm)	
	<i>* Hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc:</i> họ là những con người nổi bật với lòng yêu nước, ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, với tình đồng đội cao cả, sắt son, tinh thần lạc quan:	0,5
	- Họ là những con người ở mọi tầng lớp, lứa tuổi như: người nông dân mặc áo lính (<i>Đồng chí</i> của Chính Hữu), những chàng trai trí thức vừa rời ghế nhà trường (<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> của Phạm Tiến Duật), là em bé liên lạc (<i>Lượm</i> của Tô Hữu)...	0,5
	- Họ là những người lính, người chiến sĩ có lòng yêu nước sâu sắc, có ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. (dẫn chứng)	1,0
	- Hoàn cảnh sống chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ song họ luôn có tinh thần lạc quan và tình đồng chí, đồng đội cao đẹp... (dẫn chứng)	1,0
	<i>* Hình ảnh người lao động mới:</i> họ xuất hiện với tư cách là những người làm chủ cuộc sống mới, họ lao động, cống hiến một cách hăng say, hào hứng, sẵn sàng hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình vì những lí tưởng cao cả và tương lai đất nước:	1,5
	- Người lao động trong "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy cận mang nhịp thở tươi vui, hăm hở, hoà mình cùng trời cao biển rộng: họ ra khơi với niềm hân hoan trong câu hát, với ước mơ trong công việc, với niềm vui thắng lợi trong lao động. Đó là những con người mang tầm vóc vũ trụ, hăm hở ra khơi bằng tất cả sức lực và trí tuệ của mình.(Dẫn chứng).	1,5
	- "Lặng lẽ SaPa" của Nguyễn Thành Long mang nhịp thở của người lao động mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lí tưởng, say	2,0

	mê, miệt mài trong công việc, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước. Cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp (Dẫn chứng) * <i>Kết bài: (2 điểm)</i> Khẳng định lại giá trị và những đóng góp của Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 đã đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử và thời đại. Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động đã kết tinh thành sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam thế kỉ XX.	
--	---	--

***Lưu ý:** Giám khảo linh hoạt khi chấm bài của học sinh. Khuyến khích những bài viết diễn đạt tốt, kết cấu chặt chẽ, có sức thuyết phục; bài viết có cá tính, giọng điệu cảm xúc riêng.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH GIA

ĐỀ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HSG CẤP TỈNH
Năm học 2016 - 2017

Môn: Ngữ văn 9 – Bài số 2

ĐỀ CHÍNH
THỨC

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (2 điểm).

Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

“Ôi, đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu

Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt

đảo Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương gió bão

Chúng tôi như hòn đá ngàn năm trong trái tim

người Như đá vững bền, như đá tốt tươi...”

(Đội mưa trên đảo Sinh Tồn, Trần Đăng Khoa)

Câu 2 (6 điểm).

Suy nghĩ của em về câu chuyện sau (viết bài nghị luận ngắn):

Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp ra công viên chơi, một cậu bé cứ quần quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ thực sự.

- Chiếc xe này của bạn đấy à? – Cậu bé hỏi.

- Anh mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy – Tôi trả lời, không giấu vẻ tự hào và mãn nguyện.

- Ôi, ước gì tôi... – Cậu bé ngập ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang nghĩ gì rồi. Chắc chắn cậu ấy ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói tiếp theo của cậu bé hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của tôi.

- Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế! – Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm. Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi một đứa em trai nhỏ tật nguyền đang ngồi và nói:

- Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé.

(Hạt giống tâm hồn - nhiều tác giả, tập bốn, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr 16-17)

Câu 3 (12 điểm). Vẻ đẹp trong lối sống, tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long và nhân vật Phương Định trong “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê.

Họ tên học sinh: ; Số báo danh:

**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HSG CẤP TỈNH
NĂM HỌC 2016- 2017**

Môn: Ngữ văn 9 – Bài số 2

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Giám khảo chấm kĩ để đánh giá một cách đầy đủ, chính xác kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.
- Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Giám khảo vận dụng linh hoạt, sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có ý tưởng sáng tạo.
- Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Những bài mắc quá nhiều các loại lỗi dùng từ, chính tả, đặc biệt là văn viết tối nghĩa thì không cho quá nửa số điểm của mỗi câu.
- Chấm theo thang điểm 20 (câu 1: 2 điểm; câu 2: 6 điểm; câu 3: 12 điểm), cho điểm lẻ đến 0,25.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
1	Phát hiện và phân tích giá trị của các biện pháp tu từ	2,0
	HS kết hợp xác định và phân tích tác dụng * Các biện pháp tu từ trong đoạn thơ: - Điệp từ : “ <i>đảo</i> ”, “ <i>sinh tồn</i> ”, “ <i>chúng tôi</i> ”. - Nhân hóa: “ <i>Đảo vẫn sinh tồn</i> ” - So sánh: “ <i>Chúng tôi</i> ” như “ <i>hòn đá ngàn năm trong trái tim người</i> ”, như “ <i>đá vững bền, như đá tốt tươi</i> ”. * Học sinh phân tích được tác dụng: - Điệp từ “ <i>đảo</i> ” “ <i>sinh tồn</i> ” (đảo Sinh Tồn, đảo thân yêu, sinh tồn trên mặt đảo, đảo vẫn sinh tồn) vừa giới thiệu về hòn đảo linh thiêng của Tổ quốc vừa thể hiện được sức sống mãnh liệt của hòn đảo giữa biển khơi cũng như người lính đảo. Điệp từ “ <i>chúng tôi</i> ” - nhân mạnh hình tượng trung tâm của đoạn thơ - người lính đảo - những người đang đối mặt với khó khăn khắc nghiệt nơi đảo xa. - Hình ảnh nhân hóa “ <i>Đảo vẫn sinh tồn</i> ” sự trường tồn của biển đảo quê hương. - Đặc biệt hình ảnh so sánh: “ <i>Chúng tôi</i> ” như “ <i>hòn đá ngàn năm trong trái tim</i> ”	0.5 1.5

	người”, như “đá vững bền, như đá tốt tươi”. Khẳng định sự kiên cường bất khuất của những chiến sỹ nơi đảo xa. Dù không có mưa trên đảo, dù khắc nghiệt của gió bão biển khơi nhưng họ vẫn bền gan vững chí để giữ gìn biển đảo quê hương.	
2	Viết bài nghị luận xã hội	6,0
	1. Yêu cầu về kỹ năng:	0,5
	Đảm bảo một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách logic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, không có quá 3 lỗi dùng từ, diễn đạt...	
	2. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:	5,5
	b. Yêu cầu về kiến thức :	
	* Giải thích ý nghĩa câu chuyện : ước mơ của cậu bé không phải cũng có được một chiếc xe như vậy cho mình mà cậu ước mơ có được chiếc xe lăn để tặng cho đứa em bé bỏng tật nguyền. Cậu trăn trở và quyết tâm “Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé”. Lời hứa là sự chia sẻ, tình yêu thương sâu sắc, sự hy sinh của người anh muốn bù đắp cho đứa em tật nguyền. * Bàn luận - Câu chuyện ngợi ca tình yêu thương, sự sẻ chia đối với người ta yêu thương. Tình yêu thương của người anh thể hiện bằng việc làm cụ thể, để tạo động lực cho người em vươn lên số phận hoàn cảnh. - Câu chuyện cho người đọc bài học về tình cảm gia đình. Khi chúng ta rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh thì không ai khác chính là những người thân yêu, ruột thịt cru mang, đùm bọc. - Khi ta được yêu thương và yêu thương người khác thì ta sẽ thấy hạnh phúc. - Bên cạnh đó trong cuộc sống nhiều gia đình anh em tranh giành quyền lợi, sống thờ ơ, thiếu quan tâm..... * Bài học nhận thức và hành động: - Bài học đáng quý cho tuổi học trò, đừng đòi hỏi người khác quan tâm, chăm sóc mình mà mỗi người cần quan tâm đến mọi người trong gia đình. - Biết yêu thương là người giàu lòng nhân ái, lối sống cao đẹp.	1,0 3,0 1,5
3	Viết bài nghị luận văn học	12,0
	1. Yêu cầu về kỹ năng:	1,0
	- Đảm bảo một văn bản nghị luận có bố cục rõ ràng, hợp lí; tổ chức sắp xếp hệ thống các ý một cách logic, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; chữ viết rõ ràng, cẩn thận; không mắc lỗi dùng từ cơ bản... - Phải huy động những hiểu biết về văn học, đời sống, kỹ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ thái độ, chủ kiến của mình để làm bài. - Có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng, phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.	
	2. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:	11.0
	a. Giới thiệu sơ lược về đề tài viết về những con người sống, cống hiến cho đất	1.5

	nước trong văn học. Nêu tên 2 tác giả và 2 tác phẩm cùng những vẻ đẹp của anh thanh niên và Phương Định. b. Vẻ đẹp của 2 nhân vật trong hai tác phẩm: * Vẻ đẹp trong cách sống: - <i>Nhân vật anh thanh niên: trong Lặng lẽ Sa Pa</i> + Hoàn cảnh sống và làm việc : một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất... + Anh đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định. + Anh đã vượt qua sự cô đơn vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người. + Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người. + Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học...	8.0 2.0
	- <i>Cô thanh niên xung phong Phương Định:</i> + Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom. + Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn. + Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm...	2.0
	* Vẻ đẹp tâm hồn: - <i>Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa:</i> + Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người. + Anh đã có suy nghĩ thật đúng đắn và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người. + Khiêm tốn thành thực cảm thấy công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé. + Cảm thấy cuộc sống không cô đơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện. + Là người nhân hậu, chân thành, giản dị. - <i>Cô thanh niên Phương Định:</i> + Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên. + Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình. + Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình.	2.0 1.5 0.5

	⇒ Các tác giả miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế	
--	---	--

	giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao thượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ.	
	c. Đánh giá, liên hệ: - Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu. - Liên hệ với người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn qua bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật - Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc. - Liên hệ với lối sống, tâm hồn của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.	1.5

** Lưu ý: Trên đây là những gợi ý và định hướng chung, giám khảo cần vận dụng linh hoạt dựa trên thực tế bài làm của học sinh. Khuyến khích những bài có cảm nhận sâu sắc, có cảm xúc và sáng tạo trong cách viết.*

PHÒNG GD&ĐT THANH OAI
TRƯỜNG THCS XUÂN DƯƠNG

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI

**Môn: Ngữ
văn 9 Năm
học: 2015 -
2016**

Câu 1 (4,0 điểm):

Thời gian làm bài: 150 phút

Cảm nhận của em về hai câu thơ sau:

Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông
hoa.

(Trích “ *Cảnh ngày xuân* ” – “*Truyện Kiều*”–Nguyễn Du)

Câu 2: (6,0 điểm)

Suy nghĩ của em về câu chuyện sau:

“Sau trận động đất và sóng thần kinh hoàng ở Nhật Bản, tại một trường tiểu học, người ta tổ chức phân phát thực phẩm cho những người bị nạn. Trong những người xếp hàng, tôi chú ý đến một em nhỏ chừng chín tuổi, trên người chỉ mặc một bộ quần áo mỏng manh. Trời rất lạnh mà em lại xếp hàng cuối cùng, tôi sợ đến lượt em thì chắc chẳng còn thức ăn nên đến gần và trò chuyện với em.

Em kể thảm họa đã cướp đi những người thân yêu trong gia đình: cha, mẹ và đứa em nhỏ. Em bé quay người lau vội dòng nước mắt.

Thấy em lạnh, tôi cởi chiếc áo khoác choàng lên người em và đưa khẩu phần ăn tối của mình cho em: “Đợi tới lượt cháu chắc hết thức ăn rồi, khẩu phần của chú đó, chú ăn rồi, cháu ăn đi cho đỡ đói”. Cậu bé nhận túi lương khô, khom người cảm ơn. Tôi tưởng em sẽ ăn ngấu nghiến ngay lúc đó, nhưng thật bất ngờ, cậu mang khẩu phần ít ỏi ấy đi thẳng đến chỗ những người đang phân phát thực phẩm, để túi thức ăn vào thùng rồi quay lại xếp hàng.

Ngạc nhiên vô cùng, tôi hỏi tại sao cháu không ăn mà lại đem bỏ vào đó.

Cậu bé trả lời: “Bởi chắc còn có nhiều người bị đói hơn cháu. Cháu bỏ vào đó để cô chú phát chung cho công bằng.”

(Dẫn theo báo Dân trí điện tử)

Câu 3 (10 điểm):

Có ý kiến cho rằng: “Bài thơ “Đồng chí ” của Chính Hữu là một bức tranh tráng lệ, cao cả, thiêng liêng về người chiến sĩ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Em hãy phân tích bài thơ để làm sáng tỏ.

PHÒNG GD-ĐT THANH OAI
TRƯỜNG THCS XUÂN DƯƠNG

HƯỚNG DẪN
CHẤM ĐỀ THI
HỌC SINH GIỎI

Môn: Ngữ
văn 9 Năm

học:

2015-2016

Thời gian làm bài:
150 phút

Câu 1: (4 điểm)

A. Yêu cầu về kỹ năng:

Học sinh có thể trình bày và lập luận khác nhau song bài viết phải có kết cấu chặt chẽ, có khả năng cảm thụ tốt, phân tích thỏa đáng làm sáng rõ nội dung yêu cầu của đề bài. Văn viết mạch lạc có cảm xúc.

B. Yêu cầu về kiến thức:

Hai câu thơ thực là bức họa tuyệt đẹp về mùa xuân: “*Cỏ non xanh tận chân trời - Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*”.

- Ở đây, Nguyễn Du học tập hai câu thơ cổ Trung Quốc: “*Phương thảo liên thiên bích - Lê chi sổ điểm hoa*”, nhưng khi đưa vào bài thơ của mình, tác giả đã rất sáng tạo.

- Câu thơ Trung Quốc dùng hình ảnh “cỏ thơm” (phương thảo) thiên về mùi vị thì Nguyễn Du thay bằng “cỏ xanh”, cộng thêm sắc trắng của hoa lê tạo cho bức tranh thiên về màu sắc.

Trong bức tranh ấy của ND có thảm cỏ non trải rộng tới tận chân trời là gam màu nền cho bức tranh xuân. Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết sắc trắng của một vài bông hoa lê khiến cho màu sắc có sự hài hoà đến mức tuyệt diệu. Chữ “điểm” làm cho cảnh vật trở nên sinh động, có hồn chứ không tĩnh tại.

- Tất cả đều gợi nên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống, khoáng đạt mà trong trẻo, nhẹ nhàng mà thanh khiết.

- Hai câu thơ tả cảnh thiên nhiên của ND quả là tuyệt bút! Ngòi bút của Nguyễn Du tài hoa, giàu chất tạo hình ngôn ngữ biểu cảm, gợi tả. Qua đó, ta thấy tâm hồn con người tươi vui, phấn chấn qua cái nhìn thiên nhiên trong trẻo, tươi tắn, hồn nhiên, nhạy cảm tha thiết với vẻ đẹp thiên nhiên.

C. Cách cho điểm:

3,5->4 điểm: Cảm nhận đúng, có ý sâu sắc, tinh tế, diễn đạt tốt.

2,5->3 điểm: Cảm nhận đúng, khá đầy đủ, sâu sắc, tinh tế, diễn đạt

khá. 1,5->2 điểm: Cảm nhận được nhưng nhìn chung chưa sâu, mắc ít lỗi diễn

đạt.

0,5->1 điểm: Cảm nhận còn hời hợt, mắc nhiều lỗi diễn đạt.

Câu 2: (6,0 điểm)

A. Yêu cầu về kỹ năng:

- Thí sinh thể hiện tốt kỹ năng làm văn nghị luận xã hội.
- Bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy, lập luận chặt chẽ, không mắc lỗi ngữ pháp, dùng từ, chính tả.

B. Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

** Nêu được ý nghĩa của câu chuyện:*

- Thể hiện tình yêu thương ấm áp, sự đồng cảm, sẻ chia giữa những con người đang ở trong hoàn cảnh éo le. Điều này có thể thấy qua nghĩa cử cao đẹp của nhân vật “tôi” đối với em nhỏ cũng như suy nghĩ, việc làm đáng trân trọng của em bé bất hạnh.

** Bàn luận về vấn đề tình yêu thương giữa con người với con người trong cuộc sống:*

- Trong cõi đời, tình yêu thương giữa con người với con người là một giá trị cao quý, là điều cần thiết mà ai cũng phải hướng tới.

- Trong hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn, lòng nhân ái càng cần thiết để sưởi ấm những mảnh đời bất hạnh.

- Phê phán những kẻ sống vô cảm, ích kỉ, thờ ơ với cộng đồng.

** Rút ra bài học.*

- Mỗi người cần biết sống yêu thương, gắn bó, có trách nhiệm với cộng đồng; đặc biệt là cần quan tâm, giúp đỡ những kiếp đời kém may mắn.

C. Cách cho điểm:

- **Điểm 5,6:** Đạt được các yêu cầu nêu trên, lí lẽ thuyết phục, văn viết mạch lạc, không mắc những lỗi diễn đạt thông thường.

- **Điểm 3,4:** Đạt được quá nửa yêu cầu về nội dung. Còn một số lỗi về diễn đạt, thức.

- **Điểm 1,2:** Đạt được một nửa yêu cầu về nội dung, mắc nhiều lỗi về hình

- **Điểm 0:** Lạc đề, sai cả nội dung và phương pháp

Câu 2: (10 điểm):

A. Yêu cầu về kỹ năng:

- Làm đúng thể loại nghị luận văn học.
- Có kỹ năng làm bài văn giải thích kết hợp với chứng minh.

- Xây dựng hệ thống lập luận chặt chẽ, logic.
- Văn viết trong sáng, giàu cảm xúc.

B. Yêu cầu về kiến thức: I-

Mở bài:

- Bài thơ ra đời năm 1948, khi Chính Hữu là chính trị viên đại đội thuộc Trung đoàn Thủ đô, là kết quả của những trải nghiệm thực, những cảm xúc sâu xa của tác giả với đồng đội trong chiến dịch Việt Bắc.
- Nêu nhận xét chung về bài thơ (như đề bài đã nêu)

I- Thân bài:

1. Giải thích ý nghĩa lời nhận định:

- Lời nhận định trên đã đánh giá chính xác sự thành công của bài thơ “Đồng chí”.

+ Bởi lẽ, nói tới bức tượng đài tráng lệ là nói tới hình ảnh của một người nào đó được khắc hoạ để bền vững với núi sông, trường tồn với thời gian. Còn nói tới sự tráng lệ là nói tới vẻ đẹp rực rỡ, lộng lẫy.

- Như vậy, lời nhận định trên đã khẳng định rằng, **nhà thơ Chính Hữu đã xây dựng được hình ảnh người chiến sĩ hiện lên trong bài thơ với vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng.** Hình tượng nghệ thuật ấy được xây dựng bằng ngôn từ sống mãi với thời gian, sống mãi trong tâm trí bạn đọc.

2. Chứng minh:

a. Trước hết người đọc cảm nhận được vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng của người chiến sĩ là tình đồng chí xuất phát từ cơ sở của sự hình thành tình đồng chí.

- Xuất thân nghèo khổ: *Nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá*
- Chung lí tưởng chiến đấu: *Súng bên súng, đầu sát bên đầu*
- Chia sẻ mọi khó khăn, gian lao cũng như buồn vui của cuộc đời người lính: “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”
- Kết thúc đoạn là dòng thơ chỉ có một từ : *Đồng chí* (một nốt nhấn, một sự kết tinh cảm xúc).

b. Vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng của người chiến sĩ còn được thể hiện ở tình đồng chí gắn bó với nhau trong cuộc sống gian lao:

- Họ cảm thông chia sẻ tâm tư, nỗi nhớ quê: nhớ ruộng nương, lo cảnh nhà gieo neo (*ruộng nương... gửi bạn, gian nhà không ... lung lay*), từ “*mặc kệ*” chỉ là cách nói có vẻ phớt đời, về tình cảm phải hiểu ngược lại), giọng điệu, hình ảnh của ca dao (*bến nước, gốc đa*) làm cho lời thơ càng thêm thấm thiết.

- Cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng nguy hiểm: những chi tiết đời thường trở thành thơ, mà thơ hay (*tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh,...*) ; từng cặp chi tiết thơ sóng đôi như hai đồng chí bên nhau : *áo anh rách vai / quần tôi có vài mảnh vá ; miệng cười buốt giá / chân không giày ; tay nắm / bàn tay*.

- Kết đoạn cũng quy tụ cảm xúc vào một câu: *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay* (tình đồng chí truyền hơi ấm cho đồng đội, vượt qua bao gian lao, bệnh tật).

c. Đặc biệt về đẹp cao cả, thiêng liêng của tình đồng chí còn được thể hiện thật lãng mạn, thơ mộng khi họ sát cánh bên nhau trong chiến hào chờ giặc

- Cảnh chờ giặc căng thẳng, rét buốt : *đêm, rừng hoang, sương muối*.

- Họ càn sát bên nhau vì chung chiến hào, chung nhiệm vụ chiến đấu, chủ động trong tư thế: *chờ giặc*.

- Cuối đoạn mà cũng là cuối bài cảm xúc lại được kết tinh trong câu thơ rất đẹp: *Đầu súng trăng treo* (như bức tượng đài người lính, hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất của tình đồng chí, cách biểu hiện thật độc đáo, vừa lãng mạn vừa hiện thực, vừa là tinh thần chiến sĩ vừa là tâm hồn thi sĩ,...)

III- Kết bài :

- Khẳng định ý nghĩa lời nhận định....

- Đề tài dễ khô khan nhưng được Chính Hữu biểu hiện một cách cảm động, sâu lắng nhờ biết khai thác chất thơ từ những cái bình dị của đời thường. Đây là một sự cách tân so với thơ thời kì kháng chiến chống Pháp viết về người lính.

- Viết về bộ đội mà không tiếng súng nhưng tình cảm của người lính, sự hi sinh của người lính vẫn cao cả, hào hùng...

C. Tiêu chuẩn cho điểm:

- **Điểm 9,10:** Đạt được các yêu cầu nêu trên. Văn viết mạch lạc, có cảm xúc, thể hiện sự sáng tạo, không mắc lỗi diễn đạt thông thường.

- **Điểm 7,8:** Đạt được các yêu cầu nêu trên. Văn viết mạch lạc, mắc ít lỗi diễn đạt thông thường.

- **Điểm 5,6** Đạt được quá nửa yêu cầu về kiến thức. Còn một số lỗi về diễn đạt.

- **Điểm 3,4** Đạt được quá nửa yêu cầu về kiến thức, mắc nhiều lỗi về câu, từ, chính tả.

- **Điểm 1,2 :** Chưa đạt yêu cầu nêu trên. Nội dung sơ sài, diễn đạt yếu, mắc nhiều lỗi về câu, từ, chính tả.

- **Điểm 0:** Lạc đề, sai cả nội dung và phương pháp.

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THANH
B.A

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

Năm học :

2016 – 2017

Môn : Ngữ

văn

Đề chính thức

(Thời gian làm bài 135 phút, không kể thời
gian giao đề) (Đề có 01 trang)

Câu 1 (8 điểm) :

Nhà thơ Robert Frost(1874-1963) viết: “Trong rừng có nhiều lối đi, và tôi chọn lối đi không có dấu chân người”.

Nhà văn Lỗ Tấn(1881-1936) lại nói: “Kỳ thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi”.

Nêu suy nghĩ của em về hai cách chọn đường trên. Câu 2 (12 điểm) :

“Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp”.

Hãy khám phá “xứ sở của cái đẹp” qua văn bản Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận, Ngữ văn 9, tập 1.

PHÒNG GD&ĐT THANH BA

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ GIAO LƯU
HSG CẤP HUYỆN NĂM HỌC
2016-2017
Môn: Ngữ văn 9

Câu	Nội dung	Điểm
1	a.Yêu cầu kĩ năng : - Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...) - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp. Hành văn lưu loát, trong sáng, có cảm xúc.	
	b.Yêu cầu về kiến thức: 1.Mở bài : <i>Giới thiệu vấn đề và trích dẫn hai ý kiến :</i> <i>Trong cuộc sống, có nhiều con đường dẫn tới thành công, nhưng quan niệm về con đường của mỗi người người lại khác nhau. Nếu nhà văn Lỗ Tấn từng khẳng định: “Kỳ thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi” thì nhà thơ Robert Frost lại viết: “Trong rừng có nhiều lối đi, và tôi chọn lối đi không có dấu chân người”. Vậy ta sẽ chọn cho riêng mình lối đi đã có dấu chân hay đường đã có sẵn để bước đi trong cuộc sống?</i> 2. Thân bài : 2.1. Giải thích hai ý kiến: – <i>Lối đi đã được người ta đi mãi thành đường: lối đi cũ, cách làm cũ, dễ dàng, đã quen thuộc, đã nhiều người thực hiện,</i> – <i>Lối đi chưa có dấu chân người: lối đi, cách làm sáng tạo, mạo hiểm, dũng cảm đối đầu với khó khăn</i> – <i>Bằng cách nói hình ảnh, hai câu nói trên nêu lên những lựa chọn khác nhau để làm nên thành công trong hành trình cuộc sống của mỗi con người. Mỗi người có một lựa chọn riêng, mỗi lối đi đều có những thuận lợi và khó khăn riêng</i> 2.2.Bàn bạc,đánh giá – <i>Mỗi lối đi đều có những thuận lợi và khó khăn riêng</i> + <i>Lối đi đã được người ta đi mãi thành đường: đây là lối đi an toàn, nhiều thuận lợi vì đã có người đi trước, mình có thể rút kinh nghiệm để thành công, đến đích sớm. Tuy nhiên con người sẽ không còn nhiều cơ hội để tìm ra cái mới, tìm cơ hội chinh phục và khám phá</i> + <i>Lối đi không có dấu chân người: đây là lối đi, cách thức nhiều trở ngại, nhiều khó khăn phải đối đầu, buộc con người phải dũng cảm, phải sáng tạo, thậm chí mạo hiểm. Lối đi ấy có thể có rủi ro, nhưng con người phải biết chấp nhận để có được thành công cho lần sau. Nếu thành công, con người có niềm vui, niềm hạnh phúc của người tiên phong, người mở đầu.</i> – <i>Hai ý kiến trên thực chất bổ sung cho nhau, con người sẽ có được thành công khi vừa biết kế thừa kinh nghiệm của người đi trước, tìm lối đi an toàn, lại vừa sáng tạo kiếm tìm cái mới như một sự khởi nghiệp.</i> HS có thể lấy dẫn chứng để chứng minh – <i>Tuy nhiên, chọn lối đi người ta đi mãi thành đường không có nghĩa là bảo thủ, kì thị cái mới vùi dập tinh thần sáng tạo; chọn “lối đi chưa có dấu chân người” không có nghĩa là liều lĩnh,</i>	

	dại dột, mạo hiểm đến thất bại một cách vô nghĩa . Mở rộng vấn đề : phê phán những người sống bảo thủ, dựa dẫm, không có tinh thần sáng tạo. Phê phán những người liêu lĩnh, mạo hiểm một cách mù quáng, không biết kế thừa kinh nghiệm , thành tựu của người đi trước, không chịu tiếp thu cái mới,... * Bài học nhận thức và hành động – Nhận thức được tính đúng đắn trong từng quan niệm sống – Biết tôi luyện và vận dụng các phẩm chất linh hoạt, sáng tạo, dũng cảm trong từng tình huống cụ thể của đời sống để có được thành công 3.Kết bài : khẳng định lại vấn đề	
2	a. Yêu cầu về kĩ năng: - Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...) - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp. Hành văn lưu loát, trong sáng, có cảm xúc. b. Yêu cầu về kiến thức: 1. Mở bài: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận - Trích dẫn ý kiến 2. Thân bài 2.1. Giải thích khái quát vấn đề - Nhà văn chân chính là nhà văn luôn đặt mục đích sáng tác vào con người và cuộc sống. Đem ngòi bút của mình phục vụ đời sống và có ích cho con người. - Xứ sở của cái đẹp trong tác phẩm văn học được thể hiện ở hai phương diện nội dung và hình thức. + Vẻ đẹp nội dung là vẻ đẹp của tự nhiên và con người trong lao động, chiến đấu, các lĩnh vực khác... mà nhà văn mang tới cho người đọc. + Vẻ đẹp hình thức là khả năng xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động, độc đáo, hấp dẫn. Là khả năng kết cấu chặt chẽ, tình huống hợp lí và khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện... => Nội dung, hình thức đẹp không chỉ đem lại cho người đọc những rung cảm thẩm mĩ mà còn làm cho con người yêu cuộc sống, khao khát hướng tới những gì đẹp để tốt lành cho cuộc đời. Để người đọc cảm nhận được xứ sở của cái đẹp đó thì nhà văn chân chính là người dẫn đường cho người đọc khám phá cảm nhận. Đó là niềm vui, niềm hạnh phúc của nhà văn.	3.0
	2.2. Chứng minh qua văn bản Đoàn thuyền đánh cá của nhà văn Huy Cận a, Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá được thể hiện ở trước hết ở phương diện nội dung : a.1. Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá được thể hiện ở vẻ đẹp của thiên nhiên vùng biển Hạ Long : + Đó là cảnh thiên nhiên bao la, bát ngát, hùng vĩ khiến cảnh lao động thêm hùng tráng. + Thiên nhiên kì ảo, thơ mộng khiến cảnh lao động trở lên thi vị + Thiên nhiên đầy sức sống, ấm áp, gần gũi với con người + Thiên nhiên giàu có ban tặng bao loài các với vẻ đẹp lộng lẫy và rực rỡ làm nên kết quả tốt đẹp của người lao động, ...	3.0

	(Lấy được dẫn chứng, phân tích) -> Tất cả làm nên một bức tranh thiên nhiên đẹp kì lạ, hấp dẫn gọi ra cho ta bao liên tưởng và yêu mến.	
	a.2. Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá còn được thể hiện ở vẻ đẹp hấp dẫn của con người: + Làm chủ cuộc đời, làm chủ biển trời quê hương, miệt mài, hăng say lao động, không quản ngày đêm làm giàu cho quê hương, đất nước. + Tâm hồn phơi phới lạc quan. + Lao động đạt kết quả tốt đẹp. + Hình ảnh họ được khắc họa trong sự hòa hợp với thiên nhiên, nổi bật ở vị trí trung tâm, gắn với đoàn thuyền đánh cá, trong lao động tập thể hào hùng, đầy niềm vui. Tâm vóc của họ được phóng to trên nền vũ trụ, mang kích thước vũ trụ. Vẻ đẹp của họ vừa thực, vừa lãng mạn. (Lấy được dẫn chứng, phân tích) -> Tất cả đã tạo nên xứ sở của cái đẹp: thiên nhiên đẹp, con người đẹp	3.0
	b. Xứ sở của cái đẹp trong <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> không chỉ đẹp về nội dung mà còn đẹp về nghệ thuật, được thể hiện: - Cảm hứng vũ trụ và cảm hứng lãng mạn cách mạng đã tạo cho bài thơ có nhiều hình ảnh độc đáo, vừa thực, vừa ảo, vừa rộng lớn, tráng lệ, lung linh như những bức tranh sơn mài.. - Bài thơ cũng là một khúc ca, khúc ca về lao động, về thiên nhiên đất nước giàu đẹp. Khúc ca ấy phơi phới, khỏe khoắn, mạnh mẽ, được tạo nên bởi âm hưởng, giọng điệu của bài thơ. Các yếu tố lời thơ, nhịp điệu, vần, ... góp phần làm nên âm hưởng ấy. Cách gieo vần có nhiều biến hóa, linh hoạt... - Bút pháp phóng đại khoa trương đạt hiệu quả thẩm mỹ và tạo dấu ấn riêng cho bài thơ... - Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ: liệt kê gọi sự giàu có của biển khơi, các hình ảnh ẩn dụ...nghệ thuật nhân hóa gọi một không gian sống động, lung linh, kì ảo mà gần gũi, ấm áp	2,0
	3. Kết bài: - Cái đẹp trong tác phẩm văn học đa dạng, phong phú được khơi nguồn kết tinh từ cuộc sống. - Đời sống tự nhiên ấy được khúc xạ qua ánh sáng, cảm quan, quá trình lao động cực nhọc, sáng tạo, mê say của nhà văn để có được sức hấp dẫn, những giá trị đẹp của con người, làm cho con người sống tốt hơn. - Yêu cái đẹp của văn chương là chúng ta yêu tấm lòng của nhà văn. Họ là những kĩ sư tâm hồn đốt cháy mình để có được ánh sáng, niềm vui dẫn ta đến bến bờ xứ sở của cái đẹp trong cuộc sống.	1

**PHÒNG GD&ĐT TAM ĐƯƠNG ĐỀ
CHÍNH THỨC**

**HƯỚNG DẪN CHẤM HSG LỚP 9
VÒNG 1
Năm học
2014-2015
MÔN
NGỮ
VĂN**

(HDC này gồm 05 trang)

Câu 1.(4,0 điểm)

A/ Yêu cầu về kĩ năng:

- Thí sinh viết bài nghị luận xã hội, thể hiện những hiểu biết sâu sắc về vấn đề nêu ra.
- Biết cách làm kiểu bài nghị luận xã hội, kết hợp các thao tác: giải thích, phân tích, chứng minh.
- Bài văn cần có bố cục rõ ràng, luận điểm khoa học, luận cứ phong phú, xác thực, lập luận chặt chẽ.

B/ Yêu cầu về kiến thức:

Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các ý sau:

1. Giải thích nhận định:

- + Giông tố ở đây dùng để chỉ cảnh gian nan đầy thử thách hoặc việc xảy ra dữ dội . Đó có thể là một căn bệnh hiểm nghèo, một đổ vỡ trong kế hoạch làm ăn, một thất bại trong học tập, một phá sản trong kinh doanh...
- + Câu nói khẳng định: *cuộc đời có thể trải qua nhiều gian nan nhưng chớ cúi đầu trước khó khăn, chớ đầu hàng thử thách, gian nan.* (Đây là vấn đề nghị luận)

2. Phân tích, chứng minh:

- + Cuộc đời của con người thường có nhiều khó khăn, thử thách, nhiều thăng trầm trong cuộc sống, chúng ta phải biết vươn lên, vượt qua mọi thử thách của cuộc đời, đừng vì khó khăn, trắc trở ngay trước mắt mà vội vàng từ bỏ. Đừng bao giờ “ngại núi, e sông” hoặc “Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”. Cuộc sống không phải lúc nào cũng bằng phẳng, thuận lợi mà đôi khi con người phải đối mặt với nhiều chông gai, thử thách, thậm chí là cả thất bại.
- + Giông tố, gian nan thử thách trong đời chính là môi trường tôi luyện cho ý chí ta thêm vững bền. Gian nan, thử thách chính là môi trường tôi luyện con người. Nhiều khi thử thách, chông gai lại làm con người trưởng thành hơn. Những khó khăn, gian khổ mà con người cần vượt qua có thành công hay không là do chính bản thân họ, cho dù có khó đến đâu nhưng lòng người có ý chí vững vàng, niềm tin vào bản thân và cố gắng hết sức vượt

qua thì cũng sẽ thành công, còn ngược lại, không có lòng quyết tâm, ý chí tin vào chính mình, không cố gắng hết sức thì cũng sẽ không làm được gì.

+ Lấy một vài dẫn chứng để làm rõ nhận định trên.

3. Bàn luận mở rộng vấn đề:

+ Câu nói trên là tiếng nói của một lớp trẻ sinh ra và lớn lên trong thời đại đầy bão táp, sống thật đẹp và hào hùng.

+ Câu nói thể hiện một quan niệm nhân sinh tích cực: sống không sợ gian nan, thử thách, phải có nghị lực và bản lĩnh.

+ Nhận định về một số hành động tiêu cực, sống vội của giới trẻ, của những con người tự ti để làm rõ hơn trong XH vẫn còn nhiều hiện tượng đáng lên án.

+ Câu nói gợi cho bản thân nhiều suy nghĩ: trong học tập, cuộc sống bản thân phải luôn có ý thức phấn đấu vươn lên. Bởi cuộc đời không phải con đường bằng phẳng mà đầy chông gai, mỗi lần vấp ngã không được chán nản bi quan. Để có được điều này thì cần phải làm gì?

+ Liên hệ, rút ra bài học cho bản thân.

C/ Thang điểm:

*** Mức tối đa:**

- **Điểm 3,5- 4,0 :** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên. Bài viết thể hiện được khả năng tư duy, có vốn sống phong phú. Lập luận chặt chẽ, diễn đạt rõ ràng, chữ viết sạch đẹp, không mắc các lỗi.

*** Mức chưa tối đa:**

- **Điểm 2,5- 3,0:** Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu trên, diễn đạt tương đối tốt, có thể mắc một vài sai sót nhỏ.

- **Điểm 1,5- 2,0:** Đáp ứng được khoảng 1/2 các yêu cầu trên có thể diễn đạt chưa hay, dẫn chứng chưa phong phú nhưng thoát ý, dễ hiểu, còn mắc một vài sai sót về dùng từ .

- **Điểm 0,5-1,0:** Bài viết thiếu nhiều ý ,bố cục lộn xộn dẫn chứng nghèo nàn ý, mắc lỗi diễn đạt, dùng từ.

*** Mức không đạt:**

- **Điểm 0:** HS không làm bài hoặc sai lạc cả nội dung và hình thức.

Câu 2. (6,0 điểm)

A. Yêu cầu về kỹ năng:

- Học sinh cần viết được một bài văn nghị luận văn học để giải thích, chứng minh làm sáng tỏ một nhận định.

- Bài viết cần có bố cục rõ ràng, dẫn chứng phong phú, chính xác, lời văn trong sáng, diễn đạt chặt chẽ, có hình ảnh, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

B. Yêu cầu về kiến thức:

- Học sinh có thể trình bày ý kiến, quan điểm theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo được một số ý cơ bản sau:

1. Giải thích nhận định:

- Hiện thực cuộc sống là chất liệu quan trọng của văn học nghệ thuật để từ đó nhà văn xây dựng nên các hình tượng cho tác phẩm của mình.

- Văn học không phản ánh máy móc, thụ động như một tấm gương: Tuy nhà văn là người thư ký trung thành của hiện thực cuộc sống, nhưng trong tác phẩm của mình, nhà văn không ghi lại một cách nguyên vẹn cuộc sống. Nhà văn chân chính không bao giờ đi trên những lối mòn xưa cũ mà bao giờ cũng tìm tòi, sáng tạo, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có.

- Hình tượng văn học mang đậm dấu ấn cá nhân nhà văn: thời đại lịch sử, cách nhìn, cách nghĩ,...

=> Đây là nhận định hoàn toàn đúng đắn về đặc trưng trong quá trình sáng tạo nghệ thuật của nhà văn.

2. Phân tích chứng minh qua hình tượng người lính trong hai bài thơ *Đồng chí* và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.

a. Hiện thực đất nước giai đoạn 1945 -1975 là hiện thực của hai cuộc kháng chiến trường kì chống Pháp và chống Mỹ nên người lính cách mạng trở thành hình tượng tiêu biểu, điển hình.

- Đó là những con người mộc mạc, bình dị, chân chất, đời thường từ cách cảm đến cách nghĩ song ở họ toát lên những phẩm chất cao đẹp: Tình đồng chí, đồng đội keo sơn, tinh thần lạc quan, lòng quả cảm, đức hy sinh và lòng yêu nước nồng nàn. Họ cùng chiến đấu cho hòa bình và độc lập tự do của dân tộc với tinh thần quyết chiến quyết thắng.

- Họ mang trong mình những phẩm chất chung của anh bộ đội cụ Hồ qua các thời kỳ: Bình dị mà vĩ đại; sống có lý tưởng; cái cao cả vĩ đại được bắt nguồn từ những gì bình dị nhất.

b. Tuy nhiên, ở mỗi tác phẩm, thông quan lăng kính chủ quan của nhà thơ, hình tượng người lính lại có những nét đẹp riêng.

** Người lính trong bài thơ "Đồng chí":*

- Đậm chất mộc mạc, bình dị, chất phác, ra đi từ luống cày, thửa ruộng, từ những miền quê nghèo khó. Họ cùng chung một cảnh ngộ "*Quê hương anh nước mặn đồng chua/Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*"

- Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, những người nông dân mặc áo lính vượt lên những gian khổ, thiếu thốn, khám phá một tình cảm mới mẻ, đáng trân trọng: Tình đồng chí.

- Họ cùng chung những khó khăn gian khổ nơi chiến trường: *rét, áo rách, quần vá.*

- Cùng chung một lý tưởng, chung ý chí và tâm hồn Việt Nam: "*Đầu súng trăng treo*"

=> Vẻ đẹp của người lính bước lên từ đồng ruộng, tiêu biểu cho vẻ đẹp của anh bộ đội cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

=> Dấu ấn sáng tạo của Chính Hữu trong bài thơ **Đồng chí** chủ yếu thiên về khai thác nội tâm:

+ Ngôn từ: Mộc mạc, bình dị, quen thuộc, không phải thô sơ mà được tinh lọc từ lời ăn tiếng nói dân gian.

+ Hình ảnh: Đậm chất hiện thực nhưng giàu sức biểu cảm, hàm xúc, cô đọng.

+ Giọng điệu: Tâm tình, thủ thỉ, thăm thía, sâu lắng.

* *Người lính trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính":*

- Đậm chất ngang tàng, ngạo nghễ, tâm hồn phóng khoáng, trẻ trung, tinh nghịch, yêu đời của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. “*Không có kính, ừ thì có bụi.... Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha*”

- Ở họ toát lên tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, coi thường gian khổ hiểm nguy, bất chấp khó khăn, thử thách “*Ung dung buồng lái ta ngồi/ Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng*”; ý chí chiến đấu vì giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc: “*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước/ Chỉ cần trong xe có một trái tim*”.

- Hình ảnh người chiến sĩ có sự hòa quyện giữa phong thái người nghệ sĩ và tinh thần người chiến sĩ.

=> Dấu ấn sáng tạo của Phạm Tiến Duật trong **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** thiên về đi tìm khám phá vẻ đẹp trong diễn biến sinh động, trong sự phát triển không ngừng của cuộc sống; cách nhìn, cách khai thác hiện thực, khai thác chất thơ từ sự khốc liệt của chiến tranh:

+ Ngôn từ: Giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khỏe khoắn mang đậm phong cách của người lính lái xe.

+ Hình ảnh: chân thật nhưng độc đáo, giàu chất thơ.

+ Giọng điệu: Lạ, ngang tàng, tinh nghịch, dí dỏm, vui tươi. Những câu thơ văn xuôi, những lời đối thoại thông thường...

=> Nét riêng ấy đã thể hiện sự phát triển trong nhận thức, khám phá của các nhà thơ về hình tượng anh bộ đội cụ Hồ. Đó là sự trưởng thành của người lính đi qua hai cuộc trường chinh và sự lớn lên về tầm vóc dân tộc được tôi luyện trong lửa đạn chiến tranh.

Tóm lại: *Đồng chí* và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* ra đời cách nhau 21 năm. Một khoảng cách của hai thế hệ văn nghệ sĩ. Hai thi phẩm đều có cùng một điểm nhìn nghệ thuật, gần nhau trong bút pháp: xuất phát từ cảm xúc chân thực trước hiện thực cuộc sống, nhưng đều mang đậm nét riêng của mỗi thi nhân. Có được thành công này, Chính Hữu và Phạm Tiến Duật đều là những người trong cuộc, vừa cảm hứng chiến đấu vừa cầm bút viết về chính những gì họ đã trải qua. Họ đều là anh bộ đội cụ Hồ.

3. Đánh giá:

- Hình tượng văn học luôn mang đậm dấu ấn cá nhân của nhà văn. Điều đó đã khẳng định vị trí, đóng góp của nhà văn trong nền văn học.

- Hình tượng văn học mang đậm dấu ấn nhà văn sẽ đem đến cho người đọc thế giới hình tượng văn học vô cùng phong phú, đa dạng, tạo nên cái nhìn đa chiều, sâu sắc về cuộc sống.

C. Thang điểm:

*** Mức tối đa:**

- **Cho 5,5-6,0 điểm:** Đáp ứng được những yêu cầu trên, luận điểm khoa học, dẫn chứng phong phú phân tích cảm nhận sâu sắc, văn viết có cảm xúc. Có thể còn một vài sai sót nhỏ.

*** Mức chưa tối đa:**

- **Cho 4,5-5,0 điểm:** Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu trên, diễn đạt tương đối tốt, còn mắc lỗi dùng từ đặt câu.

- **Cho 3,5-4,0 điểm:** Đáp ứng được 2/3 yêu cầu trên, diễn đạt chưa hay nhưng thoát ý, mắc lỗi dùng từ đặt câu.

- **Cho từ 2,5 - 3,0 điểm:** Đáp ứng được 1/2 yêu cầu trên, luận điểm tương đối khoa học, dẫn chứng chưa thật phong phú, mắc lỗi dùng từ đặt câu.

- **Cho từ 0,5 -2,0 điểm:** Bố cục bài viết lộn xộn, luận điểm nghèo nàn, dẫn chứng đơn điệu, mắc nhiều lỗi dùng từ đặt câu.

*** Mức không đạt:**

- **Cho 0 điểm:** với những học sinh không làm bài hoặc bài viết sai lạc hoàn toàn về nội dung và hình thức.

=====

Lưu ý:

Giám khảo nắm vững hướng dẫn chấm, khuyến khích những bài văn có năng khiếu, sáng tạo. Điểm của của toàn bài là tổng điểm của các câu không làm tròn.

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
HUYỆN SƠN DƯƠNG

 **ĐỀ CHÍNH THỨC**

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP
9

HUYỆN SƠN DƯƠNG, NĂM HỌC
2015 – 2016 ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao
nhận đề) (Đề thi gồm có 01 trang)

Câu 1. (2.0 điểm)

Một ấn tượng hàm ơn khó tả đạt lên trong lòng cô gái. Không phải vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô.

(Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9- tập 1)

Hình ảnh ***một bó hoa nào khác nữa*** trong đoạn văn trên được sử dụng theo biện pháp tu từ nào? Em hiểu ý nghĩa hình ảnh đó như thế nào?

Câu 2. (8.0 điểm)

“Nơi anh đến là biển xa, nơi anh tới ngoài đảo xa.

Từ mảnh đất quê ta giữa đại dương mang tình thương quê

nhà. Đây Trường Sa, kia Hoàng Sa

Ngàn bão tố phong ba ta vượt qua, vượt qua....”

(Nơi đảo xa - Thế Song)

Từ lời bài hát trên, bằng những hiểu biết xã hội, em hãy viết một bài nghị luận trình bày suy nghĩ của em về hình ảnh những người chiến sĩ ngày đêm bảo vệ biên đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Câu 3. (10 điểm)

“Dù viết về cái gì, văn chương chân chính cũng hướng về con người. Viết về cái xấu để cảnh tỉnh con người, để báo động giúp con người sống với bản lĩnh tốt đẹp của mình. Viết về cái tốt để con người tự tin ở mình và đó chính là hành trang cần có ở con người trong cuộc hành trình tới tương lai.”

Giám thị coi thi không giải thích gì thêm – SBD:.....

vệ chủ quyền của đất nước trên đất liền, trên không, chúng ta không thể không nghĩ tới những người chiến sĩ ngày đêm bảo vệ biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. - Các anh là những người sống trong một hoàn cảnh có nhiều khó khăn gian khổ: sống giữa biển khơi, đầy nắng gió, thường xuyên gặp phải bão tố,... Cuộc sống của các anh thiếu thốn phương tiện so với người dân ở đất liền: thiếu nước ngọt, thiếu sách báo... - Xa gia đình, xa người thân nên nhiều khi phải trải qua những nỗi buồn da diết vì nhớ nhà ... - Tuy đầy gian khổ và khó khăn nhưng những điều này không làm giảm đi ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống bình yên của người dân, nhất là những ngư dân trên biển cả ... - Đất nước được toàn vẹn, cuộc sống vẫn phát triển bình thường, hằng ngày các em được bình yên đến trường, bữa cơm mỗi ngày không thiếu những sản phẩm của biển cả, ...nhờ có một phần không nhỏ công sức và sự hi sinh thầm lặng của các anh ... <i>* Mở rộng, nâng cao vấn đề.</i> - Để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của dân tộc ta đặc biệt là chủ quyền biển đảo các chiến sĩ đang ngày đêm chiến đấu nơi “đầu sóng ngọn gió” để bảo vệ biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc ... Công việc của các anh vốn vất vả nay lại càng vất vả hơn. - Hình ảnh của các anh, chiến sĩ ngoài biển đảo là những hình ảnh đẹp của sự hi sinh vì nghĩa lớn. - Trước tấm gương của các anh, thế hệ trẻ chúng ta cần phấn đấu học tập tốt để góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương, đồng thời lên án hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ dân tộc của các thế lực	(3.0 điểm)
---	-------------------

xấu... - Mỗi học sinh ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường cần có những hành động và việc làm thiết thực nhất để động viên chia sẻ với các anh cả về mặt vật chất và tinh thần. c. Kết bài: Khẳng định Trường Sa, Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam, thể hiện quyết tâm bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.	(3.0 điểm)
Câu 3: (10 điểm) * Yêu cầu về kỹ năng - Biết viết một bài văn nghị luận văn học kết hợp nhiều thao tác lập luận. - Bố cục rõ ràng, kết cấu bài viết chặt chẽ, dùng từ đặt câu đúng, diễn đạt trong sáng và giàu sức biểu cảm. * Yêu cầu về kiến thức: a. Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề: - Văn học là bức tranh về đời sống xã hội và con người. Văn học viết ra để phục vụ con người. - Dẫn dắt vấn đề nghị luận b. Thân bài: * Giải thích - Thế nào là văn chương chân chính? Văn chương chân chính là văn chương gần gũi, chuyên chú ở con người, phục vụ đời sống, có ích cho con người. - Vì sao viết cái xấu, cái tốt đều nhằm hướng về con người...? Văn chương là tấm gương phản chiếu hiện thực của cuộc sống nên nó phản ánh cả những điều xấu và điều tốt của hiện thực. + Viết về cái xấu với mục đích cảnh tỉnh, giúp con người nhận ra cái	10 điểm (0.5 điểm) (3.0 điểm)

đúng – sai, tốt – xấu... để cải tạo con người. + Viết về cái tốt nhằm đề ngợi ca, động viên khích lệ,...con người. -> Đó là chức năng cao đẹp của văn chương. * Chứng minh qua bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy. + <i>Viết về cái gì thì thứ văn chương chân chính cũng hướng về con người.</i> - “Ánh trăng” của Nguyễn Duy mượn cảm hứng đề tài truyền thống của thơ ca từ cổ chí kim là vàng trăng. Bài thơ không chỉ thể hiện cảm xúc về vàng trăng đẹp mà qua đó còn hướng người đọc đến bài học nhân sinh. + <i>Viết về cái xấu để cảnh tỉnh con người, để báo động giúp con người sống với bản chất tốt đẹp của mình.</i> - “Ánh trăng” viết về sự đổi thay bội bạc của con người với quá khứ. Quá khứ đó là sự gắn bó nghĩa tình với thiên nhiên, nhân dân, đất nước trong những năm tháng gian lao của chiến tranh. Từ nhỏ đến lúc trưởng thành, trong khó khăn gian khổ con người gắn bó với ánh trăng như tri kỉ, tri âm. Vậy mà khi hoà bình với đầy đủ tiện nghi ở thành phố, con người đã vô tình quên lãng vàng trăng, thay đổi tới mức coi người tri kỉ như người dưng xa lạ, lãng quên quá khứ, quay lưng lại với nhân dân với những người đã đùm bọc sẻ chia trong những năm chiến tranh gian khổ. Đó là cái xấu đáng lên án của con người. + <i>Viết về cái tốt để con người tự tin ở mình, đó chính là hành trang để con người hướng tới tương lai.</i> - Bản tính tốt đẹp của nhân vật trong tác phẩm là dám nhìn thẳng vào sự thật, thấy cái xấu của mình để sửa chữa và sống tốt hơn.	(5.0 điểm)
---	-------------------

- Người chiến sĩ trong “Ánh trăng” đã ân hận “rưng rưng”, “giật mình” bởi thái độ sống bạc nghĩa vừa qua của mình. Đó là giọt nước mắt hướng thiện. c. Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận. Văn chương và đời sống có quan hệ mật thiết với nhau. Vì thế văn chương dù viết cái xấu hay cái tốt đều hướng về con người và nâng đỡ tâm hồn con người. Đó là hành trang cần có ở con người trong cuộc hành trình tới tương lai.	(1.0 điểm)
--	-------------------

PHÒNG GD&ĐT
xã THỊ XÃ THÁI HÒA

Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thị
Năm học: 2016 – 2017
Môn: Ngữ văn
9 Thời gian: 120
phút

Câu 1: (2.0 điểm)

Viết đoạn văn phân tích cái hay cái đẹp trong dòng thơ sau: “ Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi
thơ Ôi, kỳ lạ thiêng liêng bếp
lửa!”

Câu 2: (8.0 điểm)

Một nhà văn đã viết: “che giấu khuyết điểm của bản thân sẽ không làm cho ta trở nên tốt đẹp hơn. Uy tín của ta tăng thêm nếu ta chân thành công nhận khuyết điểm.”

Em hãy trình bày ý kiến của mình với nhận xét trên bằng cách kể một câu chuyện của bản thân?

Câu 3: (10 điểm)

Nhà văn người Nga đã quan niệm: “Nơi lạnh lẽo nhất trên thế giới không phải là Bắc Cực mà là nơi không có tình thương?”

Suy nghĩ của em về câu nói trên và trình bày hiểu biết về tình thương trong xã hội?

----- Hết -----

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

PHÒNG GD&ĐT
xã THỊ XÃ THÁI HÒA

Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thị
Năm học: 2016 – 2017
Môn: Ngữ văn
9 Thời gian: 120
phút

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM:

Câu 1 :

a) Phân tích các biện pháp:

- Điệp từ : “Nhóm” => Nhấn mạnh công việc vất vả của người bà, hàng ngày tảo tần nuôi nấng cháu lớn khôn, ngoài ra điệp từ Nhóm còn tạo nhịp điệu cho bài thơ. (0,5đ)

- Ẩn dụ: -Bếp lửa ấp iu nồng đượm

- Nhóm niềm yêu thương

- Nhóm dậy tâm tình thiêng liêng- bếp lửa. (0,5đ)

=> Hình ảnh chiếc bếp lửa không phải chỉ là vật đơn thuần mà còn là biểu tượng tình yêu của người bà, đã từng nhen nhóm ngọn lửa của tình yêu thương. Để thắp lên những niềm tin, ước mơ, hoài bão cho cháu yêu. (0.5đ)

=> Hình ảnh bếp lửa trong đoạn thơ trên là ngọn lửa thiêng liêng mỗi khi nhớ đến bếp lửa thì nhớ đến người bà kính yêu- cội nguồn của bản thân – về quê hương và đất nước.(0.5đ)

Câu 2:

1. Về nội dung: Cần đáp ứng một số ý sau:

a. Hiểu được ý nghĩa câu nói: (2.0 điểm)

- Trong con người ta luôn tồn tại hai mặt đối lập: Tốt – xấu, cao thượng – hèn nhát, thiện – ácnhưng sai lầm khuyết điểm đều thuộc mặt trái của cặp đối lập.

- khuyết điểm, sai lầm, lỗi lầm đều phát sinh từ cuộc sống đầy khó khăn phức tạp và nhận thức của con người. những khuyết điểm, sai lầm... ấy sẽ gây hậu quả đối với chính bản thân và người khác.

- khuyết điểm, sai lầm, lỗi lầm thì ai cũng mắc, điều quan trọng ta có nhìn thấy, công nhận và sửa chữa hay không?

=> Những điều lợi – hại của việc che giấu hay trung thực thừa nhận khuyết điểm.

b. Bàn bạc- đánh giá – chứng minh (3.0 điểm)

- Bàn bạc, đánh giá

- Trong cuộc đời mỗi con người ai cũng có lần mắc sai lầm, khuyết điểm nhưng ta biết nhận ra những sai lầm, khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa thì cuộc sống của ta sẽ tốt đẹp hơn. Chân thành, thẳng thắn công nhận khuyết điểm của mình chẳng những tự giúp ta thanh lọc tâm hồn, hướng tới điều thiện, điều tốt mà còn giữ được uy tín trước mọi người cũng như trong công việc. Mọi người sẽ tôn trọng, cảm phục, yêu mến và muốn giúp đỡ ta nhiều hơn.

- Khi ta mắc sai lầm khuyết điểm mà ta không nhận ra hoặc ta nhận ra nhưng ta “ tặc lưỡi” cho qua, nghĩ rằng không ai biết, người khác chỉ ra cho ta mà ta không

lĩnh hội tiếp thu để sửa chữa, ta chối bỏ, chống chế, bảo thủ... thì ta sẽ tiếp tục mắc sai lầm, bản thân mất uy tín, mọi người không tôn trọng, không tin tưởng

- "Nhân vô thập toàn", ở đời không có phương thuốc nào có thể giúp con người ta tránh được mọi thiếu sót, khuyết điểm, nhưng không khó để tìm ra liều thuốc hữu hiệu trong chữa trị. Người phạm sai lầm phải dũng cảm nhận lỗi nhưng đi kèm với đó phải quyết tâm sửa chữa, khắc phục. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói "Người đời không phải là thánh thần, không ai tránh khỏi khuyết điểm. Chúng ta không sợ có khuyết điểm, nhưng chỉ sợ không biết kiên quyết sửa nó đi".

- Chứng minh trong thực tế.

c. Bài học được rút ra: (1.0 điểm)

- Trong cuộc đời ta khó tránh khỏi những khuyết điểm, sai lầm nhưng ta phải biết thành thực nhận khuyết điểm để sửa chữa có như vậy cuộc sống mới thật sự trở nên tốt đẹp

- Con người phải biết dựa vào chính mình để sinh tồn hòa nhập để sáng tạo và phát triển

2. Về hình thức:

Học sinh biết cách làm kiểu bài nghị luận. Bài viết có bố cục chặt chẽ. Biết vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận phù hợp.

Câu 3 :

a. Giải thích:

- Bắc Cực: nằm ở Cực Nam của trái đất, quanh năm tuyết bao phủ dày, là nơi lạnh lẽo, cô đơn. Không tồn tại sự sống của loài người chỉ một số loài động vật mới có thể sống được.

- Tình thương: là tình cảm giữa người và người, có thể là tình cảm gia đình, anh em, bạn bè....

b. Bàn luận vấn đề:

- Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực: bởi vì:

+ Tuy Bắc Cực là nơi lạnh giá nhưng chúng ta không cần phải chịu đựng cái lạnh đó đến hết cuộc đời mà có thể chọn một nơi khác ấm áp hơn. Mặc dù lạnh lẽo nhưng vẫn tồn tại sự sống của những loại động vật như: chim cánh cụt, gấu trắng....

+ Cái lạnh ấy không dai dẳng bám theo ta đến hết cuộc đời mà cái lạnh nhất chính là xuất phát từ trái tim của mỗi con người.

- Nơi không có tình thương

+ Trong cuộc sống hiện đại, khoảng cách giữa con người ngày càng xa hơn, con người đã gần như vô cảm trước tình thương- tình cảm của mỗi người điều đó sẽ làm cho cuộc sống trở nên vô vị, nhàm chán.

+ nếu con người sống không có tình thương sẽ không thể tìm được giá trị của cuộc sống họ sẽ trở nên ích kỷ, tàn nhẫn và vô cảm trước những hoàn cảnh đáng thương hơn bản thân mình.

+ Bản thân chúng ta sống luôn phải có tình thương, tình cảm để con người biết có được những giá trị của cảm xúc không tự dẫn dắt chính bản thân mình.

d. Dẫn chứng:

- Truyện: “ cô bé bán diêm” nếu con người biết thương cảm với số phận của cô bé thì đã giúp đỡ cô để giúp cô tránh khỏi cái chết bi thảm của sự khắc nghiệt giữa đói và rét.

- Lấy thêm nhiều dẫn chứng trong tác phẩm và đời thường...

c. Liên hệ bản thân:

- Biết dang rộng trái tim để đón nhận tình yêu thương và sẵn sàng chia sẻ với tất cả mọi người đặc biệt là người có hoàn cảnh khó khăn.

- Biết cảm thông, chia sẻ, yêu thương đến tất cả mọi người.

d. Tổng kết:

- Trong cuộc sống ngày nay, bản thân mỗi người phải biết đón nhận và chia sẻ tình yêu thương, biết giúp đỡ tất cả mọi người.

- Giá trị của cuộc sống được thổi hồn nên từ tình yêu thương giữa người và người.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUYỆN THANH OAI
TRƯỜNG THCS TÂN ƯỚC

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP HUYỆN LỚP 9 NĂM HỌC 2015
- 2016 MÔN THI: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài 150 phút không kể
thời gian giao đề)

(ĐỀ THI CHÍNH THỨC)

Câu 1 (2,0 điểm) Cảm nhận về giọt nước mắt của nhân vật ông Hai qua các đoạn trích sau:

“Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?” ...

“Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má.”

(Trích “Làng”, Kim Lân)

Câu 2 (6.0 điểm)

Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui
Chọn những bông hoa và những nụ cười

(Mỗi ngày một niềm vui - Trịnh Công Sơn)

Từ nội dung trên, viết một bài luận với chủ đề: **Niềm vui trong cuộc sống.**

Câu 3 (10,0 điểm) “Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp”

Hãy khám phá “xứ sở của cái đẹp” qua văn bản: “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long (sách giáo khoa Ngữ văn 9- tập 1)

.....Hết.....

(giám thị không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh.....Phòng thi số.....SBD.....

Chữ kí của giám thị 1Chữ kí của giám thị 2.....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN LỚP 9 NĂM HỌC 2015- 2016

Câu 1 (4,0 điểm) Học sinh có thể trình bày theo cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

- “*nước mắt ông lão cứ giàn ra*” thể hiện tâm trạng đau đớn, tủi nhục vì nghe tin làng ông làm Việt gian theo Tây, vì nghĩ các con còn nhỏ rồi đây phải chịu cảnh rẽ rúng hắt hủi của mọi người. Đó là giọt nước mắt của lòng tự trọng, của tình thương con và tình yêu làng tha thiết. (1 điểm)

- “*nước mắt ông giàn ra, chảy ròng ròng*”: vì xúc động, vì hạnh phúc khi nghe con trả lời ủng hộ Cụ Hồ. Đứa con nhỏ đã nói hộ tiếng lòng của ông, một người thủy chung với kháng chiến, luôn biết ơn Cụ Hồ. Đó là giọt nước mắt của niềm vui và tự hào. (1 điểm)

- Giọt nước mắt của ông là giọt nước mắt của con người luôn nặng lòng với quê hương, Cụ Hồ, kháng chiến và là biểu hiện đẹp đẽ của phẩm cách làm người ở người nông dân trong kháng chiến chống Pháp. (1 điểm)

- Những giọt nước mắt của ông Hai là chi tiết nghệ thuật độc đáo, được miêu tả tinh tế, bộc lộ chiều sâu nội tâm của nhân vật. Qua đó, Kim Lân thể hiện thái độ trân trọng phẩm giá của con người. (1 điểm)

Câu 2:

Viết một bài luận với chủ đề: Niềm vui trong cuộc sống

Yêu cầu về kĩ năng trình bày : Đảm bảo một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách lôgic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, không có quá 3 lỗi dùng từ, diễn đạt... 0.5

Yêu cầu về kiến thức (5.5 điểm)

1. Giải thích nội dung ca từ (1.5 điểm)

Cuộc sống là sự đan xen giữa những niềm vui và nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ. Con người cần phải biết chọn lựa thái độ sống và chịu trách nhiệm về sự lựa chọn của mình. 0.75

Sự lựa chọn niềm vui là một phương châm sống. Niềm vui có thể đơn giản chỉ là việc ngắm nhìn một bông hoa đẹp, đón nhận nụ cười của người khác... Đó là niềm vui bình dị trước cuộc đời mà chỉ những tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, những tấm lòng nhân hậu, bao dung mới có thể cảm nhận được. 0.75

2. Suy nghĩ về niềm vui trong cuộc sống (3.0 điểm)

Niềm vui là những điều mang lại cảm xúc vui vẻ, hạnh phúc, hân hoan, sung sướng cho con người trong cuộc sống. 1.0

Niềm vui không hẳn là những điều to tát, lớn lao mà có thể chỉ là những điều nhỏ bé, giản dị, quen thuộc. 1.0 điểm

Biết trân trọng những hạnh phúc bé nhỏ, trọn vẹn với niềm vui giản dị là chúng ta đã biết sống một cách ý nghĩa. Đó là bài học sâu sắc và thấm thía về cách sống cho mỗi người. 1.0

3. Liên hệ bản thân - Cần biết phát hiện, trân trọng, những niềm vui giản dị, đời thường trong cuộc sống, đó là cơ sở cho những niềm hạnh phúc lớn lao. - Phải luôn học tập, rèn luyện để hoàn thiện bản thân, có thái độ sống tích cực và đúng đắn

Câu 3 (10,0 điểm)

a. Về kĩ năng

Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận.

Bố cục hợp lý chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

b. Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1. Giới thiệu được vấn đề nghị luận 0,5

2. Giải thích ý kiến

- “*nhà văn chân chính*”: là nhà văn luôn đặt cái đích vào con người, cuộc sống, đem ngòi bút của mình phục vụ đời sống, có ích cho con người.

- “*xứ sở của cái đẹp*”: đó là cái đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời mà nhà văn phản ánh trong tác phẩm, gợi những rung cảm thẩm mĩ, làm

cho con người thêm mến yêu cuộc sống, thêm khao khát hướng tới những gì đẹp đẽ, tốt lành của cuộc đời. 0,5

-> *Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường cho bạn đọc khám phá những vẻ đẹp của cuộc sống thông qua các sáng tác*

văn học. Nhận định trên đã khẳng định về vai trò của nhà văn và tác phẩm với đời sống.

3 “Xứ sở của cái đẹp” trong văn bản: Lặng lẽ Sa Pa

a. Cảnh sắc thiên nhiên Sa Pa: 0,5 điểm

- Nắng đốt cháy rừng cây, mạ bạc con đèo... 0,25đ
- Cây hoa tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. 0,25đ

-Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe. 0,25đ

=> Vài nét chấm phá điểm xuyết, nghệ thuật nhân hóa, so sánh

-> Tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng, hữu tình. Miêu tả bức tranh thiên nhiên bằng ngôn ngữ trong sáng, mỗi chữ, mỗi câu như có đường nét, hình khối, sắc màu. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu mang âm hưởng một bài thơ về thiên nhiên đất nước. 0,25đ

b. Vẻ đẹp con người: 9 điểm

b1. Nhân vật anh thanh niên: 5 điểm

*** Hoàn cảnh sống và làm việc: 1đ**

- Lật từng trang văn của Nguyễn Thành Long, ta thấy anh thanh niên 27 tuổi sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ. 0,25đ

- Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu”. Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. “Nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ ốp thì cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm việc”. 0,25đ

- Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn... là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức “thèm người”, phải lặn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để được gặp gỡ, trò chuyện. 0,25đ

- Và anh đã vượt qua hoàn cảnh bằng những suy nghĩ rất đẹp, giản dị mà sâu sắc. 0,25đ

*** Vẻ đẹp trong tính cách người thanh niên: 4 điểm**

Lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm với công việc: 1đ

- Anh hiểu rằng, công việc mình làm tuy nhỏ bé nhưng liên quan đến công việc chung của đất nước, của mọi người. 0,25đ

- Làm việc một mình trên đỉnh núi cao, không có ai giám sát, thúc giục anh vẫn luôn tự giác, tận tụy. Suốt mấy năm ròng rã ghi và báo

“ốp” đúng giờ.

Phải ghi và báo về nhà trong mưa tuyết lạnh cóng, gió lớn và đêm tối lúc 1h sáng, anh vẫn không ngần ngại.0,25đ

- Và anh đã sống thật hạnh phúc khi được biết do kịp thời phát hiện đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta trên bầu trời Hàm Rồng.0,25đ

- Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào. Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống. Hãy nghe anh tâm sự với ông họa sĩ: “[...] khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống

chỉ công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”. Qua lời anh kể và lời bộc bạch này, ta hiểu rằng anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ. 0,25đ

Anh biết tạo ra một cuộc sống nền nếp văn minh và thơ mộng:1 đ

- Sống một mình trên đỉnh núi cao, anh đã chủ động sắp xếp cho mình một cuộc sống ngăn nắp: “một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”. Cuộc sống riêng của anh “thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách”.

- Ngoài công việc, anh còn trồng hoa, nuôi gà, làm cho cuộc sống của mình thêm thi vị, phong phú về vật chất và tinh thần.0,5đ

- Cuộc sống của anh không cô đơn, buồn tẻ vì anh có một nguồn vui đó là đọc sách. Anh coi sách như một người bạn để trò chuyện, để thanh lọc tâm hồn. Sách là nhịp cầu kết nối với thế giới nhộn nhịp bên ngoài. (khi bác lái xe đưa gói sách cho anh, anh “mừng quýnh” như bắt được vàng) 0,5đ

Sự chân thành, cởi mở và lòng hiếu khách:1đ

- Sống trong hoàn cảnh như thế sẽ có người dần thu mình lại trong nỗi cô đơn. Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi “thèm người”, lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo.0,25đ

- Biểu hiện:0,75đ

+ Tình thân với bác lái xe, thái độ ân cần chu đáo, tặng củ tam thất cho vợ bác vừa mới ốm dậy.

+ Vui sướng cuống cuống khi có khách đến thăm nhà.

+ Anh đón tiếp khách nồng nhiệt, ân cần chu đáo : hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người con gái chưa hề quen biết: “Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy”, pha nước chè cho ông họa sĩ.

+ Anh trò chuyện cởi mở với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc, cuộc sống của mình, của bạn bè nơi Sa Pa lặng lẽ.

+ Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý

báu.

+ Lưu luyến với khách khi chia tay, xúc động đến nỗi phải “quay mặt đi” và ấn vào tay ông họa sĩ già cái làn trứng làm quà, không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ “ốp”

-> Tất cả không chỉ chứng tỏ tấm lòng hiếu khách của người thanh niên mà còn thể hiện sự cởi mở, chân thành, nhiệt tình đáng quý.

Sự khiêm tốn, thành thật: 1đ

- Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé, anh vẫn còn thua ông bố vì chưa được đi bộ đội, trực tiếp ra chiến trường đánh giặc. Khi ông họa sĩ kí hoạ chân dung, anh từ chối, e ngại và nhiệt tình giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn anh nhiều (ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét...)

b2 Nhân vật ông họa sĩ: 1 điểm

- Tuy không dùng cách kể ở ngôi thứ nhất nhưng hầu như người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ để quan sát và miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của chuyện. Từ đó, gửi gắm suy nghĩ về con người, về nghệ thuật. 0,25đ

- Ngay từ những phút ban đầu gặp gỡ anh thanh niên, bằng sự từng trải nghề nghiệp và niềm khao khát của người nghệ sĩ đi tìm đối tượng của nghệ thuật, ông đã xúc động và bối rối. 0,25đ

- Ông muốn ghi lại hình ảnh anh thanh niên bằng nét bút kí họa và “người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm cho ông nhọc quá”. Những xúc cảm và suy tư của nhân vật ông họa sĩ về người thanh niên và về những điều khác nữa được gợi lên từ câu chuyện của anh làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo nên chiều sâu tư tưởng. 0,5đ

b3. Nhân vật cô kĩ sư. 1đ

- Đây là cô gái dám rời Hà Nội, bỏ lại sau lưng “mối tình đầu nhạt nhẽo” để lên công tác ở miền cao Tây Bắc. Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, những điều anh nói, câu chuyện anh kể về những người khác đã khiến cô “bàng hoàng”, “cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể, và về con đường cô đang đi tới”. Nhờ cái “bàng hoàng” ấy, cô mới nhận ra mối tình của mình bấy lâu nay nhạt nhẽo biết bao, cuộc sống của mình lâu nay tầm thường biết bao, thế giới của mình lâu nay nhỏ bé biết bao ! Khoảnh khắc bàng hoàng ấy chính là sự bừng dậy của những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi người ta bắt gặp được những ánh sáng đẹp để tỏa ra từ cuộc sống, từ tâm hồn người khác. 0,5đ

- Cùng với sự bàng hoàng ấy là “một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. Không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô”. Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm

tư cô gái trẻ những tình cảm và suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Qua tâm tư của cô gái, ta nhận ra vẻ đẹp và sức ảnh hưởng của nhân vật anh thanh niên. 0,5đ

b4 Bác lái xe: 1đ

- Bác lái xe là nhân vật xuất từ đầu truyện, nhưng cũng kịp thể hiện những nét đẹp trong tính cách. Là người rất yêu công việc, suốt 30 năm trong nghề lái xe mà vẫn luôn giữ được tính cởi mở, niềm nở có trách nhiệm với công việc, nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên và con người. Bác lái xe là cầu nối giữa anh thanh niên và cuộc đời (mua sách cho anh, dừng xe dưới chân đồi để anh trò chuyện, giới thiệu những người bạn mới cho anh). Bác lái xe cũng là người dẫn dắt truyện, kích thích sự tò mò của ông họa sĩ và cô kĩ sư về anh thanh niên – người cô độc nhất thế gian, người rất “thèm người”

=> Qua cảm xúc, suy nghĩ và thái độ cảm mến của bác lái xe, cô kĩ sư, ông họa sĩ, hình ảnh anh thanh niên được hiện ra càng rõ nét và đẹp hơn. Chủ đề của tác phẩm mở rộng thêm và gợi ra nhiều ý nghĩa. Bức chân dung nhân vật chính như được soi rọi nhiều luồng ánh sáng khiến nó thêm rạng rỡ và ánh lên nhiều màu sắc.

b5 Trong tác phẩm, còn có những nhân vật không xuất hiện trực tiếp mà chỉ xuất hiện gián tiếp qua câu kể của anh thanh niên cũng góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm. 1đ

- Anh bạn đồng nghiệp lặng lẽ cống hiến trên đỉnh Phan-xi-păng cao 3142 mét. 0,25đ

- Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa hết lòng với công việc. Kiên trì, bền bỉ, làm việc trong âm thầm lặng lẽ “ngày này sang ngày khác”. Ông ngồi im trong vườn su hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa su hào. Và tự ông đi thụ phấn cho từng cây su hào để củ su hào nhân dân toàn miền Bắc ăn được to hơn, ngọt hơn. Ông kĩ sư làm cho anh thanh niên cảm thấy cuộc đời đẹp quá! Công việc thầm lặng ấy chỉ những con người no ấm đất Sa Pa mới hiểu hết được ý nghĩa của nó. 0,25đ

- Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét. Anh luôn ở trong tư thế sẵn sàng suốt ngày chờ sét “nửa đêm mưa gió, rét buốt, mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra”. Anh đã hi sinh hạnh phúc cá nhân vì niềm đam mê công việc để khai thác “của chim nông, của chim sâu” dưới lòng đất làm giàu cho Tổ quốc. 0,25đ

- Ông bố anh thanh niên xung phong đi bộ đội. 0,25đ

-> Dù không xuất hiện trực tiếp trong truyện mà chỉ gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên, song họ hiện lên với những nét tuyệt đẹp trong tâm hồn và cách sống. Họ là những người say mê công việc. Vì công việc làm giàu cho đất nước, họ sẵn sàng hi sinh tuổi thanh xuân, hạnh phúc và tình cảm gia đình.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH CHƯƠNG

KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN VÀ CHỌN ĐỘI TUYỂN DỰ THI
HỌC SINH GIỎI TỈNH VÒNG 1 NĂM HỌC 2016 - 2017

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: Ngữ văn 9

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (4.0 điểm):

Đọc kỹ câu chuyện sau rồi trả lời câu hỏi:

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống cái giếng. Con vật kêu la hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì. Cuối cùng, ông quyết định: con lừa đã già, dù sao cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả.

Ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình. Họ xúc đất đổ vào giếng. Ngay từ đầu lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau, mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.

(Theo nguồn Internet)

- Nhân vật con lừa trong câu chuyện bị rơi vào hoàn cảnh như thế nào?
- Theo em, điều bất ngờ nào đã diễn ra?
- Từ câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì trong cuộc sống?

Câu 2 (8.0 điểm):

Có ý kiến cho rằng: *Bàn tay có mở rộng trao ban, tâm hồn mới tràn ngập vui sướng.*

Suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 3 (8.0 điểm):

Cảm nhận của em về nhân vật Lục Vân Tiên trong văn bản *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (Ngữ văn 9, tập 1).

..... hết

Họ và tên thí sinh: SBD:

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN 9

(Hướng dẫn gồm 02 trang)

I. YÊU CẦU CHUNG:

- Giám khảo vận dụng Hướng dẫn chấm phải chủ động, linh hoạt, ngoài việc kiểm tra kiến thức cơ bản, giám khảo cần phát hiện và trân trọng những bài làm thể hiện được tố chất của một học sinh giỏi (kiến thức vững chắc, có năng lực cảm thụ sâu sắc, tinh tế, kỹ năng làm bài tốt, diễn đạt có cảm xúc, có giọng điệu riêng...); đặc biệt khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách.

- Giám khảo cần đánh giá bài làm của học sinh một cách tổng thể ở từng câu và cả bài nhằm đánh giá bài làm của học sinh trên cả hai phương diện: kiến thức và kỹ năng.

- Hướng dẫn chấm chỉ nêu những ý chính và các thang điểm cơ bản, trên cơ sở đó, giám khảo có thể thống nhất để định ra các ý chi tiết và các thang điểm cụ thể hơn.

- Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản, hợp lý, có sức thuyết phục giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để đánh giá, cho điểm.

- Điểm toàn bài là 20,0 chiết đến 0,25.

B. Yêu cầu cụ

thể Câu 1 (4.0

điểm):

a. Nhân vật con lừa trong câu chuyện bị rơi vào hoàn cảnh: éo le, đầy nguy hiểm, phải đối mặt với các chết...=> 1.0 điểm.

b. Điều bất ngờ đã diễn ra: Con lừa đã thoát khỏi nguy hiểm, éo le bằng chính sự bình tĩnh, thông minh trong xử lý của mình...=> 1.0 điểm.

c. Bài học rút ra từ câu chuyện: Cuộc sống không bằng phẳng mà chứa nhiều bất trắc cùng những thử thách bất ngờ nhưng không phải chỉ là bóng tối và bế tắc. Trước mọi tình huống, cần bình tĩnh, chủ động, sáng suốt nhìn thẳng vào gian khó, thử thách để tìm ra hướng giải quyết tốt nhất...=> 2.0 điểm

Thí sinh có thể có nhiều cách diễn đạt khác nhau miễn là đảm bảo yêu cầu của đề bài.

Câu 2 (8.0 điểm):

1. Đáp án:

a) Về kiến thức: Đây là một đề bài có tính chất mở, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau với nhiều thao tác nghị luận khác nhau miễn là đáp ứng được yêu cầu của đề bài. Sau đây là một số gợi ý:

- Đó là một ý kiến đúng đắn về quan hệ ứng xử, về lối sống, cách sống của con người.

- Ý kiến đó đã khẳng định ý nghĩa của việc sẻ chia, trao ban; mối quan hệ giữa trao ban và nhận lại: Sẻ chia, trao ban là nghĩa cử có sức lan tỏa lớn trong cộng đồng và trong lòng người; nghĩa cử ấy làm vui cuộc đời, làm vui lòng người. Cuộc sống của cộng đồng và của mỗi con người có ý nghĩa hơn khi biết trao ban, chia sẻ...

- Bàn luận, mở rộng vấn đề ...

- Định hướng cho bản thân...

b) Về kỹ năng:

- Viết được bài văn nghị luận xã hội với bố cục hoàn chỉnh.

- Biết kết hợp các thao tác nghị luận trong quá trình làm bài: phân tích, chứng minh, bình luận ...

- Biết kết hợp một cách linh hoạt phương thức nghị luận với các phương thức biểu đạt khác như: tự sự, biểu cảm ...

- Không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.

2. Biểu điểm:

- Bảo đảm các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng => 8.0 điểm.

- Bảo đảm các yêu cầu về kiến thức nhưng còn có hạn chế về kỹ năng => 6.0 điểm. - Bài viết còn hời hợt, sơ sài => 2.0 điểm.

- Các thang điểm khác giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để xác định.

Lưu ý: Giám khảo cần cẩn trọng khi đánh giá bài làm của thí sinh trong

tính chính thể, phát hiện, trân trọng những bài có suy nghĩ và giọng điệu riêng.

Thí sinh có thể có những luận điểm, luận cứ khác nhau (kể cả không có trong hướng dẫn chấm) miễn là hợp lý và có sức thuyết phục.

Câu 3 (8.0 điểm):

1. Đáp án:

Cần bảo đảm những yêu cầu sau:

a. Về kiến thức: Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày khác nhau, sau đây là một số gợi ý:

- Lục Vân Tiên tiêu biểu cho vẻ đẹp của một con người sẵn sàng xả thân vì nghĩa, không so đo, tính toán...

- Sức mạnh của Lục Vân Tiên là sức mạnh của nhân nghĩa, của lẽ phải, của lòng dũng cảm kiên cường. Đó là sức mạnh của một con người có tinh thần thượng võ, sẵn sàng cứu khốn phò nguy, dám bênh vực kẻ yếu, tiêu diệt mọi thế lực bạo tàn...

- Lục Vân Tiên là một người có văn hóa trong ứng xử...

- Thái độ, tấm lòng của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đối với nhân vật Lục Vân Tiên...

- Đằng sau nhân vật Lục Vân Tiên là quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu và nhân dân về người anh hùng...

b. Về kỹ năng:

+ Có kỹ năng xác định yêu cầu của đề, biết làm một bài văn kiểu cảm nhận về nhân vật thông qua việc trình bày những suy nghĩ, đánh giá, bàn luận...

+ Có kỹ năng triển khai luận điểm, luận cứ, bố cục sáng rõ, diễn đạt

2. Biểu điểm:

+ Đạt được các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng => 8.0 điểm.

+ Đảm bảo các yêu cầu về kiến thức nhưng kỹ năng làm bài còn hạn chế => 6.0 điểm.

+ Trình bày được suy nghĩ, đưa ra được những đánh giá theo yêu cầu của đề nhưng văn viết thiếu cảm xúc và còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả...=> 4.0 điểm.

+ Nội dung bài viết sơ sài => 2.0 điểm.

Lưu ý:

- Các thang điểm chi tiết khác giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để xác định.

- Thí sinh có thể có những cảm nhận và có diễn đạt khác nhau miễn là hợp lý.

PHÒNG GD & ĐT THANH SƠN
TRƯỜNG THCS VĂN MIẾU

ĐỀ THI KHẢO SÁT HSG LỚP 9
Môn thi: Ngữ
văn Thời gian làm
bài: 150 phút

Câu 1: (4,0 điểm)

Phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau: “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chát muối thấm dần trong thớ
vỏ” (“Quê hương” – Tế Hanh”

Câu 2: (6,0 điểm)

Bài học giáo dục mà em nhận được từ câu chuyện dưới đây:

Ngọn gió và cây sồi

Một ngọn gió dữ dội băng qua khu rừng già. Nó ngạo nghễ thổi tung tất cả các sinh vật trong rừng, cuốn phăng những đám lá, quật gãy các cành cây. Nó muốn mọi cây cối đều phải ngã rạp trước sức mạnh của mình. Riêng một cây sồi già vẫn đứng hiên ngang, không bị khuất phục trước ngọn gió hung hăng. Như bị thách thức ngọn gió lồng lộn, điên cuồng lật tung khu rừng một lần nữa. Cây sồi vẫn bám chặt đất, im lặng chịu đựng cơn giận dữ của ngọn gió và không hề gục ngã. Ngọn gió mỗi một đành đầu hàng và hỏi:

- Cây sồi kia! Làm sao ngươi có thể đứng vững như thế? Cây sồi từ tốn trả lời:

- Tôi biết sức mạnh của ông có thể bẻ gãy hết các nhánh cây của tôi, cuốn sạch đám lá của tôi và làm thân tôi lay động. Nhưng ông sẽ không bao giờ quật ngã được tôi. Bởi tôi có những nhánh rễ vươn dài, bám sâu vào lòng đất. Đó chính là sức mạnh sâu thẳm nhất của tôi. Nhưng tôi cũng phải cảm ơn ông ngọn gió ạ! Chính cơn điên cuồng của ông đã giúp tôi chứng tỏ được khả năng chịu đựng và sức mạnh của mình.

(Theo: Hạt giống tâm hồn- Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2011)

Câu 3: (10 điểm)

“Tình thân nhân đạo trong văn học trước hết là tình yêu thương con người”

(Đặng Thai Mai – “Trên đường học tập và nghiên cứu” - NXB Văn học 1969)

Chúng minh ý kiến trên qua tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. (SGK, Ngữ văn 9, tập I)

- Hết -

PHÒNG GD & ĐT THANH SƠN
TRƯỜNG THCS VĂN MIẾU

HƯỚNG DẪN CHẤM KHẢO SÁT HSG L9
Môn thi: Ngữ văn
Thời gian làm bài: 150
phút

Nội dung yêu cầu	Điểm
Câu 1: (4 điểm)	
- Chỉ ra đúng biện pháp tu từ được Tế Hanh sử dụng ở hai câu thơ là biện pháp “nhân hóa”	0,5đ
- Chỉ ra được các từ được sử dụng để nhân hoá chiếc thuyền là các từ: “im, mõi, trở về, nằm, nghe.”	0,5đ
- Giá trị của biện pháp nhân hoá ở đây: +Biển con thuyền vô tri vô giác trở nên sống động, có hồn như con người	0,5đ
+ Các từ: “im, mõi, trở về, nằm” cho ta cảm nhận được giây lát nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả, cực nhọc trở về.	0,5đ
+ Từ “nghe” gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào “da thịt” của mình; và cũng giống như con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó bao nhiêu, nó như càng dày dặn lên bấy nhiêu.	1đ
+ Tác giả nói về con thuyền chính là để nói về người dân chài miền biển vất vả cực nhọc, từng trải trong cuộc sống hàng ngày. Ở đây, hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc đời, cuộc sống của người dân chài vùng biển.	1đ
Câu 2 (6,0 điểm)	
* Tóm tắt nội dung câu chuyện	0,5đ
* <i>Hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện.</i>	
- Ngọn gió: Hình ảnh tượng trưng cho những khó khăn, thử thách, những nghịch cảnh trong cuộc sống.	1,0
- Cây sồi: Hình ảnh tượng trưng cho lòng dũng cảm, dám đối đầu, không gục ngã trước hoàn cảnh	
- Ý nghĩa câu chuyện: Trong cuộc sống con người cần có lòng dũng cảm, tự tin, nghị lực và bản lĩnh vững vàng trước những khó khăn, trở ngại của cuộc sống.	
* <i>Bài học giáo dục từ câu chuyện.</i>	
- Cuộc sống luôn ẩn chứa muôn vàn trở ngại, khó khăn và thách thức nếu con người không có lòng dũng cảm, sự tự tin để đối mặt sẽ dễ đi đến thất bại (<i>Một ngọn gió dữ dội băng qua khu rừng già. Nó ngạo nghễ thổi tung tất cả các sinh vật trong rừng, cuốn phăng những đám lá, quật gãy các cành cây</i>)	1,25
- Muốn thành công trong cuộc sống, con người phải có niềm tin vào bản thân, phải tôi luyện cho mình ý chí và khát vọng vươn lên để chiến thắng nghịch cảnh. (<i>Tôi có những nhánh rễ vươn dài, bám sâu vào lòng đất. Đó chính là sức mạnh sâu thẳm nhất của tôi</i>)	1,25
<i>Lưu ý: Trong quá trình lập luận học sinh nên có dẫn chứng về những tấm gương dũng cảm, không gục ngã trước hoàn cảnh để cách lập luận thuyết phục hơn.</i>	
* <i>Bàn luận về bài học giáo dục của câu chuyện:</i>	
+ Không nên tuyệt vọng, bi quan, chán nản trước hoàn cảnh mà phải luôn	1,0

*Tinh thần nhân đạo của truyện còn thể hiện ở bài học nhân sinh sâu sắc mà Nguyễn Dữ muốn gửi đến bạn đọc muôn đời:

- Bài học giữ gìn và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Có hạnh phúc đã là sự may mắn nhưng giữ gìn, duy trì hạnh phúc còn khó hơn. Vợ và chồng dù có yêu nhau đến mấy mà chẳng biết tính của nhau thì bi kịch sớm muộn cũng xảy ra. Và điều quan trọng hơn hết để có được hạnh phúc là phải thực sự hiểu được nhau, tôn trọng lẫn nhau và tránh xa những ngộ nhận đáng tiếc.

2

**ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP
TỈNH MÔN: NGỮ VĂN**

*Thời gian làm bài: 150 phút (Không kể thời gian giao
đề) Đề thi có 01 trang*

Câu 1: (3điểm): Phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong hai câu thơ

sau: " Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm,

Nghe chất muối thấm dần trong thớ

vỏ" (" Quê hương" - Tế

Hanh)

Câu 2 (5,0 điểm): Nhà văn Nga M.Gorki đã từng nói: “ Người bạn tốt nhất bao giờ cũng là người đến với ta trong những giây phút khó khăn, cay đắng nhất của cuộc đời ”.

Viết văn bản nghị luận, trình bày những suy nghĩ của em về quan niệm trên.

Câu 3 (12 điểm):

Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

Bằng những tác phẩm thơ văn đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: NGỮ VĂN

Câu 1: (3 điểm)

- Chỉ ra đúng biện pháp tu từ được Tế Hanh sử dụng ở hai câu thơ là biện pháp "nhân hoá" (0,5đ)

- Chỉ ra được các từ được sử dụng để nhân hoá chiếc thuyền là các từ: "im, mỗi, trở về, nằm, nghe." (0,5đ)

- Giá trị của biện pháp nhân hoá ở đây: (2đ)

+Biển con thuyền vô tri vô giác trở nên sống động, có hồn như con người (0,5đ)

+ Các từ: "im, mỗi, trở về, nằm" cho ta cảm nhận được giây lát nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả, cực nhọc trở về . (0,5đ)

+ Từ "nghe" gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào "da thịt "của mình; và cũng giống như con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó bao nhiêu, nó như càng dày dặn lên bấy nhiêu. (0,5đ)

+ Tác giả miêu tả con thuyền, nói về con thuyền chính là để nói về người dân chài miền biển ở khía cạnh vất vả cực nhọc, từng trải trong cuộc sống hàng ngày. Ở đây, hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc đời, cuộc sống của người dân chài vùng biển (0,5đ)

2. Câu 2 (5 điểm):

a.Yêu cầu về kỹ năng:

Học sinh tạo lập được một văn bản nghị luận, trình bày những suy nghĩ của mình về vấn đề nêu ở đề bài.

Bố cục ba phần rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Văn viết trong sáng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; chữ viết cẩn thận.

b.Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ các ý chính sau:

* Giải thích, chứng minh:

- Trong cuộc sống, con người thường có nhiều bạn bè nhưng không phải ai cũng là người dám đến với ta trong những thời điểm khó khăn nhất của cuộc đời ta. (1,5 điểm)

- Người bạn tốt nhất là người sẵn sàng cùng ta đối mặt với khó khăn, hoạn nạn, giúp ta vượt qua khó khăn, giữ vững niềm tin để vươn lên. (1,5 điểm)

(Học sinh lấy dẫn chứng trong đời sống để chứng minh)

*** Nhận định, đánh giá:**

Quan niệm của M. Gorki là một quan niệm đúng đắn về tình bạn. Quan niệm đó giúp mỗi người chúng ta hiểu rõ hơn sự đẹp đẽ của tình bạn, xây dựng được cách nhìn đúng đắn về một người bạn tốt. (2,0 điểm)

3. Câu 3 (12 điểm):

A. Yêu cầu chung:

- Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận về vấn đề văn học. Bố cục rõ ràng, luận điểm khoa học, chặt chẽ, phép lập luận phù hợp.
- Nội dung: Phân tích được các dẫn chứng trong các tác phẩm thơ văn đã học ở THCS, đặc biệt các tác phẩm học ở lớp 9 giai đoạn 1945-1975 để làm rõ hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc và hình ảnh người lao động mới.
- Lời văn chính xác, sinh động, có cảm xúc.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

B. Yêu cầu cụ thể:

1. Biết dẫn dắt và nêu vấn đề hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc và hình ảnh người lao động mới trong thơ văn giai đoạn 1945-1975 (1 điểm).

2. Giải thích nhận định (1 điểm):

- Hiện thực của đất nước ta từ 1945 đến 1975 là hiện thực của những cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại và công cuộc xây dựng cuộc sống mới đi lên chủ nghĩa xã hội. (0,5 điểm)
- Hiện thực đó đã tạo nên cho dân tộc Việt Nam một vóc dáng nổi bật: vóc dáng người chiến sĩ luôn trong tư thế chủ động chiến đấu chống kẻ thù, vóc dáng của con người mới xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. (0,25 điểm)
- Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động mới hoà quyện tạo nên vẻ đẹp của con người dân tộc Việt Nam. Và điều này đã làm nên hơi thở, sức sống của văn học thời kì 1945 - 1975. (0,25 điểm)

3. Chứng minh (8 điểm):

a. Hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc (3 điểm):

- Họ là những con người ở mọi tầng lớp, lứa tuổi như: người nông dân mặc áo lính (*Đồng chí* của Chính Hữu), những chàng trai trí thức vừa rời ghế nhà trường (*Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật, là em bé liên lạc (*Lượm* của Tố Hữu) , người lính trải qua hai cuộc kháng chiến như ông Sáu (*Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng... (1 điểm)
- Họ là những người lính, người chiến sĩ có lòng yêu nước sâu sắc, có ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ tổ quốc. (Dẫn chứng + phân tích) (1,0 điểm)
- Hoàn cảnh sống chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ song họ luôn có tinh thần lạc quan và tình đồng chí, đồng đội cao đẹp... (Dẫn chứng + phân tích) (1,0 điểm)

b. Hình ảnh người lao động mới (5 điểm):

Họ xuất hiện với tư cách là những người làm chủ cuộc sống mới, họ lao động, cống hiến một cách hăng say, hào hứng, sẵn sàng hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình vì những lí tưởng cao cả và tương lai đất nước.

- Người lao động trong "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận mang nhịp thở tươi vui, hăm hở, hoà mình cùng trời cao biển rộng: Họ ra khơi với niềm hân hoan trong câu hát, với ước mơ

trong công việc, với niềm vui thắng lợi trong lao động. Đó là những con người mang tầm vóc vũ trụ, hăm hở ra khơi bằng tất cả sức lực và trí tuệ của mình. (Dẫn chứng +phân tích). (2,5 điểm)

- "Lặng lẽ SaPa" của Nguyễn Thành Long mang nhịp thở của người lao động mới. Họ là những trí thức mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lí tưởng, say mê, miệt mài trong công việc, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước. Cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp như nhân vật anh thanh niên, cô kĩ sư, nhà khoa học nghiên cứu sét, ông kĩ sư trồng rau. (Dẫn chứng +Phân tích) (2,5 điểm)

4. Đánh giá, bình luận (1 điểm):

Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 đã đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử và thời đại. Ở ngoài tiền tuyến khói lửa là hình ảnh của những người lính dũng cảm, kiên cường. Nơi hậu phương là những người lao động bình dị mang nhịp thở của thời đại mới. Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động đã kết tinh thành sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam thế kỉ XX. Các tác giả văn học thời kì này họ đồng thời vừa là nhà văn, nhà thơ, vừa là người lính, người chiến sĩ, người lao động cầm bút để ngợi ca về con người dân tộc Việt với niềm say mê và tự hào. Họ đã làm nên vẻ đẹp và sức sống mới cho văn học Việt Nam.

5. Khẳng định vẻ đẹp của con người Việt Nam trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ và xây dựng đất nước. Thành công của các tác phẩm trong việc xây dựng hình tượng tiêu biểu cho vẻ đẹp ấy. Suy nghĩ, liên hệ thực tế và liên hệ bản thân. (1 điểm)

-----Hết-----

PHÒNG GD&ĐT HẠ HÒA

Đề chính thức

**ĐỀ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN
HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC**

2015 – 2016

Môn: NGỮ VĂN

Ngày thi: 21 tháng 12 năm 2015

**Thời gian: 120 phút (không kể thời
gian giao đề)**

(Đề thi có 1 trang)

Câu 1 (8,0 điểm):

Chuyện xưa kể lại rằng, một buổi tối, một vị thiền sư già đi dạo trong thiền viện, chợt trông thấy một chiếc ghế dựng sát chân tường nơi góc khuất. Đoán ngay ra đã có chủ tiểu nghịch ngợm nào đó làm trái quy định: vượt tường trốn ra ngoài chơi, nhưng vị thiền sư không nói với ai, mà lặng lẽ đi đến, bỏ chiếc ghế ra rồi quỳ xuống đúng chỗ đó.

Một lúc sau, quả đúng có một chủ tiểu trèo tường vào. Đặt chân xuống, chủ tiểu kinh ngạc khi phát hiện ra dưới đó không phải là chiếc ghế mà là vai thầy mình, vì quá hoảng sợ nên không nói được gì, đứng im chờ nhận được những lời trách cứ và cả hình phạt nặng nề. Không ngờ vị thiền sư lại chỉ ôn tồn nói: “Đêm khuya sương lạnh, con mau về thay áo đi”. Suốt cuộc đời chủ tiểu không bao giờ quên được bài học từ buổi tối hôm đó.

Cách xử sự của vị thiền sư trong câu chuyện trên gợi cho em suy nghĩ gì? Hãy trình bày ý kiến của em bằng một bài văn ngắn (khoảng 2 trang giấy thi).

Câu 2 (12,0 điểm):

"Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ."

(Nguyễn Đình Thi, *Tiếng nói của văn nghệ*)

Em hiểu nhận định trên như thế nào? Hãy phân tích đoạn trích "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long (Ngữ văn 9, tập một) để làm rõ điều mới mẻ trong việc khám phá vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam.

----- Hết -----

Họ và tên thí sinh:Số báo danh:

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

PHÒNG GD&ĐT HẠ HÒA HƯỚNG DẪN CHẤM THI CHỌN HSG LỚP 9 VÒNG 2

Năm học 2015 -

2016 MÔN: Ngữ

văn

(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

Câu 1 (8,0 điểm):

1. Yêu cầu về kĩ năng:

Biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội ngắn. Bố cục bài viết rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, không mắc lỗi các loại.

2. Yêu cầu về kiến thức:

a. Giải thích: Cách xử sự của vị thiên sư có 2 chi tiết đáng chú ý:

- Đưa bờ vai của mình làm điểm tựa cho chú tiểu lảo lộn làm bước xuống.
- Không quả phạt trách mắng mà nói lời yêu thương thể hiện sự quan tâm lo lắng.

-> Qua đó ta thấy vị thiên sư là người có lòng khoan dung, độ lượng với người làm lỗi. Hành động và lời nói ấy có sức mạnh hơn ngàn lần roi vọt, mắng nhiếc mà cả đời chú tiểu không bao giờ quên.

=> Cách xử sự của vị thiên sư trong câu chuyện cho ta bài học về lòng khoan dung. Sự khoan dung nếu đặt đúng lúc đúng chỗ thì nó có tác dụng to lớn hơn sự trừng phạt, nó tác động rất mạnh đến nhận thức của con người.

b. Khẳng định, bàn bạc, mở rộng vấn đề:

- Khoan dung là tha thứ rộng lượng với người khác nhất là những người gây đau khổ với mình. Đây là thái độ sống đẹp, một phẩm chất đáng quý của con người.
- Vai trò của khoan dung: Tha thứ cho người khác chẳng những giúp người đó sống tốt đẹp hơn mà bản thân chúng ta cũng sống thanh thản... Khoan dung giúp giải thoát những hận thù, tranh chấp cân bằng cuộc sống, sống hòa hợp hơn với mọi người xung quanh.
- Đối lập với khoan dung là đố kị, ghen tỵ, ích kỷ, định kiến.
- Khoan dung không có nghĩa là bao che cho những việc làm sai trái.
(dẫn chứng sinh động, phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề).

c. Rút ra bài học:

- Hiểu rõ hơn về ý nghĩa tác dụng của lòng khoan dung.
- Cần phải sống khoan dung nhân ái.

3. Cách cho điểm:

- Điểm 7- 8: Đáp ứng tốt nội dung trên, có sáng tạo trong cấu trúc bài, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thấu đáo, dẫn chứng thuyết phục, có cảm xúc.
- Điểm 5-6: Đáp ứng khá tốt nội dung trên, có sự hiểu biết và lập luận thuyết phục, lí lẽ đúng đắn, diễn đạt có cảm xúc, có mắc một số lỗi nhưng không đáng kể.
- Điểm 3-4: Đáp ứng cơ bản yêu cầu trên, có thể thiếu ý hoặc một vài chỗ chưa hoàn thiện, có dẫn chứng song còn sơ sài.
- Điểm 1- 2: Bài sơ sài, thiếu nhiều ý, lúng túng trong triển khai vấn đề, mắc nhiều lỗi các loại.
- Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn.

Câu 2: (12 điểm)

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Biết cách làm bài văn nghị luận tổng hợp có vận dụng kiến thức lí luận văn học, biết vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận như phân tích, chứng minh... đặc biệt có kĩ năng cảm nhận và phân tích tác phẩm truyện.
- Bố cục bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, rõ luận điểm.

- Văn viết có hình ảnh, cảm xúc, biết lựa chọn, bình dẫn chứng

II. Yêu cầu về kiến thức: Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Giải thích nhận định.

- *Những vật liệu mượn ở thực tại* là hiện thực khách quan về cuộc sống: những con người, số phận, những mảng đời sống gia đình, xã hội được các tác giả dùng làm đề tài trong sáng tác của mình.

- *Điều mới mẻ*: nghệ sĩ không chỉ sao chụp hiện thực đời sống mà qua đó còn muốn gửi gắm những tư tưởng, tình cảm, thái độ, những khát khao, ý tưởng mới mẻ, những điều chiêm nghiệm, suy ngẫm về con người và cuộc sống.

=> Ý kiến nhằm đề cập tới nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ. Tác phẩm nghệ thuật bao giờ cũng phản ánh thực tại, là nơi nhà văn gửi gắm thế giới tình cảm, quan điểm, tư tưởng, ý tưởng mới mẻ của mình. Đó là đặc trưng riêng của tác phẩm văn chương.

2. Phân tích đoạn trích truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* để làm rõ điều mới mẻ trong việc khám phá vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam.

a. Khái quát về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm:

b. Điều mới mẻ trong việc khám phá vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam.

*** Nhà văn đã phát hiện và ngợi ca lí tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.**

- Anh thanh niên, cô kĩ sư, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, kĩ sư vườn rau su hào ở Sa Pa... tất cả đều có lý tưởng sống đẹp: Sống phải có ích, sống để cống hiến

- Họ ý thức được vai trò, trách nhiệm của tuổi trẻ đối với đất nước, với nhân dân và cuộc kháng chiến của dân tộc. Có mặt ở những nơi đây khó khăn, thiếu thốn, gian khổ của đất nước.

(Dẫn chứng qua suy nghĩ của anh thanh niên về mục đích sống, về niềm hạnh phúc;)

*** Khẳng định, ngợi ca lòng yêu nghề, ý thức trách nhiệm cao trong công việc của thế hệ trẻ Việt Nam.**

- Yêu nghề, tự tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc trong công việc.

- Có những suy nghĩ đúng đắn và sâu sắc về ý nghĩa của công việc đối với cuộc sống con người.

- Làm việc với ý thức tự giác, chủ động, tinh thần kỉ luật cao, thái độ nghiêm túc, tỉ mỉ, khoa học.

(Dẫn chứng: qua suy nghĩ, công việc và thái độ làm việc của các nhân vật; đặc biệt là nhân vật anh thanh niên)

c. Khám phá, khẳng định và ngợi ca vẻ đẹp bình dị, đáng mến trong đời sống tâm hồn, tình cảm của thế hệ trẻ Việt Nam.

- Tâm hồn trong sáng, mơ mộng, lạc quan yêu đời: Gian khổ, hiểm nguy không thể cướp đi niềm tin yêu cuộc sống, niềm lạc quan.

- Sống cởi mở, chân thành, tình người thấm thiết.

- Sống khiêm tốn.

3. Tổng hợp đánh giá, rút ra bài học:

- Tác giả đã chọn lựa hình thức nghệ thuật thích hợp nhằm làm toát lên vẻ đẹp mới mẻ của thế hệ trẻ Việt Nam: Cốt truyện, tình huống truyện đơn giản, cách kể chuyện tự nhiên, nhân vật không có tên riêng, không có ngoại hình cụ thể mà chỉ có một tên gọi chung, phiếm chỉ, khiến ý nghĩa câu chuyện mang tính khái quát.

- Khẳng định: Tác phẩm có những khám phá mới mẻ về vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn chống Mỹ. Đó cũng là vẻ đẹp tiêu biểu của con người Việt Nam những năm 70 của thế kỉ XX.

- Bài học về cảm thụ và sáng tác văn chương.

III. Cách cho điểm: :

- Điểm 11- 12: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, lập luận chặt chẽ, văn viết có sự sáng tạo, có cảm xúc.
- Điểm 9-10: Đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu, có thể mắc một vài lỗi nhỏ nhưng không đáng kể.
- Điểm 7-8: Cơ bản đáp ứng các yêu cầu, có thể có một vài chỗ chưa hoàn thiện.
- Điểm 5-6: Đáp ứng 1/2 yêu cầu, mắc một số lỗi.
- Điểm 3-4: Bài sơ sài, thiếu ý hoặc còn lúng túng trong triển khai vấn đề, mắc quá nhiều lỗi các loại.
- Điểm 1-2: Bài viết quá sơ sài, có quá nhiều sai sót, không hiểu rõ và không biết triển khai vấn đề.
- Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn.

Lưu ý: Giám khảo linh hoạt vận dụng biểu điểm, có thể thưởng điểm cho những bài viết có sáng tạo.

----- Hết -----

§0 thi gồm 1 trang

Phòng Giáo dục và Đào tạo

kiểm tra khảo sát học sinh giỏi

Hà Trung lớp 9 THCS năm học 2011-2012 H•ớng dẫn chấm đề thi Môn:

Ngữ văn

Câu 1: (2.0 điểm)

+ Về hình thức: Đáp ứng đ•ợc hai yêu cầu của đề (có độ dài khoảng m•ời dòng; có sử dụng một trong các yếu tố: tự sự, miêu tả, biểu cảm); Diễn đạt trôi chảy, hành văn trong sáng, có tính thuyết phục.

+ Về mặt nội dung: Thể hiện rõ ràng, chính xác nội dung của luận điểm; Tìm đủ luận cứ cần thiết, sắp xếp lập luận theo một trình tự hợp lý để làm nổi bật luận điểm.

Câu 2: (4.0 điểm)

Yêu cầu phân tích đ•ợc tác dụng của các từ t•ợng hình và t•ợng thanh trong bài thơ với những nội dung cơ bản sau:

- "Qua Đèo Ngang" là bài thơ bộc lộ nỗi u hoài của một lữ khách- nữ sĩ trên đ•òng thiên lý, dừng chân đứng lại Đèo Ngang vào một buổi chiều tà. Cảnh Đèo Ngang th•a vắng, heo hút gợi lòng ng•ời một nỗi buồn da diết. Các từ t•ợng hình và t•ợng thanh đ•ợc sử dụng trong bài thơ rất đặc dụng, là một mẫu mực của nghệ thuật dùng từ (1,0 điểm).

- Phân tích nghệ thuật dùng từ:

+ Từ t•ợng hình: "lác đác", "lom khom" đ•ợc đảo lên đầu câu tạo ấn t•ợng mạnh về vẻ th•a thót, heo hút của Đèo Ngang vào buổi chiều tà. (1,0 điểm)

+ Từ t•ợng thanh: "cuốc cuốc", "gia gia" đảo xuống cuối câu, gợi từ đồng âm, tạo sự âm vang cho câu thơ bộc lộ nỗi niềm của ng•ời lữ khách. (1,0 điểm)

- Có thể liên hệ một vài tr•ờng hợp sử dụng từ t•ợng hình, t•ợng thanh đặc sắc khác để thấy đ•ợc khi sử dụng từ đúng chỗ sẽ tạo nên giá trị lớn về mặt nghệ thuật. (1,0 điểm)

Câu 3: (4.0 điểm)

- Giới thiệu khái quát tập thơ "Nhật ký trong tù" của Bác (0,5 điểm).

- Hoàn cảnh ra đời: Tập thơ đ•ợc sáng tác tháng 8 năm 1942, trong thời gian Bác bị bắt giam tại tỉnh Quảng Tây Trung Quốc. (0,5 điểm)

- Giá trị nội dung:

+ Lên án, phơi bày bộ mặt nhà tù tào bạo của chính quyền T•ợng Giới Thạch và xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ. (0,5 điểm)

+ Tập nhật ký là bức chân dung tinh thần tự họa của Bác trong 14 tháng bị giam ở trong tù thể hiện lòng yêu n•ớc, yêu thiên nhiên sâu sắc, tấm lòng nhân đạo bao la, sâu thẳm của Bác, phong thái ung dung, tự tại, tinh thần lạc quan yêu đời, bản lĩnh cách mạng phi th•ờng v•ọt lên trên mọi khó khăn, gian khổ của Bác. (1,0 điểm)

- Giá trị nghệ thuật: Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, hình ảnh thơ có sự vận động khoẻ khoắn, đề tài sinh hoạt đời th•ờng, giọng điệu tự nhiên có lúc hóm hỉnh, tự trào. (1,0 điểm)

- Khẳng định lại giá trị của tập thơ. (0,5 điểm)

Câu 4: (10 điểm)

- Biết dẫn dắt vấn đề một cách tự nhiên, hấp dẫn; Nêu đ•ợc vấn đề nghị luận (1,0 điểm)

- Trình bày khái niệm về phong trào *Thơ mới*. Phong trào đòi đổi mới thơ ca và đã sáng tác những bài thơ khá tự do, số chữ trong câu và số câu trong bài không có hạn định gọi là "*thơ mới*". *Thơ mới* không chỉ để gọi thể thơ tự do mà chủ yếu dùng để gọi một phong trào thơ có tính chất lãng mạn tiêu t• sản xuất hiện từ năm 1932 và kết thúc vào năm 1945. (1,0 điểm).

- Chứng minh lòng yêu nước được thể hiện qua các tác phẩm thuộc phong trào *Thơ mới*. (8,0 điểm)

+ ở tác phẩm “*Nhớ rừng*” của Thế Lữ lòng yêu nước được thể hiện ở tâm trạng u uất, niềm khát khao tự do mãnh liệt. Tác giả đã khéo léo mượn lời con hổ để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tù túng, tăm tối và niềm khao khát tự do cháy bỏng bằng những vần thơ tràn đầy cảm xúc lắng mạn. Tâm trạng tủi nhục, đau đớn, uất hận của con hổ trong “*Nhớ rừng*” đồng điệu với bi kịch của nhân dân ta đang rên xiết trong xiềng xích nô lệ. Bài thơ như lời nhắn nhủ kín đáo khơi gợi lòng yêu nước của người dân. (dẫn chứng) -2,0đ

+ ở tác phẩm “*Ông đồ*” của Vũ Đình Liên yêu nước là nỗi nhớ tiếc những giá trị văn hoá, là hoài niệm về quá khứ huy hoàng đã đi qua, là niềm cảm thương sâu sắc của nhà thơ đối với một lớp nhà nho thời kỳ tàn tạ. (dẫn chứng) -2,0 điểm.

+ Yêu nước trong bài thơ “*Quê hương*” của Tế Hanh lại là niềm tự hào về vẻ đẹp quê hương, là tình yêu và sự gắn bó máu thịt của nhà thơ đối với quê hương (lấy dẫn chứng) - 2,0 điểm



Nội dung	Điểm
I. Yêu cầu về hình thức: Trình bày rõ ràng, diễn đạt tốt	
II. Yêu cầu về nội dung: Chỉ ra và nêu được tác dụng các biện pháp tu từ sau:	
1. Biện pháp Điệp từ : "Nhớ"	0.5
Tác dụng: Khắc họa ý thơ (tha thiết, bồi hồi)	0.25
2. Biện pháp tu từ Liệt kê : (bản sọong giảng, đèo mây phủ)	0.5
Tác dụng:	
"Bản sọong giảng" nhắc đến kỷ niệm đối với con người (Tây Bắc)	0.25
"Đèo mây phủ" gợi nhớ kỷ niệm đối với thiên nhiên, cảnh vật (Tây Bắc)	0.25
3. Biện pháp Câu hỏi tu từ : "Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương?"	0.5
Tác dụng: Gợi suy nghĩ, liên tưởng từ đó khẳng định một qui luật của tình cảm	0.25
4. Biện pháp tu từ Đối lập : " Khi ta ở chỉ là nơi đất ở" >< "Khi ta đi, đất bỗng hóa tâm hồn"	0.5
Tác dụng: Nêu bật sự chuyển hóa trong nhận thức của nhà thơ	0.25
5. Biện pháp Đối lập : "Đất" >< "Tâm hồn"	0.5
Tác dụng: Nêu bật sự chuyển hóa từ vật chất ("đất") thành tinh thần ("tâm hồn"), bộc lộ tình cảm sâu nặng, đạo lý thủy chung của tác giả đối với thiên nhiên và con người Tây Bắc.	0.25

Tổng hợp: Tuy các nhà thơ thuộc phong trào "*Thơ mới*" chưa trực tiếp tham gia cứu nước nhưng tâm sự yêu nước của họ thật chân thành, sâu sắc và đáng trân trọng. Họ không chỉ góp thêm tiếng nói yêu nước mà quan trọng hơn còn giúp ta thấy được những biểu hiện hết sức phong phú, đa dạng của tình yêu Tổ quốc. (1,0 điểm)

Nghệ thuật: Tinh thần yêu nước trong các tác phẩm thuộc phong trào "*Thơ mới*" được thể hiện rất phong phú, khi thống thiết, khi hào hùng, sôi nổi lúc lại trầm lắng, kín đáo. Với bút pháp lắng mạn, hình ảnh giàu sức biểu cảm, các tác phẩm đã thể hiện lòng yêu nước sâu sắc mãnh liệt. (1,0 điểm)

Biết khép lại vấn đề một cách tự nhiên, liên hệ với thực tế. (1,0 điểm)

PHÒNG GD & ĐT NAM TRỰC
TRƯỜNG THCS NAM TOÀN

**ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HSG CẤP
TRƯỜNG**

NĂM HỌC : 2015 – 2016

MÔN: NGỮ VĂN 9

(Thời gian làm bài : 120 phút)

Câu 1. (3,0 điểm)

Hãy chỉ ra biện pháp tu từ từ vựng và ý nghĩa của chúng trong các câu thơ sau:

- a. “Giấy đỏ buồn không
thắm Mực đọng trong
ngiên sầu”

(Ông đồ, Vũ Đình Liên)

- b. Đề miêu tả cảnh biệt li của Thúy Kiều với gia đình, đại thi
hào Nguyễn Du viết: “Đau lòng kẻ ở người đi
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm”

(Truyện Kiều, Nguyễn Du)

- c. “Bà vẫn giữ thói quen dậy
sớm Nhóm bếp lửa ấp iu
nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt
bùi Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi
nhỏ Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp
lửa!”

(Bếp lửa, Bằng Việt)

Câu 2: (5,0 điểm)

NGƯỜI ĂN XIN

Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.

Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:

- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

- Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.

(Theo Tuốc-ghe-nhép, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.22)

Từ câu chuyện trên, em hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 300 từ) bàn về lòng nhân ái của con người trong cuộc sống.

Câu 3: (12 điểm)

Nhận xét về văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, có ý kiến viết: “ Văn học của ta đã xây dựng và thể hiện sinh động hình ảnh của thế hệ trẻ

“**Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước**” với ý thức ngày càng sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ trước dân tộc và nhân dân, trước Tổ quốc và lịch sử.”

Qua một số tác phẩm đã học, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

PHÒNG GD & ĐT NAM TRỰC
9 TRƯỜNG THCS NAM TOÀN

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ HSG LỚP
MÔN: NGỮ VĂN

NĂM HỌC : 2015 - 2016

(Thời gian làm bài : 120 phút)

Câu 1. (3.0 điểm) Yêu cầu học sinh trả lời được các câu hỏi:

a. Biện pháp tu từ: nhân hóa (*buồn, sầu*).

Ý nghĩa: Nỗi buồn tủi, cô đơn của ông đồ trong buổi suy tàn của nền Hán học. **(1.0 điểm)**

Biện pháp tu từ: tiểu đối (*kẻ ở-người đi*), nói quá (*lệ rơi thấm đá*), ẩn dụ (*tơ chia rũ tằm*).

- Ý nghĩa: Nỗi đau đớn đến đứt ruột của Thúy Kiều khi phải giã biệt gia đình, đồng thời thể hiện tinh thần nhân đạo của Nguyễn Du dành cho nhân vật.

(1.0 điểm)

c. Biện pháp tu từ: Điệp từ (*nhóm*).

Ý nghĩa: Hình ảnh người bà quen thuộc bên bếp lửa không chỉ nhóm những gì thân thuộc hữu hình mà còn nuôi dưỡng những kí ức tuổi thơ của cháu.

(1.0 điểm)

Câu 2. (5.0 điểm) Yêu cầu:

a) Về kỹ năng: **(1.0 điểm)**

Học sinh biết trình bày suy nghĩ về một vấn đề tư tưởng, đạo lí thông qua một câu chuyện. Biết viết thành bài văn rõ ràng, chặt chẽ. Bài viết mạch lạc, có cảm xúc, tránh lỗi dùng từ, diễn đạt, chính tả...

b) Về nội dung: **(4.0 điểm)**

Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được các ý:

- Truyện kể về việc cho và nhận của cậu bé và người ăn xin, qua đó ngợi ca cách ứng xử cao đẹp, nhân ái giữa con người với con người.

- Sự đồng cảm, tình yêu thương chân thành và cách ứng xử lịch sự là món quà quý giá ta tặng cho người khác.

- Và khi ta trao món quà tinh thần quý giá ấy ta cũng nhận được món quà quý giá tương tự.

- Truyện gợi cho chúng ta nhiều suy ngẫm về việc cho và nhận trong cuộc sống: cái cho và nhận là gì? Đâu phải chỉ là vật chất, có thể là giá trị tinh thần, có khi chỉ là một câu nói, một cử chỉ... và thái độ khi cho và nhận cần phải chân thành, có văn hóa.

- Xác định thái độ sống và cách ứng xử của bản thân: tôn trọng, quan tâm chia sẻ với mọi người...

- Câu chuyện có tác dụng giáo dục lòng nhân ái cho mỗi chúng ta...

Câu

2(12điểm)

1. Về kĩ

năng:

- Biết cách làm bài văn nghị luận văn học có bố cục rõ ràng, đúng thao tác nghị luận, diễn đạt sáng rõ, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu.

- Xác định đúng vấn đề nghị luận: *Vẻ đẹp của hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ* và phạm vi tư liệu

Lưu ý: Về phạm vi tư liệu sử dụng cho bài viết, ngoài hai văn bản đã học ở học kì I lớp 9 là “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật và “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long, giám khảo cần khuyến khích cho những thí sinh có thêm những dẫn chứng ở các tác phẩm khác ở HKII hoặc ngoài chương trình cùng đề tài.

2. Về kiến thức

Bài viết cần trình bày được những nội dung cơ bản sau:

Lưu ý: Mở bài và kết bài cho 0,5 điểm

*** Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam qua thực tế văn học chống Mỹ
- Trích ý kiến
- Khái quát vấn đề

*** Thân bài**

1. Khái quát chung(2 điểm)

- Hoàn cảnh lịch sử: Hai mươi năm dân tộc Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đó là cuộc chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt và hi sinh.
- Hình ảnh trung tâm của thời đại, niềm tự hào của dân tộc và cũng là hình ảnh trung tâm của văn học kháng chiến chống Mỹ đó là hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam- thế hệ đóng góp lớn công sức và xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và dựng xây đất nước:

*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu
nước Mà lòng phơi phới dậy
trường lai*

- Bởi vậy văn học giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhiều tác phẩm thơ ca cũng như văn xuôi của các tác giả đã khắc họa sinh động hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ: Họ là những người lính lái xe Trường Sơn, những cô gái thanh niên xung phong trên chiến trường, những con người ngày đêm miệt mài lao động cống hiến cho đất nước...
- Họ đều là những thanh niên sống có lý tưởng cao đẹp, họ nguyện đem sức trẻ, tinh thần, trí tuệ...cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiệm vụ khác nhau nhưng họ cùng chung mục đích, lý tưởng là bảo vệ và xây dựng đất nước nên ở họ đều tỏa sáng những phẩm chất cao đẹp tuyệt vời.

2. Phân tích và chứng minh (9đ)

a. Luận điểm 1: Đó là lớp thanh niên trẻ có lý tưởng cách mạng cao đẹp, có hoài bão ước mơ, sẵn sàng cống hiến sức trẻ cho đất nước (2 điểm)

- Lý tưởng cao đẹp của những người lính lái xe Trường Sơn: Vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía
trước Chỉ cần trong xe có một
trái tim.*

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính”

- Nhân vật anh thanh niên dù tuổi đời còn rất trẻ nhưng anh đã ý thức được một cách sâu sắc về trách nhiệm của mình (một công dân) đối với quê hương đất nước, mà cao hơn là lý tưởng sống, lý tưởng cách mạng

“ Mình sinh ra là gì,mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?” (Lặng lẽ Sa Pa)

b.Luận điểm 2: Họ là những con người dũng cảm, gan dạ, đầy tinh thần trách nhiệm, coi thường hiểm nguy,vượt qua mọi gian khổ sẵn sàng hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ (2 điểm)

- Những người lính lái xe Trường Sơn với tinh thần dũng cảm và ý chí kiên cường vì sự nghiệp giải phóng đất nước đã giúp họ vượt qua sự nguy hiểm của bom đạn (sự ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ), vượt qua sự khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ.

“ Không có kính không phải vì xe không có
kính Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi...”

“ Không có kính ừ thì có
bụi...” “ Không có kính ừ
thì ướt áo...” “ Lại đi, lại đi
trời xanh thêm.”

- Anh thanh niên với lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm đã giúp anh vượt qua nỗi cô đơn, vượt qua mọi gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ
“Cháu ở đây có nhiệm vụ đo nắng, đo mưa...xong việc trở vào là không thể nào ngủ lại được.”

c. Luận điểm 3: Ở họ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó thân thiết, sẵn sàng chia sẻ với nhau trong cuộc sống thiếu thốn, gian khổ và hiểm nguy.(2điểm)

- Những người lính lái xe Trường Sơn từ sự cùng chung nhiệm vụ, lý tưởng họ đã trở thành đồng đội của nhau, sẽ chia với nhau những gian khổ ở chiến trường, tình đồng đội đã tiếp thêm cho họ sức mạnh để vượt qua bom đạn hiểm nguy. Hơn thế họ còn coi nhau như anh em trong một gia đình

(Dẫn chứng và phân tích)

- Anh thanh niên có thể vượt qua nỗi cô đơn, vượt qua mọi sự gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ là vì anh luôn suy nghĩ anh không cô đơn mà luôn có đồng đội tiếp sức cho anh: “Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia”. Vì đồng đội mà anh luôn cố gắng trong công việc bởi anh luôn thấy những đóng góp của mình cho đất nước còn quá nhỏ bé so với họ (anh bạn trên đỉnh Phan-xi-păng, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, ông kĩ sư vườn rau Sa- Pa).

d. Luận điểm 4: Giữa những khó khăn ác liệt của cuộc sống họ vẫn tràn đầy tinh thần lạc quan, sự trẻ trung, lãng mạn của tuổi trẻ(2điểm)

- Sự trẻ trung, ngang tàng, sôi nổi đậm chất lính của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn giữa chiến trường ác liệt. Thái độ bất chấp những gian khổ hiểm nguy

(Dẫn chứng và phân tích)

- Anh thanh niên, qua những lời anh tâm sự với ông họa sĩ và cô kĩ sư về cuộc sống một mình của anh, về công việc của anh ta thấy được ý chí nghị lực phi thường ở anh “...Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng...”. Không chỉ vậy, ngoài giờ làm việc còn trồng hoa, nuôi gà và đặc biệt là dành thời gian để đọc sách mở mang hiểu biết.

3. Đánh giá (1 điểm)

- Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ hiện lên chân thực, sinh động trên các trang văn của các tác giả đã có sức thuyết phục với người đọc.
- Hình ảnh ấy không chỉ cho thấy tài năng của các tác giả mà còn cho chúng ta thấy sự am hiểu, trải nghiệm cuộc sống trong những năm kháng chiến ác liệt của các nhà văn, nhà thơ.
- Qua đó, chúng ta có thể hiểu thêm về lịch sử dân tộc, thêm tự hào và tiếp bước truyền thống các thế hệ cha anh.

4. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề
- Suy nghĩ của bản thân

PHÒNG GD&ĐT NAM TRỰC

ĐỀ KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 9

MÔN: NGỮ VĂN

NĂM HỌC: 2015-2016

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (4 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ: hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng, hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh, tất cả đều long lanh, lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen, ... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng gọi nhau trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng tượng được. Ngày hội mùa xuân đấy.”

(Vũ Tú Nam)

- Cho biết phương thức biểu đạt trong đoạn văn.
- Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của phép so sánh trong đoạn văn.
- Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 câu) với chủ đề tự chọn có sử dụng phép tu từ so sánh. Chỉ rõ phép so sánh đó.

Câu 2: (6 điểm)

Quách Mạt Nhược từng nói: “Mặt trời mọc rồi mặt trời lại lặn, vầng trăng tròn rồi lại khuyết, nhưng ánh sáng mà người thầy rọi vào ta còn mãi trong cuộc đời.”

Từ câu nói trên, cùng với những hiểu biết về xã hội, hãy viết đoạn văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về tình thầy trò.

Câu 3: (10 điểm)

Hình ảnh Thúy Kiều qua hai đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” và “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)

----- Đề thi gồm 1 trang-----

Họ tên học sinh.....

Số báo danh.....

PHÒNG GD&ĐT NAM TRỰC

ĐÁP ÁN ĐỀ KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 9

MÔN: NGỮ VĂN

NĂM HỌC: 2015-2016

Câu		Nội dung	Điểm
Câu 1 4 điểm	a	- Phương thức biểu đạt: Miêu tả	0,5
	b	- Chỉ ra phép tu từ so sánh + cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ, + hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng, + hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh.	0,75
		- Phân tích tác dụng: + Cây gạo hiện lên sừng sững, cao lớn, thấp sáng cả một góc trời mùa xuân. + Những bông hoa gạo hiện lên với màu sắc rực rỡ như đốt cháy cả không gian. + Những búp nõn của cây gạo hiện lên với những hình dáng cụ thể	1,75

Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết

		cô; thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo qua những việc làm, hành động cụ thể, thiết thực..... + Mở rộng vấn đề:	0,5
--	--	---	------------

		- Vai trò của người thầy quan trọng tuy nhiên sự nỗ lực của mỗi cá nhân cũng là yếu tố quyết định đến sự thành công của mỗi người. Lòng biết ơn thầy cô phải trở thành truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc... Trong cuộc sống, để có thành công mỗi chúng ta còn phải không ngừng học hỏi bạn bè, thực tế cuộc sống xã hội, trường đời... - Tình thầy trò phải được thể hiện bằng sự chân thành, những việc làm, hành động đúng, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội. - Mỗi chúng ta cũng phải biết phê phán, lên án những tư tưởng vô ơn bạc nghĩa, qua cầu rút ván. - Nhận thức, hành động và bài học rút ra: Cần giữ gìn, trau dồi, phát triển truyền thống tốt đẹp <i>Giáo viên nên căn cứ vào tình hình thực tế bài làm của học sinh để cho điểm phù hợp</i>	
Câu 3 10 điểm		* Yêu cầu về hình thức: Rõ bố cục 3 phần, đúng kiểu bài nghị luận nhân vật, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc..... * Yêu cầu về nội dung: Học sinh cơ bản đảm bảo các nội dung: 1. MB: - Giới thiệu tác giả (Nguyễn Du), tác phẩm (Truyện Kiều). - Khái quát các đặc điểm của nhân vật: tài sắc, tâm đức vẹn toàn nhưng cuộc đời, số phận lại bất hạnh, ngang trái. - Đưa giới hạn phân tích (hai đoạn trích). 2. TB: Phân tích lần lượt các đặc điểm của nhân vật - Tài sắc, tâm đức vẹn toàn: + Sắc đẹp: Bút pháp ước lệ tượng trưng, nghệ thuật tả người, các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hóa... đã vẽ lên một vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà vượt trội hơn cả thiên nhiên, khiến thiên nhiên phải hờn ghen, đố kị... (học sinh đưa dẫn chứng để phân tích). + Tài năng: các biện pháp liệt kê, các động từ, tính từ giàu sắc thái gợi tả, biểu cảm. đã khắc họa hình ảnh một cô gái đa tài, đa cảm, thông minh thiên bẩm; tài nào cũng ở độ xuất chúng, đỉnh cao. (học sinh đưa dẫn chứng để phân tích). + Tâm đức vẹn toàn: - Ngoan ngoãn, đức hạnh, sống đúng nền nếp gia phong (dẫn chứng). - Thủy chung son sắt, hiếu thảo, giàu lòng vị tha, đức hi sinh: Bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, Kiều quên đi cảnh ngộ của bản thân gửi trọn nỗi nhớ về Kim Trọng (dẫn chứng), về cha mẹ, gia đình (dẫn chứng) - Cuộc đời, số phận bất hạnh, ngang trái: + Dứt duyên với Kim Trọng, bán mình cứu cha và em, rơi vào kiếp sống đoạn trường. + Cuộc sống cô đơn, bơ vơ, tội nghiệp nơi lầu Ngưng Bích không	0,5 6.0 2.5 0.5

	người trò chuyện, tâm sự (dẫn chứng). + Tâm trạng đau khổ, buồn bã, lo lắng, sợ hãi, tuyệt vọng nơi cửa bể chiều hôm (dẫn chứng). - Đánh giá khái quát: + Đặc sắc về nghệ thuật (bút pháp ước lệ tượng trưng, sử dụng từ ngữ, các điển tích, điển cố....., nghệ thuật tả người, tả cảnh ngụ tình.). + Khái quát về nội dung (khắc họa hình ảnh nhân vật Thúy Kiều với vẻ đẹp, tài sắc, tâm đức vẹn toàn nhưng cuộc đời, số phận lại có nhiều bất hạnh, ngang trái). + Hình ảnh và cuộc đời của Thúy Kiều là tiêu biểu cho người phụ nữ trong xã hội Phong kiến. + Nguyễn Du ca ngợi, trân trọng vẻ đẹp của Kiều đồng thời đồng cảm với nỗi bất hạnh của nàng. Chính vì thế Truyện Kiều mang giá trị nhân đạo cao cả, sống mãi với thời gian. 3. KB: - Khẳng định lại vấn đề đã phân tích. - Cống hiến, đóng góp của tác giả, sức sống của tác phẩm. - Cảm xúc, suy ngẫm của người viết về nhân vật, tác phẩm. <i>Lưu ý: - Học sinh có thể có cách trình bày, sắp xếp các ý không theo trình tự như trên vẫn cho điểm tối đa nếu đảm bảo yêu cầu.</i> - Giáo viên cần căn cứ vào bài viết của học sinh để cho điểm phù hợp. - Trường hợp học sinh chỉ phân tích lần lượt các đoạn trích mà không chỉ ra được đặc điểm nhân vật (theo luận điểm) tối đa chỉ cho ½ số điểm. - Điểm hình thức không trừ quá 0.5 điểm.	0.5
--	--	------------

Lưu ý: - Sau khi chấm điểm từng câu, giáo viên cần nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý.

- Khuyến khích những bài viết, những phát hiện mới mẻ, cảm xúc riêng của bản thân.
- Điểm toàn bài để lẻ đến 0.25, không làm tròn.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÙ NINH

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 NĂM HỌC 2015- 2016

Môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút (Không kể thời gian giao đề)

Đề thi có 01 trang

Câu 1: (8đ)

Chuyện xưa kể lại rằng, một buổi tối, một vị thiền sư già đi dạo trong thiền viện, chợt trông thấy một chiếc ghế dựa sát chân tường nơi góc khuất. Đoán ngay ra đã có chú tiểu nghịch ngợm nào đó làm trái qui định: Vượt tường trốn ra ngoài chơi, nhưng vị thiền sư không nói với ai, mà lặng lẽ đi đến, bỏ chiếc ghế ra rồi quỳ xuống đúng chỗ đó.

Một lúc sau, quả đúng có một chú tiểu trèo tường vào. Đặt chân xuống, chú tiểu kinh ngạc khi phát hiện ra dưới đó không phải là chiếc ghế mà là vai thầy mình, vì quá hoảng sợ nên không nói được gì, đứng im chờ nhận được những lời trách cứ và cả hình phạt nặng nề. Không ngờ vị thiền sư lại chỉ ôn tồn nói: “Đêm khuya sương lạnh, con mau về thay áo đi”. Suốt cuộc đời chú tiểu không bao giờ quên được bài học từ buổi tối hôm đó.

Bài học từ câu chuyện trên gợi cho em những suy nghĩ gì?

Câu 2:(12đ)

Một trong những phương diện thể hiện tài năng của người nghệ sĩ ngôn từ là am hiểu và miêu tả thành công thế giới nội tâm của nhân vật trong tác phẩm văn học. Bằng những kiến thức đã học về đoạn trích: “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (Trích Truyện Kiều của Nguyễn Du) em hãy làm sáng tỏ điều đó?

----- Hết -----

Họ và tên thí sinh: **Số báo danh:**

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

PHÒNG GD&ĐT PHÙ NINH
HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9
Môn Ngữ văn – Năm học 2015-2016

Câu 1: (8,0 điểm)

***Yêu cầu về kỹ năng:**

- HS biết cách làm bài văn nghị luận xã hội dưới dạng một câu chuyện.
- Văn phong trong sáng, ngôn từ chọn lọc, lập luận sắc sảo, chặt chẽ.

***Yêu cầu về kiến thức:**

- Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các nội dung sau: **1. Nêu tóm tắt nội dung và phân tích ý nghĩa câu chuyện:** (3,0 điểm)

- Trong câu chuyện trên chú tiểu là người mắc lỗi, làm trái qui định vượt tường trốn ra

ngoài chơi. Hành động đó mang tính biểu trưng cho những lầm lỗi của con người trong cuộc sống.

- Cách xử sự của vị thiền sư có 2 chi tiết đáng chú ý:
 - + Đưa bờ vai của mình làm điểm tựa cho chú tiểu lỗi làm bước xuống.
 - + Không quở phạt trách mắng mà nói lời yêu thương thể hiện sự quan tâm lo lắng.

- Qua đó ta thấy vị thiền sư là người có lòng khoan dung, độ lượng với người lầm lỗi. Hành động và lời nói ấy có sức mạnh hơn ngàn lần roi vọt, mắng nhiếc mà cả đời chú tiểu không bao giờ quên.

- Câu chuyện cho ta bài học quý giá về lòng khoan dung. Sự khoan dung nếu đặt đúng lúc đúng chỗ thì nó có tác dụng to lớn hơn sự trừng phạt, nó tác động rất mạnh đến nhận thức của con người.

2. Suy nghĩ về lòng khoan dung trong cuộc sống: (4 điểm)

- Khoan dung là tha thứ rộng lượng với người khác nhất là những người gây đau khổ với mình. Đây là thái độ sống đẹp, một phẩm chất đáng quý của con người.

- Vai trò của khoan dung: Tha thứ cho người khác chẳng những giúp người đó sống tốt đẹp hơn mà bản thân chúng ta cũng sống thanh thản...Đặc biệt trong quá trình giáo dục con người, sự khoan dung đem lại hiệu quả hơn hẳn so với việc áp dụng các hình phạt khác. Khoan dung giúp giải thoát những hận thù, tranh chấp cân bằng cuộc sống, sống hòa hợp hơn với mọi người xung quanh.

- Đối lập với khoan dung là đố kị, ghen tỵ, ích kỉ, định kiến.
- Khoan dung không có nghĩa là bao che cho những việc làm sai trái.

*** Lưu ý:** Trong quá trình làm bài, thí sinh cần tìm được những dẫn chứng sinh động, phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề.

3. Rút ra bài học nhận thức: (1 điểm)

- Cần phải sống khoan dung nhân ái.
- Sống khoan dung với người cũng chính là khoan dung với mình.

Câu 2: (12,0 điểm)

A. Yêu cầu cần đạt:

Bài làm của học sinh cần đảm bảo những yêu cầu sau:

I. Yêu cầu về kỹ năng:

- Biết cách làm bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.
- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, khuyến khích các bài viết sáng tạo.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở những kiến thức đã học về Truyện Kiều, đặc biệt là đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” cần làm rõ được sự am hiểu và miêu tả thành công thế giới nội tâm nhân vật Thúy Kiều là một phương diện thể hiện tài năng của Nguyễn Du với các nội dung sau:

1. Giải thích ý kiến: 2đ

- Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng nghệ thuật, chủ yếu là hình tượng nhân vật trong tác phẩm. Một trong những phương diện thể hiện tài năng của nhà văn – người nghệ sĩ ngôn từ là am hiểu và miêu tả thành công thế giới nội tâm nhân vật.

- Miêu tả nội tâm trong tác phẩm văn học là tái hiện những suy nghĩ, cảm xúc, những băn khoăn trăn trở, những day dứt, suy tư, những nỗi niềm thầm kín và cả diễn biến tâm trạng của nhân vật.

Đó là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, làm cho nhân vật hiện lên sinh động, có hồn hơn. Nhà văn có thể miêu tả trực tiếp nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả qua cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục của nhân vật.

2. Chứng minh qua đoạn trích: 9đ

a. Hoàn cảnh - Tình huống để Nguyễn Du miêu tả nội tâm nhân vật Kiều. (1đ)

b. Miêu tả nội tâm trực tiếp qua những lời độc thoại nội tâm: (3đ)

- Tài năng của Nguyễn Du trước hết là để Kiều nhớ Kim Trọng trước nhớ cha mẹ sau rất hợp tâm lý của con người, hợp lô gíc tình cảm.

- Cùng là nỗi nhớ nhưng cách nhớ khác nhau với những lí do khác nhau nên cách thể hiện cũng khác nhau. Nỗi nhớ Kim Trọng chủ yếu là liên tưởng, hình dung và tưởng tượng. Nhớ cha mẹ chủ yếu là xót xa lo lắng thể hiện trách nhiệm và bồn chồn của đạo làm con.

c. Miêu tả nội tâm gián tiếp qua cảnh vật thiên nhiên (bút pháp tả cảnh ngụ tình): (4đ)

- Cảnh thiên nhiên mênh mông hoang vắng và rợn ngợp qua 6 câu đầu thể hiện nỗi buồn và cô đơn của Kiều;

- Cảnh thiên nhiên trong 8 câu cuối thực sự là khung cảnh của bi kịch nội tâm. Mỗi cảnh vật thiên nhiên gợi những tâm trạng khác nhau trong lòng Kiều. Bức tranh thiên nhiên cũng là bức tranh tâm trạng.

d. Vai trò của nghệ thuật miêu tả nội tâm trong việc xây dựng thành công hình tượng nhân vật Kiều: Vẻ đẹp lòng hiếu thảo, thủy chung, ý thức về danh dự phẩm hạnh và thân phận cô đơn hoảng sợ của Kiều trước một tương lai đầy cạm bẫy.(1đ)

3- Đánh giá:

Thành công trong việc miêu tả nội tâm nhân vật là một phương diện để thể hiện tài năng của nhà văn, làm nên sức sống cho hình tượng nhân vật, cho tác phẩm văn học. Có lẽ Truyện Kiều sống mãi một phần bởi nghệ thuật miêu tả nội tâm sâu sắc của Nguyễn Du. (1đ)

*** Lưu ý:**

- Giám khảo cần vận dụng linh hoạt khi chấm để đánh giá đúng bài làm của học sinh.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.
- Điểm toàn bài cho lẻ đến 0,5.

----- Hết -----

PHÒNG GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
HUYỆN CHÂU THÀNH

NĂM HỌC:
2012-2013 MÔN: NGỮ
VĂN – LỚP 9

(Đề chính thức)

Thời gian: 120 phút
(Không kể thời gian giao đề)

ĐỀ:

Câu 1 (6 điểm):

Xác định và phân tích giá trị thẩm mỹ của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ:

Không có kính, rồi xe không có
đèn, Không có mui xe, thùng xe có
xước, Xe vẫn chạy vì miền Nam
phía trước: Chỉ cần trong xe có
một trái tim.

(Phạm Tiến Duật, *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - SGK Ngữ văn 9, tập 1)

Câu 2 (14 điểm):

Trong buổi giao lưu, trò chuyện với các thủ khoa tốt nghiệp xuất sắc của các trường đại học, học viện tại Hà Nội, Giáo sư Ngô Bảo Châu đã chia sẻ: **“Tôi luôn tin rằng, trong mỗi thất bại luôn có mầm mống của sự thành công”**.

Trình bày suy nghĩ của em về quan niệm trên.

----Hết----

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

PHÒNG GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
HUYỆN CHÂU THÀNH

NĂM HỌC:
2012-2013 MÔN: NGỮ
VĂN – LỚP 9

(Đề chính thức)

(Thời gian: 120 phút)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1. (6.00 điểm)

Yêu cầu: Học sinh xác định được các biện pháp tu từ và chỉ ra được giá trị thẩm mỹ có trong đoạn thơ:

- **Điệp ngữ:** “*không có*” (lặp lại 3 lần) nhấn mạnh thêm tính chất khốc liệt của chiến tranh làm cho chiếc xe biến dạng đến trần trụi tưởng chừng như chiếc xe không thể chạy được nữa. (2.00 điểm)

- **Tương phản:** Giữa “*không*” và “*có*” đó là sự đối lập giữa phương tiện vật chất và tinh thần của người chiến sĩ. (2.00 điểm)

- **Hoán dụ:** + “*miền Nam*” □ chỉ nhân dân miền Nam)

+ “*một trái tim*” □ chỉ người lính lái xe với một tấm lòng, một tình yêu nước, một khát vọng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước và đó cũng là lí tưởng của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước. (2.00 điểm)

Câu 2. (14.00 điểm)

1. Về kĩ năng:

- Học sinh phải xác định được đây là một bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.
- Bố cục rõ ràng, kết hợp nhiều thao tác như giải thích, chứng minh, bình luận.
- Văn viết trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, hạn chế lỗi chính tả.

2. Về kiến thức:

Học sinh phải đạt được những yêu cầu sau:

- Giới thiệu và giải thích được vấn đề cần bàn luận.

+ Con người trước mỗi thất bại không nên thất vọng mà phải nhận ra được bài học để rồi đi đến thành công. (Thất bại là mẹ thành công.)

+ Thất bại nghĩa là không đạt được kết quả, mục đích như dự định.

+ Mầm mống nghĩa ở đây là nguyên nhân, là bài học bổ ích mà ta nhận ra được từ sự thất bại đó.

+ Thành công là đạt được kết quả, mục đích như dự định.

- Dùng lí lẽ và dẫn chứng để khẳng định vấn đề trên là đúng:

+ Trong cuộc sống, con người phải có niềm tin và nó chính là nền tảng để đi đến thành công.

+ Thiếu niềm tin và nghị lực thì cuộc sống sẽ mất hết ý nghĩa.

- + Con đường đi đến thành công không phải lúc nào cũng bằng phẳng, xuôi dòng
 - + Thất bại là điều khó tránh khỏi vì nhiều trở ngại do chủ quan, khách quan.
- Dẫn chứng trong lịch sử đấu tranh, trong thời kì xây dựng, thời kì đổi mới.

+ Điều quan trọng là phải biết chấp nhận thất bại bằng cách rút kinh nghiệm và xem đó là cơ hội để ta giàu thêm ý chí, nghị lực để vươn lên (Ai chiến thắng mà không hề chiến bại. Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần)

+ Gục ngã, buông xuôi trước một thất bại là kẻ yếu mềm, thiếu ý chí, không chiến thắng được bản thân thì không thể thành công trong công việc. (Không có việc gì khó...ắt làm nên...)

Lưu ý: HS có thể có những kiến giải khác, quan trọng có sức thuyết phục là được.

- Mở rộng, bàn bạc :

+ Con người cần có những thành công cho mình và cho cộng đồng.

+ Xem sự thất bại là mẹ đẻ của thành công

+ Phê phán những người thiếu niềm tin, thiếu động lực vươn lên sau mỗi lần thất bại.

3. Biểu điểm:

- **Điểm 13.00-14.00:** Bài làm đáp ứng tốt các yêu cầu của đề, nắm chắc vấn đề, giải quyết vấn đề đúng hướng, rõ trọng tâm; lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc trôi chảy, không vi phạm các lỗi về chính tả, về ngữ pháp.....

- **Điểm 10.00-12.00:** Bài làm đáp ứng trên 2/3 các yêu cầu của đề, nắm chắc vấn đề, giải quyết vấn đề đúng hướng, rõ trọng tâm; lập luận khá chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc trôi chảy, còn vi phạm nhỏ các lỗi về chính tả, về ngữ pháp.....

- **Điểm 7.00-9.00:** Bài làm đáp ứng trên 1/2 các yêu cầu của đề, nắm được vấn đề, giải quyết vấn đề đúng hướng, rõ trọng tâm; lập luận tương đối chặt chẽ, diễn đạt khá mạch lạc trôi chảy, còn vi phạm nhỏ các lỗi về chính tả, về ngữ pháp.....

- **Điểm 5.00-6.00:** Bài làm đáp ứng 1/2 các yêu cầu của đề, có nắm được vấn đề, giải quyết vấn đề khá đúng hướng, nêu được trọng tâm; lập luận tương đối chặt chẽ, diễn đạt tương đối mạch lạc trôi chảy, còn vi phạm khá nhiều các lỗi về chính tả, về ngữ pháp.....

- **Điểm 3.00-4.00:** Bài làm đáp ứng dưới 1/2 các yêu cầu của đề, có nắm được vấn đề, giải quyết vấn đề còn lang mang, không nêu được trọng tâm; lập luận thiếu chặt chẽ, diễn đạt còn hạn chế, còn vi phạm nhiều các lỗi về chính tả, về ngữ pháp.....

- **Điểm 1.00-2.00:** Bài làm đáp ứng rất hạn chế các yêu cầu của dàn bài, chưa nắm được vấn đề, giải quyết vấn đề lang mang, không nêu được trọng tâm; diễn đạt còn rất hạn chế, còn vi phạm rất nhiều các lỗi về chính tả, về ngữ pháp.....

- **Điểm 0.00:** Bài làm lạc đề.

-----HẾT-----

TRƯỜNG TH – THCS BÃI THƠM

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI

NĂM HỌC 2015 – 2016

Môn thi: Ngữ văn – Lớp

9 Thời gian làm bài: 120

phút

Câu 1 : (2 điểm)

Bằng sự hiểu biết của mình, em hãy giải nghĩa từ “Vàng” trong các cụm từ sau:

- Củ nghệ vàng
- Quả bóng vàng
- Tấm lòng vàng
- Ông lão đánh cá và con cá vàng

Câu 2 : (2 điểm)

a. Phân loại thành ngữ và tục ngữ trong các tổ hợp từ sau đây; giải thích ngắn gọn nghĩa của mỗi thành ngữ, tục ngữ :

1. *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.*
2. *Đánh trống lảng.*
3. *Hứa hươu hứa vượn.*
4. *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.*

b. Đặt câu hoàn chỉnh với mỗi thành ngữ, tục ngữ trên.

Câu 3: (4 điểm):

Vẻ đẹp của hai câu thơ Kiều:

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

(*Cảnh ngày xuân – SGK Ngữ văn 9 – Tập 1*)

Câu 4: (12 điểm):

Tinh thần nhân đạo của Nguyễn Dữ qua tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* (SGK Ngữ văn 9 – Tập 1)

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. Hướng dẫn chung:

- Giám khảo cần nắm bắt được nội dung trình bày trong bài làm của thí sinh để đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm. Chủ động, linh hoạt vận dụng, cân nhắc trong từng trường hợp cụ thể.
- Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản, hợp lí, có sức thuyết phục, giám khảo vẫn cho điểm. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.

B. Đáp án và thang điểm:

Câu 1 : (2 điểm)

- Củ nghệ vàng: Vàng- Chỉ màu sắc vàng của củ nghệ (0,5 đ)
- Quả bóng vàng: Vừa chỉ màu vàng của quả bóng, vừa chỉ chất liệu làm ra quả bóng, vừa chỉ đặc điểm quý của biểu tượng được dùng làm phần thưởng ở lĩnh vực bóng đá (Có biểu tượng quả bóng vàng) (0,5 đ)
- Tấm lòng vàng: Vàng ở đây chỉ tấm lòng cao quý, cao cả... (0,5 đ)
- Ông lão đánh cá và con cá vàng: Vàng ở đây vừa chỉ màu sắc (cá màu vàng). Nhưng nghĩa chính là cá quý, cá thần (0,5 đ)

Câu 2 : (2 điểm)

a. Phân loại thành ngữ và tục ngữ trong các tổ hợp từ; giải thích ngắn gọn nghĩa của mỗi thành ngữ, tục ngữ: (1 điểm)

- Phân loại: (0,25 điểm)

+ Thành ngữ: 2 - 3

+ Tục ngữ: 1 - 4

* Cho điểm: Sai bất cứ tổ hợp từ nào cũng không cho điểm.

- Giải thích: (0,75 điểm)

1. *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*: Đi đây đi đó thì có thể học hỏi, mở rộng hiểu biết.

2. *Đánh trống lảng*: Lảng ra, né tránh, không muốn đề cập đến một chuyện, một việc nào đó.

3. *Hứa hươu hứa vượn*: Hứa để được lòng nhưng không thực hiện lời đã hứa.

4. *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*: Gần người xấu thì nhiễm thói xấu, gần người tốt thì học tính tốt.

* Cho điểm:

+ Đúng 4 tổ hợp từ: 0,75 điểm

+ Đúng 3 tổ hợp từ: 0,5 điểm

+ Đúng 1-2 tổ hợp từ: 0,25 điểm

b. Đặt câu hoàn chỉnh (về ngữ nghĩa và ngữ pháp) với mỗi thành ngữ, tục

ngữ trên, mỗi câu đúng cho *0,25 điểm*.(1 điểm)

Câu 3: (4 điểm):

Về kĩ năng: Làm đúng kiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, cụ thể là cảm nhận về vẻ đẹp của hai câu thơ. Trình bày gọn gàng, bố cục mạch lạc, có cảm xúc, diễn đạt tốt.

Về nội dung: Học sinh biết đặt các câu thơ trong mối quan hệ với toàn bài để phân tích, trình bày được các cảm nhận về:

- Ngôn ngữ “thuần Nôm” cực kì trong sáng (0,5 đ)
- Vẻ đẹp tinh khôi, thanh khiết, tươi mới, tràn trề sức sống của mùa xuân đã lan tỏa, thấm sâu khắp không gian từ mặt đất, bầu trời đến cỏ cây, hoa lá... đó là vẻ đẹp diệu kì của mùa xuân, vẻ đẹp riêng của mùa xuân (1 đ)
- Vẻ đẹp quyến rũ ấy được thể hiện bằng thiên tuyệt bút của Nguyễn Du với ngôn ngữ giàu sức gợi tả và đầy biểu cảm: Màu sắc tương phản mà hài hòa; không gian rộng lớn khoáng đạt; đường nét thanh tú, uyển chuyển; đặc biệt cách dùng từ sáng tạo “trắng điểm” (bút pháp thi trung hữu họa)... đã gợi tả một cách thần tình sức sống của mùa xuân, vẽ nên một bức tranh xuân “đượm vẻ thiên nhiên” vô cùng điểm lệ, tươi sáng. (2 đ)
- Hai câu thơ đã thể hiện tâm hồn nhạy cảm của đại thi hào Nguyễn Du trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đồng thời truyền niềm say mê, khao khát yêu đời, yêu cuộc sống đến cho người đọc. (0,5 đ)

Câu 4: (12 điểm):

Yêu cầu kĩ năng:

- Làm đúng kiểu bài nghị luận văn học (về một vấn đề nội dung tác phẩm)
- Bố cục mạch lạc, trợn vẹn, hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng giàu sức thuyết phục.
- Trình bày đoạn văn lô gic, ngôn ngữ trong sáng, khúc chiết, có chất văn

Yêu cầu kiến thức:

Học sinh có thể có nhiều cách trình bày khác nhau, nhưng cơ bản phải đáp ứng được các ý sau:

1. Ngợi ca trân trọng vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam (qua nhân vật Vũ Nương): (4 đ)

- Nhan sắc, tư dung tốt đẹp
- Hiền thực, đoan trang, đảm đang, tháo vát
- Hiếu thảo, thủy chung, yêu chồng, thương con

- Trọng danh dự, khao khát hạnh phúc gia đình, được sống trong sạch
 - Vị tha, bao dung, nặng tình với cuộc đời
2. *Thể hiện niềm thương cảm sâu sắc đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến: (4 đ)*
- Hóa thân vào nỗi đau oan khuất của Vũ nương để cùng thôn thức xót xa với nỗi niềm của nhân vật
 - + Mô tả một cách cảm động nỗi niềm của vũ Nương khi xa chồng, phải gánh vác vất vả lo toan; để cho nhân vật được bộc bạch tâm tình (3 lời thoại).
 - + Găm vào lòng người đọc nỗi chua xót về số phận mỏng manh và bi thảm của người phụ nữ trong xã hội đầy rẫy bất công oan trái (qua việc xây dựng chi tiết chiếc bóng quyết định số phận Vũ Nương)
 - Bày tỏ tình cảm thương yêu mến trọng dành cho nhân vật, muốn nhân vật được sống trong yêu thương và sự chở che tôn trọng (xây dựng màn truyền kì cuối truyện)
3. *Lên án, tố cáo xã hội phong kiến đã không đảm bảo quyền sống, quyền hạnh phúc cho con người; lên tiếng bảo vệ phẩm giá và danh dự của người phụ nữ: (2 đ)*
- Chiến tranh phong kiến đã gián tiếp tước đoạt cuộc sống hạnh phúc của người phụ nữ
 - Tư tưởng nam quyền (hiện thân là Trương Sinh độc đoán, vũ phu) đã đẩy người phụ nữ đến cái chết oan uổng, bi thảm.
- Điểm khuyến khích:** Những bài làm thể hiện khả năng thiết kế bài, viết văn tốt, kĩ năng thuần thực: (2 đ)
- *Lưu ý:** Nếu học sinh sa vào phân tích truyện, phân tích nhân vật hoặc không đảm bảo kĩ năng, giám khảo cho không quá nửa số điểm.

MÃ KÝ HIỆU
[*****]

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH
PHỐ

Lớp 9 - Năm học 2015-2016

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 150 phút

(Đề thi gồm 04 câu 01 trang)

Phần I: Đọc-hiểu

Câu 1:(1 điểm) Trình bày cảm nhận của em về bức tranh quê qua đoạn thơ sau:

*Tre rũ rượi ven bờ chen ướt át
Chuối bơ phờ đầu bến đứng dầm
mưa Và dầm mưa dòng sông trôi
rào rạt Mặc con thuyền cấm lại
đậu chơ vơ*

Bến đò ngày mưa - Anh Thơ.

Câu 2: (1 điểm)

Trong văn bản “ *Tiếng nói của văn nghệ*”, Nguyễn Đình Thi có viết: “*Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta phải tự bước lên đường ấy*”. Trình bày ý kiến của em về nhận định trên.

Phần II: Làm

**văn Câu 1:(3
điểm)**

Suy nghĩ của em về ý kiến sau đây: “*Biết sống gương mẫu là để học làm người*”

Câu 2: (5 điểm)

Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh từng nhận xét:“ *Thơ không cần nhiều từ ngữ. Nó cũng không quan tâm đến hình xác của sự sống. Nó chỉ cần cảm nhận và truyền đi một chút linh hồn của cảnh vật thông qua linh hồn thi sỹ*”.

Em hiểu câu nói trên như thế nào? Bằng một tác phẩm văn chương trong chương trình Ngữ văn lớp 9 em hãy làm sáng tỏ?

MÃ KÝ HIỆU
[*****]

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHỌN HỌC
SINH GIỎI THÀNH PHỐ**

Lớp 9 - Năm học 2015-2016

MÔN:NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 150 phút

(Hướng dẫn chấm gồm 03trang)

Chú ý:

- Thí sinh làm bài theo cách khác thì cho điểm .
- Điểm bài thi: 10.

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1,0đ)	1. Hình thức: Học sinh có thể trình bày dưới hình thức một đoạn văn hoặc một bài văn. (Dung lượng không quá một trang giấy thi) Diễn đạt trôi chảy, lập luận chặt chẽ, hành văn lưu loát, trôi chảy. Không sai lỗi chính tả. 2. Nội dung: Có thể cảm nhận bức tranh làng quê vắng vẻ ngưng đọng qua quan sát tinh tế của Anh Thơ: + Không gian rất bao quát qua những hình ảnh rất quen thuộc: tre, chuối, ven bờ, đầu bến. + Có những chi tiết nhân hóa sinh động, điển hình, giàu sức khơi gợi của cảnh quê: tre rũ rượi, chen ướt át, chuối bơ phờ, sông trôi rào rạt...	0,25 điểm 0,75 điểm
Câu 2 1,0 đ)	1. Hình thức: Học sinh có thể trình bày dưới hình thức một đoạn hoặc bài văn ngắn không quá một trang giấy thi. Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, lưu loát. Không sai lỗi chính tả. 2. Nội dung: Học sinh phải đưa ra được chính kiến riêng về nhận định và lý giải thuyết phục. - Đây là một ý kiến đúng. - Giải thích: + <i>Nghệ thuật không đứng ngoài trở về:</i> nghệ thuật không khô khan, không trừu tượng, không xa lạ mà nghệ thuật gần gũi, lắng sâu bởi vì nó thấm đẫm cảm xúc nỗi niềm của tác giả. + <i>Nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta:</i> nghệ thuật lay động độc giả bằng cả nội dung, hình thức. + <i>Nghệ thuật khiến chúng ta phải tự bước lên:</i> nghệ thuật góp phần giúp con người nhận thức, xây dựng và phấn đấu hoàn thiện mình một cách tự giác mà bền vững. -Nghệ thuật tác động như thế nào tới tư tưởng, tình cảm của mình.	0,25 điểm 0,75 điểm
Câu 3 (3,0đ)	1Hình thức:Đúng một bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lý, kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả 2 Nội dung:	0,25 điểm

	Học sinh xác định được vấn đề nghị luận: Gương mẫu a. Mở bài: - Dẫn dắt vấn đề và nêu vấn đề nghị luận b. Thân bài: - <i>Giải thích được ý nghĩa câu nói:</i> + Gương mẫu: là tấm gương, là mẫu mực giữa cộng đồng để những người khác noi theo. + Biết sống gương mẫu là học để làm người: là biết sống trong sáng, sống theo chuẩn mực của nền văn hóa mới, của đạo đức dân tộc, của con người mới. - <i>Chứng minh tính đúng đắn của vấn đề:</i> + Đưa ra dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục về những tấm gương đạo đức sáng trong xã hội xưa, trong xã hội nay, trong gia đình... - <i>Bình luận vấn đề.</i> + Gương mẫu là một phẩm chất quan trọng trong xã hội. + Gương mẫu thể hiện trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống. + Rèn luyện tu dưỡng trong học tập, lao động. + Phê phán lối sống không gương mẫu. c. Kết luận: Khẳng định lại vấn đề và nêu suy nghĩ của bản thân. Thang điểm: - Điểm 3,0: Đáp ứng các yêu cầu về hình thức. Nội dung bài viết sâu sắc, lập luận chặt chẽ, giải quyết vấn đề có tính sáng tạo. - Điểm 2,0: Đáp ứng yêu cầu về hình thức. Nội dung đảm bảo các ý, phương pháp làm bài chưa chặt chẽ, sáng tạo - Điểm 1,0: Đúng bố cục bài văn. Nội dung còn thiếu, còn sơ sài, lập luận thiếu chặt chẽ. - Điểm 0,0: Lạc đề hoặc học sinh không làm bài	0,25 điểm 0,25 điểm 1,0 điểm 1,0 điểm 0,25 điểm
Câu 4 (5,0 đ)	1 Hình thức và kĩ năng: - Đúng hình thức một bài nghị luận văn học gắn với một nhận định: bố cục rõ ràng, hợp lý. Diễn đạt trôi chảy, cảm xúc, không sai chính tả. - Cần đạt những kĩ năng về cắt nghĩa, phân tích, chứng minh. Khuyến khích sự sáng tạo của học sinh trong cảm, hiểu tác phẩm 2. Nội dung: Học sinh có thể trình bày theo các cách nhưng phải bám sát văn bản để làm sáng tỏ vấn đề a. Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận - Giới thiệu ý kiến của Nguyễn Đình Thi và nội dung cơ bản của một tác phẩm trích dẫn.	0,25 điểm 0,75 điểm

	b. Thân bài: b1 Giải thích nhận định + <i>Thơ không cần nhiều từ ngữ</i> : Thơ không chú trọng miêu tả cụ thể, chi tiết hiện thực đời sống như đời sống vốn có mà chỉ nắm	0,5 điểm
--	--	-------------

	bắt lấy cái hồn vía, thần thái của cảnh vật. + Hiện thực được phản ánh trong thơ bao giờ cũng mang tâm sự, nỗi niềm của nhà thơ. + Mỗi nhà thơ phải có tài sử dụng nghệ thuật ngôn từ, ngôn ngữ phải cô đọng, hàm súc, giàu tính tạo hình. => Nhận định đã khái quát được tính hàm súc, cái thần thái, linh hồn của thơ ca. b2 Chứng minh qua một tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn lớp 9 để làm sáng tỏ ba đặc điểm của nhận định bằng các luận điểm. b3 Đánh giá mở rộng. - Khẳng định nội dung, nghệ thuật của tác phẩm đó. - Tác phẩm làm sáng tỏ nhận định. - Liên hệ một số tác phẩm cùng chủ đề. c. Kết bài. - Khẳng định ý nghĩa của tác phẩm đến tư tưởng, tình cảm của chúng ta. - Liên hệ bản thân. Thang điểm: - Điểm 5,0: Đáp ứng tốt về mặt hình thức. Nội dung bài thực sự có sức lay động, lan tỏa tới người đọc. Bài có những phát hiện mới mẻ, sáng tạo, cảm nhận tốt. - Điểm 4,0: Hiểu đề bài. Biết bám vào tác phẩm để làm sáng tỏ nhận định. Bài có độ sâu sắc. Kỹ năng làm bài khá tốt. - Điểm 3,0: Biết cách cảm nhận phân tích một tác phẩm. Khả năng làm sáng tỏ nhận định hạn chế, dàn trải, đơn điệu. - Điểm 2,0: Diễn xuôi tác phẩm, chưa có luận điểm, diễn đạt lủng củng. - Điểm 1,0: Viết quá sơ sài, hành văn lủng củng không có ý. - Điểm 0,0: Lạc đề hoặc không làm.	2,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
--	--	---

Lưu ý chung: Học sinh có nhiều cách tiếp cận văn bản để thể hiện cách lập luận, giám khảo lưu ý:

- Bám sát vào cách viết của học sinh để định hướng nội dung và cho điểm
- Coi trọng năng lực giải quyết đề và kỹ năng lập luận của học sinh.

-----Hết-----

Lưu kiểm, ngày 16 tháng 1 năm 2016

BGH duyệt

Tổ trưởng CM

Người ra đề

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

-----□□-----

ĐỀ THI ĐỀ NGHỊ

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH, NH:
2012 – 2013

MÔN: Ngữ văn; LỚP: 9

Thời gian làm
bài: 150 phút
(Không kể thời
gian giao đề)

Câu 1: (4 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Chuyện kể rằng: em, cô gái mở
đường Để cứu con đường đêm ấy
khỏi bị thương Cho đoàn xe kịp giờ ra
trận
Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn
lửa Đánh lạc hướng thù. Hứng lấy luồng bom...”

(Trích “Khoảng trời hố bom” – Lâm Thị Mỹ Dạ)

1. Em hãy tìm một biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong hai câu thơ đầu.
2. Những cô gái mở đường trong đoạn thơ trên đã lấy tình yêu tổ quốc “thắp lên mình ngọn lửa”. Theo em ngọn lửa ấy thể hiện điều gì?
3. Em hãy kể tên một nhân vật tiêu biểu mà em đã được học trong chương trình Ngữ văn 9 cũng là một “cô gái mở đường”. Nhân vật đó xuất hiện trong tác phẩm nào.
4. Trình bày suy nghĩ của bản thân về tình yêu Tổ quốc của *cô em gái mở đường* trong đoạn thơ trên bằng một bài văn ngắn. Qua đó, hãy thể hiện thái độ của bản thân mình về tình yêu Tổ quốc của giới trẻ ngày nay.

Câu 2: (6,0 điểm)

Bất ngờ mất điện, một ngọn nến được đem ra thắp lên và lung linh tỏa ánh sáng. Nén hân hoan khi thấy mọi người trầm trồ: “May quá, nếu không có cây nến này chúng ta sẽ không thấy gì mất!”. Thế nhưng, khi dòng sáp nóng bắt đầu chảy ra, nến thấy mình càng ngày càng ngắn lại. Đến khi còn một nửa, nến chợt nghĩ: “Chết thật, ta mà cứ cháy mãi thế này thì chẳng bao lâu sẽ tàn mất thôi. Tại sao ta phải thiệt thòi như vậy nhỉ?”. Nghĩ rồi nến nương theo một ngọn gió thoảng qua để tắt phụt đi. Mọi người trong phòng xôn xao: “Nến tắt rồi, tối quá, làm sao bây giờ?”. Cây nến mỉm cười tự mãn vì sự quan trọng của mình. Bỗng có người nói: “Nến dễ tắt, để tôi đi tìm cái đèn dầu”. Mò mẫm trong bóng tối ít phút, người ta tìm được cây đèn dầu. Đèn dầu được thắp lên, còn cây nến cháy dở thì người ta bỏ vào ngăn kéo. Thế là từ hôm đó, nến bị bỏ quên trong ngăn kéo, rồi cũng không còn ai nhớ đến nó nữa. Nến hiểu ra rằng, hạnh phúc của nó là được cháy sáng, dù có thể cháy với ánh lửa nhỏ và dù sau đó nó có tan chảy đi. Bởi vì, đơn giản, nó là ngọn nến.

(Theo “Quà tặng cuộc sống” – NXB Trẻ)

Em có suy nghĩ gì về điều được nói đến trong câu chuyện. Bằng một bài văn ngắn (không quá 2 trang giấy thi) hãy trình bày những suy nghĩ đó.

Câu 2: (10,0 điểm)

“Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người.”

(Nguyễn Ngọc, “Báo văn nghệ” số ra ngày 21/10/1987)

Em hãy chọn hai trong bốn tác phẩm sau: *Bếp lửa* (Bằng Việt), *Ánh trăng* (Nguyễn Duy), *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải), *Nói với con* (Y Phương) để bày tỏ ý kiến của mình về quan niệm trên.

--- HẾT ---

Số báo danh

Chữ ký của giám thị coi
thi 1:

.....

.....

.....
..... Họ và tên
thí sinh:

.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH,

NH: 2012- 2013

Môn: NGỮ VĂN, LỚP: 9

-----□□-----

ĐÁP ÁN

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI ĐỀ NGHỊ

(Hướng dẫn gồm 03 trang)

ĐÁP ÁN		ĐIỂM
Câu 1 (4 điểm)	Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu.	4,0
	1. Phép tu từ đặc sắc trong hai câu thơ đầu: Nhân hóa (“ <i>cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương</i> ”).	1,0
	2. HS (Học sinh) có thể trình bày nhiều cách khác nhau, nhưng cần nêu lên được tình thân yêu nước, dũng cảm quên mình vì Tổ quốc,... của người con gái mở đường qua hình ảnh ngọn lửa trong đoạn thơ. Sau đây là một số gợi ý: - Ngọn lửa của tình yêu Tổ quốc, niềm tin vào kháng chiến nhất định thắng lợi. - Tình yêu Tổ quốc cao cả đã trở thành ngọn lửa cháy sáng trong trái tim còn căng đầy nhựa sống. - Ngọn lửa tuổi thanh xuân dẻo dai, bền bỉ rực sáng, ngọn lửa được thắp lên từ tình yêu tổ quốc. Trái tim người con gái mở đường - những ngọn lửa ấm nóng từ trong lòng ngực để không bao giờ tắt. - ...	1,0
	3. Tên nhân vật: Phương Định.	0,25
	Tác phẩm: Những ngôi sao xa xôi.	0,25
	4. Học sinh cần trình bày một số ý sao: - Tình yêu Tổ quốc thể hiện qua những hành động nào? (“ <i>đánh lạc hướng thù</i> ”, “ <i>hưng lấy luồng bom</i> ”,...) - Ý nghĩa và vẻ đẹp của những hành động quả cảm ấy. - Bài học và nhận thức của cá nhân về tình yêu Tổ quốc trong xã hội mới. * Lưu ý: GK cho điểm linh hoạt. Chỉ cho điểm tối đa khi bài viết có kết cấu đoạn văn hoàn chỉnh; diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi ngữ pháp, dùng từ, chính tả; có thái độ chân thành, nghiêm túc khi bày tỏ ý kiến.	1,5

Câu 2 (6 điểm)	Nêu lên được suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa rút ra từ câu chuyện.	6,0
--------------------------	--	------------

	1. Yêu cầu kĩ năng: Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lí được nói đến trong một tình huống, vận dụng kết hợp các thao tác nghị luận giải thích, chứng minh, bình luận. Hành văn trong sáng, mạch lạc. Không mắc lỗi diễn đạt, ngữ pháp, dùng từ, chính tả	
	2. Yêu cầu kiến thức: Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:	
	a. Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận.	0,5
	b. Giải quyết vấn đề nghị luận. - Giải thích ngắn gọn ý nghĩa của câu chuyện: ngọn nến ban đầu cũng thấy mình vui sướng vì được cháy sáng nhưng khi bắt đầu tan chảy ra, nó thấy mình thiệt thòi vì vậy mà tìm cách tự tắt sáng đi. → Muốn tỏa sáng nhưng lại không muốn tan chảy. → Đó là thói ích kỉ của con người, sợ mình bị thiệt hơn người khác nên chỉ lo nghĩ cho bản thân mình. - Cây nến nhận ra một cách muộn màng rằng hạnh phúc của nó là được cháy sáng dù sau đó có tan chảy đi → Con người cần nhận thức đúng về vị trí, vai trò của mình trong cộng đồng, gia đình và xã hội. Dù ở vị trí nào, con người cũng phải biết cống hiến toàn bộ khả năng của mình để trở thành người sống có ích cho xã hội. Có như thế con người mới không hối tiếc vì đã sống hoài, sống phí. - <i>Điện, đèn, nến</i> : ẩn ý về cá nhân trong quan hệ với cộng đồng, gia đình, xã hội; con người không thể sống tách mình ra khỏi cộng đồng, phải hòa nhập, bổ sung, tương hỗ cho nhau. - Ích kỉ là một thói xấu hay gặp và dễ mắc phải. Con người phải có bản lĩnh, sự nhân hậu để vượt lên trên thói ích kỉ cá nhân. - Con người sống ở trên đời ai cũng có ý thức về cái tôi của mình, thậm chí sự tự ý thức về cái tôi để nâng mình lên, để tự khẳng định mình là một nhu cầu chính đáng. Song cần phải phân biệt rõ khát vọng “ <i>tỏa sáng</i> ” với tham vọng “ <i>đánh bóng</i> ” bản thân; ý thức khẳng định bản thân khác hẳn với sự ích kỉ, cá nhân chủ nghĩa. - Mối quan hệ biện chứng giữa “ <i>cho</i> ” và “ <i>nhận</i> ”, “ <i>được</i> ” và “ <i>mất</i> ” rất tinh tế. “ <i>Giọt nước muốn không khô cạn phải hòa vào biển cả</i> ”. Khi sống cống hiến vô tư, con người sẽ nhận được nhiều hạnh phúc. - Phê phán những ai chỉ biết sống cho riêng mình. - Liên hệ bản thân.	0,5 0,5 0,5 0,5 1,0 1,0 1,0 0,5 0,5
Câu 3 (10 điểm)	Từ ý kiến đã cho, học sinh chọn hai trong bốn tác phẩm đã cho để phân tích, chứng minh.	10,0
	1. Yêu cầu về kĩ năng: - Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học, cụ thể là nghị luận về một vấn đề bàn về văn học. - Vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận, kiến thức lí luận và cảm thụ tác phẩm để làm sáng tỏ vấn đề. - Bố cục khoa học, hành văn trong sáng, biểu cảm, không mắc	

Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết

	lỗi diễn đạt, chính tả.	
--	-------------------------	--

	2. Yêu cầu về nội dung: * Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo một số vấn đề chính như sau:	
	a. Giải thích nhận định: - Nghệ thuật chỉ phạm trù lớn, bao gồm cả văn học và các ngành nghệ thuật khác. - Sự vươn tới, sự hướng về...tính người: Muốn nói tới sự khám phá, phản ánh vẻ đẹp nhân bản, nhân văn của nghệ thuật chân chính. - “<i>Nghệ thuật là... sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người</i>”, đó là vai trò cảm hóa, tác động tích cực, chức năng bồi bổ tâm hồn con người của văn học nghệ thuật. - Tóm lại, ý kiến của Nguyên Ngọc muốn đề cao nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng: luôn mang thiên chức cao cả là phản ánh, ngợi ca vẻ đẹp nhân tính của con người và vì thế, văn học nghệ thuật đảm nhận chức năng nhân đạo hoá con người, giúp con người hoàn thiện hơn.	2,0
	b. Chọn hai trong bốn tác phẩm để phân tích: <i>Bếp lửa</i> (Bằng Việt), <i>Ánh trăng</i> (Nguyễn Duy), <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> (Thanh Hải), <i>Nói với con</i> (Y Phương).	
	* Cơ sở lí luận: + Ý kiến đúng đắn, có sở từ lí luận về bản chất của nghệ thuật: Nghệ thuật chân chính bao giờ cũng vươn tới các giá trị: chân, thiện, mỹ - phục vụ cho những nhu cầu chính đáng của con người... + Văn học nghệ thuật vừa là sản phẩm phản ánh đời sống một cách khách quan vừa là một hình thức biểu hiện tư tưởng tình cảm chủ quan, cũng là phương tiện giao tiếp quan trọng của con người. Nó có nhiều chức năng trong đó có chức năng nhận thức và quan trọng hơn cả là chức năng giáo dục, nhân đạo hoá con người... + Là sản phẩm tinh thần của con người, do con người tạo ra để đáp ứng những nhu cầu trong đời sống nhất là đời sống tâm hồn, văn học chỉ thực sự có giá trị khi nói lên tiếng nói của tâm hồn con người, thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca, bảo vệ con người. Vì vậy hướng về tính nhân văn, tinh thần nhân đạo bao giờ cũng là vấn đề cốt yếu làm nên giá trị lâu bền của văn học chân chính... + Tác phẩm văn học thể hiện tính nhân văn và tinh thần nhân đạo qua nhiều phương diện: phê phán, tố cáo tội ác của những thế lực đã chà đạp quyền sống con người, tập trung ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp, thấu hiểu, cảm thông tâm tư tình cảm, nguyện vọng ước mơ của con người giúp con người bày tỏ ước nguyện... Sự đa dạng này tùy thuộc ở cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật, phương pháp sáng tác của nghệ sĩ...	2,0
	* Cơ sở thực tiễn – qua hai tác phẩm vừa chọn: - Trình bày sơ lược nội dung tư tưởng nhân văn, vẻ đẹp trong tâm hồn con người Việt Nam qua hai tác phẩm ấy. - Chỉ ra được điểm tương đồng, sự đồng điệu giữa các nhà thơ trong cách khám phá và cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn con người. Học sinh phải phân tích làm rõ được cách thể hiện độc đáo của các nhà thơ trong	2,0

	việc phản ánh, <i>nú giữ tính người cho con người</i> qua tác phẩm của họ. - Những tư tưởng trong tác phẩm của các nhà thơ có gì khác biệt nhau: tư tưởng, tình cảm mà mỗi nhà thơ gửi gắm qua tác phẩm của mình; những biện pháp nghệ thuật độc đáo trong việc truyền tải nội dung tư tưởng nhân văn, tình cảm của con người Việt Nam.	
	* <i>Khái quát, đánh giá vấn đề bàn luận.</i> <i>(Trong cả hai tác phẩm, thí sinh cần phân tích được các dẫn chứng tiêu biểu, bình luận bám sát nhận định)</i>	2,0
	c. Mở rộng, nâng cao vấn đề: - Ý kiến của Nguyên Ngọc trở thành phương châm, nguyên tắc sáng tạo của người nghệ sĩ chân chính; Đòi hỏi nhà văn phải có tầm nhìn sâu rộng, có tư tưởng nhân văn, nhân đạo... - Quan điểm này cũng trở thành tiêu chí đánh giá văn học nghệ thuật đối với bạn đọc... - Nguyên Ngọc đã góp phần khẳng định giá trị lớn lao, phong phú của văn học nghệ thuật đối với đời sống nhân sinh, đặc biệt là thiên chức cao cả: thanh lọc tâm hồn, nhân đạo hóa con người...	2,0

--- HẾT ---

Câu 1: (4,0 điểm)

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Viết về cảnh đất trời mùa xuân ở đoạn trích *Cảnh ngày xuân* (Truyện Kiều – Nguyễn Du), có ý kiến cho rằng: ***Từ cặp lục bát thứ nhất sang cặp lục bát thứ hai có sự biến đổi của mạch thơ; riêng cặp lục bát thứ hai đã thể hiện tài tình nghệ thuật “thi trung hữu họa”.***

Em hãy viết đoạn văn trình bày ý kiến của mình về nhận xét trên?

Câu 2: (4,0 điểm)

Khi nói về quê hương, Đỗ Trung Quân cho rằng:

*Quê hương mỗi người chỉ
một Như là chỉ một mẹ
thôi.*

(Quê hương)

Em hiểu thế nào về quan niệm của nhà thơ? Từ đó hãy bày tỏ suy nghĩ của em về quê hương?

Câu 3: (12,0 điểm)

Nhận xét về truyện “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long, có ý kiến cho rằng:

“Tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ và hi sinh nhưng cũng thật trong sáng, đẹp đẽ. Từ hình ảnh những con người ấy gợi lên cho ta những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống, của lao động tự giác, về con người và về nghệ thuật”.

Qua truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa”, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Họ và tên thí sinh:SBD:

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1: (4,0 điểm)

* Bài viết trình bày dưới hình thức một đoạn văn.

* Nội dung cần đạt được
như sau: Đồng ý với
nhận xét trên

+ Sự biến đổi của mạch thơ

Hai câu đầu gợi dòng chảy thời gian bất tận, nhịp thơ êm xuôi: “*Ngày xuân con én...ngoài sáu mươi*”. Hình ảnh “chim én đưa thời” vừa gợi không gian, vừa ngụ ý mùa xuân qua nhanh.

Hai câu tiếp theo, mạch thơ dừng lại, mở ra một không gian mênh mông, không còn ranh giới giữa trời và đất: “*Cỏ non xanh tận chân trời...một vài bông hoa*” .

+ Nghệ thuật “Thi trung hữu họa” ở cặp thơ thứ hai:

Trời đất một màu xanh non tươi tốt của cỏ mùa xuân. Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết sắc trắng của hoa lê. Hai màu: xanh, trắng là những gam màu sáng tươi dịu mát, tôn nhau lên, màu trắng hoa lê làm cỏ như xanh hơn và sắc trắng của hoa càng trở nên thanh khiết trên nền cỏ xanh mơn.

Cách dùng từ “trắng điểm” (chứ không phải là *điểm trắng*) giúp ta nhận ra tín hiệu của mùa xuân ở vẻ đẹp ẩn chìm mà sống động của tạo vật vốn vô tri vô giác.

Có thể liên hệ đến câu thơ cổ của Trung Quốc: “*Phương thảo liên thiên bích/ Lê chi sở điểm hoa*”.

+ Khả năng rung động tinh tế của thi nhân trước cái đẹp của mùa xuân .

(*Không cho điểm tối đa những bài viết không trình bày đúng hình thức của một đoạn văn*).

Câu 2: (4,0 điểm)

* **Yêu cầu chung:**

HS hiểu đề, viết sát chủ đề đã nêu.

Biết cách làm một bài văn nghị luận có bố cục hợp lí, lập luận chặt chẽ. Trình bày ý mạch lạc, rõ ràng. Văn viết trong sáng, có cảm xúc.

*** Yêu cầu cụ thể:**

+ Quan niệm về quê hương của nhà thơ Đỗ Trung Quân :

- Câu thơ nằm trong thi phẩm viết về quê hương. Trong thi phẩm ấy, nhà thơ gợi ra những cách hiểu về quê hương.

- Cách so sánh độc đáo, thú vị: quê hương và mẹ. Ý nghĩa của cách so sánh ấy là để khẳng định quê hương chính là nguồn cội, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi gắn bó, nuôi dưỡng sự sống, đặc biệt là sự sống tinh thần, tâm hồn.

Qua lời so sánh khẳng định để nêu bật tình cảm với quê hương. Quê hương là điều quý giá vô ngần mà mỗi con người không thể thiếu. Hình bóng quê hương đi theo con người suốt cả cuộc đời, trở thành điểm tựa về tinh thần của con người trong cuộc sống. Nếu thiếu đi điểm tựa này, cuộc sống của con người trở nên chông chênh, lênh lạc. Đồng thời, qua cách so sánh, tác giả cũng khơi dậy, nuôi dưỡng tình cảm với quê hương : tình cảm với mẹ là tình cảm tự nhiên như một bản năng, tình cảm với quê hương là tình cảm tự nhiên, thuần khiết trong tâm hồn mỗi con người.

- Gợi mở một cách sống, cách làm người: Phải biết coi trọng gốc rễ, hướng về cội nguồn, biết yêu quê hương. Thiếu đi tình cảm này là một khiếm khuyết trong đời sống tâm hồn, tình cảm khiến con người không được làm người một cách trọn vẹn.

+ Suy nghĩ của bản thân:

- Quê hương là bến đỗ bình yên cho mỗi con người...

- Mỗi người không được quên đi nguồn cội, gốc gác, quê hương. Dù ai đi đâu, ở đâu cũng sẽ luôn tự nhắc nhở hãy nhớ về cội nguồn yêu thương.

Nuôi dưỡng tình cảm với quê hương có nghĩa là nuôi dưỡng tâm hồn, để con người được làm người theo nghĩa đầy đủ nhất.

- Đặt tình cảm với quê hương trong quan hệ với tình yêu đất nước, cần hướng về quê hương song không có nghĩa là chỉ hướng về mảnh đất nơi mình sinh ra mà phải biết tôn trọng và yêu quý tất cả những gì thuộc về Tổ quốc.
- Có thái độ phê phán trước những hành vi, suy nghĩ chưa tích cực về quê hương : chê quê hương nghèo khó, lạc hậu ; làm thay đổi một cách tiêu cực đáng về quê hương mình...
- Trách nhiệm xây dựng quê hương.

* Mở bài, kết bài viết tốt mỗi phần được 0,5 đ

Câu 3: (12,0 điểm)

* **Về kỹ năng:** Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lí. Diễn đạt tốt, không mắc các lỗi chính tả , dùng từ , ngữ pháp.

* **Về nội dung:**

Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng miễn sao phải phù hợp với yêu cầu của đề bài. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được những ý chính sau đây.

A/ Tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ và hi sinh nhưng cũng thật trong sáng, đẹp đẽ.

Qua các nhân vật với những công việc và lứa tuổi khác nhau, nhà văn muốn khái quát những phẩm chất cao đẹp của con người mới trong thời kì xây dựng Chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ cứu nước. Họ có những suy nghĩ đúng đắn, lẫm liệt cống hiến cho tổ quốc, tâm hồn trong sáng và giàu lòng nhân ái.

1/ Vẻ đẹp cao cả chung của các nhân vật.

+ Ý thức trách nhiệm trước công việc: anh thanh niên, đồng chí cán bộ khoa học.

+ Sống có lý tưởng, sẵn sàng cống hiến: anh thanh niên, cô kỹ sư trẻ (cô kỹ sư trẻ mới ra trường lần đầu tiên xa Hà Nội, dũng cảm lên nhận công tác tại Lai Châu. Cô là lớp thanh niên *thê ra trường đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì...*)

+ Nhận thức sâu sắc ý nghĩa công việc: anh thanh niên, ông kỹ sư vườn rau, người cán bộ nghiên cứu khoa học...

+ Yêu thích, say mê công việc, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, dám chấp nhận cuộc sống cô độc để làm việc, làm việc một cách kiên trì, tự giác bất chấp hoàn cảnh: anh thanh niên, ông kỹ sư vườn rau, người cán bộ nghiên cứu khoa học. 2/ Vẻ đẹp trong cuộc sống bình thường.

Tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên.

+ Đó là con người sống, làm việc một mình trên đỉnh núi cao mà không cô đơn. Anh tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình trên trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động, giản dị (căn nhà nhỏ, giường cá nhân...). Anh sống lạc quan yêu đời: trồng hoa, nuôi gà, đọc sách.

+ Đó là một người khiêm tốn: lặng lẽ hoàn thành công việc, không tự nhận thành tích về mình, luôn nhận thức được công việc của mình làm là những đóng góp nhỏ bé cho đất nước; ham mê học hỏi, phấn đấu bởi xung quanh anh có biết bao con người, bao tấm gương, bao điều đáng học (những ông kỹ sư vườn rau, anh cán bộ nghiên cứu sét...)

+ Một con người sống cởi mở, tốt bụng, luôn quan tâm đến mọi người một cách chân thành, chu đáo: việc đi tìm củ tam thất cho vợ bác lái xe, đón ông họa sĩ già và cô kỹ sư trẻ thân tình, nồng hậu; hồn nhiên, yêu cuộc sống: thèm người, thèm chuyện trò ...

Khẳng định, khái quát: Tác phẩm thật sự là một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của người lao động bình thường mà cao cả. Họ chính là những thế hệ tiêu biểu cho lớp người mới, cho thanh niên Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước. Tuy không trực tiếp chiến đấu, song họ đã góp phần không nhỏ để xây dựng cuộc

sống mới và góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến của dân tộc. Họ nối tiếp nhau xứng đáng là chủ nhân của đất nước này.

(Học sinh có thể trình bày trên cơ sở phân tích từng nhân vật để làm nổi bật ý tưởng chung, tuy nhiên, cần tập trung vào nhân vật trung tâm là anh thanh niên) **B/ Tác phẩm gợi lên những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống, của lao động tự giác về con người và về nghệ thuật”.**

- Cuộc sống của mỗi người chỉ thực sự ý nghĩa khi mọi việc làm, hành động của họ đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu và tự hào về mảnh đất mình đang sống.

- Con người biết sống có lý tưởng, say mê với công việc, hiểu được ý nghĩa của công việc mình làm. Con người cần tự nhìn vào chính bản thân để sống tốt đẹp hơn.

- Thông qua suy nghĩ của người hoạ sĩ: vẻ đẹp của con người và của cuộc sống chính là nguồn cảm hứng vô tận để người nghệ sĩ sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật có giá trị.

B. Tiêu chuẩn cho điểm:

- Điểm 9 – 12: Bài làm đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận chặt chẽ, thuyết phục; hành văn trong sáng, hấp dẫn, có những cảm thụ tinh tế, sáng tạo.
- Điểm 5 – 8: Bài làm cơ bản đạt được các yêu cầu trên; lập luận tương đối chặt chẽ, thuyết phục; diễn đạt rõ ràng, trôi chảy; có thể còn mắc vài lỗi nhỏ về diễn đạt, chính tả.
- Điểm 0,5 - 4: Nội dung bài viết sơ sài, lập luận chưa chặt chẽ, thiếu thuyết phục; còn mắc lỗi về diễn đạt, chính tả.
- Điểm 0: Lạc đề, sai cả nội dung và phương pháp.

Lưu ý chung:

Trên đây chỉ là những gợi ý cơ bản về cách chấm. Giám khảo linh hoạt khi chấm bài của học sinh. Khuyến khích những bài viết có chất văn, có tính sáng tạo.

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9

Môn: Ngữ Văn

(Thời gian làm bài 180 phút)

Đề bài:

Câu 1 (3 điểm): Hãy chỉ ra cái hay, cái đẹp trong câu ca dao sau:

*Hỡi cô tát nước bên đàng,
Sao cô múc ánh trăng vàng
đổ đi*

Câu 2 (7 điểm): Suy nghĩ của em về cái chết của Vũ Nương trong truyện “*Người con gái Nam Xương*” (Nguyễn Dữ)

Câu 3 (10 điểm):

Trong bài *Bánh trôi nước*, Hồ Xuân Hương đã khẳng định:

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ
nặn, Mà em vẫn giữ tấm
lòng son.*

Em hiểu như thế nào về hai câu thơ trên? Lấy hình tượng người phụ nữ trong một số tác phẩm văn học cổ đã học để làm sáng tỏ.

==== Hết =====

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9

Môn: Ngữ Văn

(Thời gian làm bài 180 phút)
(*Hướng dẫn chấm này gồm có 04 trang*)

I. Yêu cầu

Câu 1 (4 điểm):

1. Yêu cầu chung:

Viết thành một bài văn có bố cục rõ ràng, diễn đạt trong sáng, mạch lạc.

2. Yêu cầu về kiến thức:

- Thấy được vẻ đẹp của các hình ảnh:

+ Hình ảnh trăng, nước hoà quyện tạo nên một
mộng khung cảnh trữ tình thơ

+ Hình ảnh cô gái *tát nước bên đàng* gợi sự khoẻ
khoăn nhưng không kém

phần tình tứ, làm cho khung cảnh đêm trăng càng trở nên thơ mộng.

- Thấy được cái hay trong cấu tứ của câu ca dao: mượn cái đẹp của thiên nhiên để làm quen. Ngôn ngữ của chàng trai (nhân vật trữ tình) vô cùng tinh tế và ý nhị. Nghe qua chỉ là câu hỏi nhưng dường như chứa đựng sự trách móc và cả cảm giác nuối tiếc và ước mong vĩnh hằng hoá cái đẹp. Đây là cách làm quen rất phổ biến của các chàng trai trong ca dao: tinh tế, ý nhị nhưng vẫn không kém phần tình tứ.

Câu 2 (7 điểm):

1. Yêu cầu chung:

Viết thành một bài văn có bố cục rõ ràng, diễn đạt trong sáng, mạch lạc.

2. Yêu cầu về kiến thức

- Thấy được vị trí của chi tiết *cái chết* biểu hiện cho cao trào trong diễn biến cốt truyện. (chỉ sau *cái chết* câu chuyện mới thực sự được mở nút)

- Thấy được *cái chết* của Vũ Nương là điển hình cho bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến: Thân phận hèn kém, đáng thương không làm chủ được số phận của mình.

- *Cái chết* ở đây còn là chi tiết bộc lộ ý thức về phẩm giá của người phụ nữ Việt Nam: Vũ Nương có thể vò võ nuôi con, phụng dưỡng mẹ chồng, nhưng trước sự xúc phạm đến nhân phẩm thì nàng không chấp nhận.

- “Tam tòng, tứ đức” đã làm triệt tiêu ý thức phản kháng của người phụ nữ. *Cái chết* là sự phản kháng gần như duy nhất khi sự chịu đựng của họ đã đi đến giới hạn cuối cùng.

- Cái chết của Vũ Nương còn như một sự chối bỏ thực tại bất công để tìm đến một sự giải thoát...

Câu 3 (10 điểm):

1. Yêu cầu chung:

Viết thành một bài văn nghị luận có bố cục rõ ràng, diễn đạt trong sáng, mạch lạc.

Có kĩ năng phân tích, tổng hợp và khái quát vấn đề.

2. Yêu cầu về kiến thức

Giải thích ngắn gọn ý nghĩa của hình ảnh trong hai câu thơ

- Ý nghĩa thực: bánh dù nguyên vẹn hay nát do bàn tay người nặn nhưng nhân bánh vẫn hồng sắc đỏ.

- Nghĩa ẩn dụ:

+ “Rán nát mặc dầu”: thân phận hèn kém, không làm chủ được số phận của người phụ nữ xưa.

+ Tay kẻ nặn: Những yếu tố khách quan tác động đến cuộc đời gieo khổ đau cho người phụ nữ (những lễ thói của xã hội *nam quyền*, đạo đức cứng nhắc, giả dối)

+ *Vẫn giữ tâm lòng son*: Sự kiên trinh, trong trắng và ý thức về phẩm giá của người phụ nữ

=> Hai câu thơ vừa là lời oán trách xã hội phong kiến bất công, vừa là lời khẳng định phẩm giá tốt đẹp của người phụ nữ.

- Tìm dẫn chứng trong các tác phẩm đã học để minh họa:

+ Truyện *Người con gái Nam Xương*: Vũ Nương hết mực thủy chung, vò võ nuôi con, phụng dưỡng mẹ chồng; trước sự ghen tuông vô lối của Trương Sinh, nàng đã dùng cái chết để minh oan và cũng là để giữ gìn phẩm giá của mình.

+ Truyện Kiều: người con gái tài, sắc vẹn toàn chấp nhận hi sinh hạnh phúc và cuộc đời mình để cứu cha và em. Mặc dù số phận đưa đẩy nàng đến những nơi “*bùn lầy, nước đọng*” nhưng trong sâu thẳm tâm hồn và tình cảm của mình, nàng vẫn là một người con gái thanh cao, trong trắng...

+ Kiều Nguyệt Nga: Một cô gái khuê các, thùy mị, nết na, một con người đảm thắm, ân tình, cư xử có trước, có sau: chịu ơn Vân Tiên cứu mạng nàng luôn canh cánh bên lòng tìm cách báo đáp. Khi bị ép uống, nàng đã ôm hình Vân Tiên nhảy xuống sông tự vẫn để giữ vẹn tình.

- Qua đó nhận xét về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến xưa.

II. Than

g điểm Câu

1:

- 3 điểm: Đảm bảo đầy đủ các ý, bài viết có bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả và dùng từ

- 2 điểm: đảm bảo các ý cơ bản, bài viết có bố cục rõ ràng, còn mắc vài lỗi diễn đạt.

- 1 điểm: bài viết đạt được không quá ½ ý, diễn đạt chưa mạch lạc, mắc nhiều lỗi chính tả và dùng từ.

- Điểm 0: bài viết vô nghĩa hoặc sai lệch hoàn toàn.

Câu 2:

- 6 - 7 điểm: Đảm bảo đầy đủ các ý, bài viết có bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc. Hệ thống luận điểm hợp lí, dẫn chứng tiêu biểu và được phân tích nổi bật để làm rõ luận điểm.

- 4 - 5 điểm: Đảm bảo các ý cơ bản, bài viết có bố cục rõ ràng, diễn đạt tương đối mạch lạc. Hệ thống luận điểm hợp lí, dẫn chứng tiêu biểu nhưng đôi chỗ phân tích chưa rõ ràng.

- 3 - 4 điểm:

+ Đảm bảo các ý cơ bản, bài viết có bố cục rõ ràng nhưng hệ thống luận điểm và dẫn chứng chưa hợp lí.

+ Hoặc đảm bảo $\frac{1}{2}$ số ý, biết cách phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.

- 1 - 2 điểm: Chưa đảm bảo được các ý cơ bản, chưa biết cách phân tích dẫn chứng, mắc nhiều lỗi diễn đạt.

- 0 điểm: Bài viết vô nghĩa hoặc sai lệch hoàn toàn.

Câu 3:

- 10 điểm: Đảm bảo đầy đủ các ý, bài viết có bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc. Hệ thống luận điểm hợp lí, dẫn chứng tiêu biểu và được phân tích nổi bật để làm rõ luận điểm.

- 8 - 9 điểm: Đảm bảo đầy đủ các ý, bài viết có bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc. Hệ thống luận điểm hợp lí, dẫn chứng tiêu biểu nhưng đôi chỗ phân tích chưa rõ ràng.

- 6 - 7 điểm:

+ Đảm bảo các ý cơ bản, bài viết có bố cục rõ ràng nhưng hệ thống luận điểm và dẫn chứng chưa hợp lí.

+ Hoặc đảm bảo $\frac{1}{2}$ số ý, biết cách phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.

- 4-5 điểm: Chưa đảm bảo được các ý cơ bản, chưa biết cách phân tích dẫn chứng, mắc nhiều lỗi diễn đạt.

- 1-3 điểm: Bài viết chưa rõ ý, diễn đạt lủng củng, mắc nhiều lỗi chính tả và dùng từ.

- 0 điểm: bài viết vô nghĩa hoặc sai lệch hoàn toàn.

Lưu ý:

Trên đây chỉ là một số gợi ý chung mang tính tham khảo. Người chấm cần linh hoạt, căn cứ vào bài làm của học sinh để cụ thể hoá thang điểm. Đánh giá cao những bài viết sáng tạo, có những kiến giải mới lạ, độc đáo.

===== Hết =====

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH
HÓA**

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Số báo
đanh

**KÌ THI CHỌN HỌC SINH
GIỎI TỈNH**

Năm học: 2011-2012

**Môn
thi:
NGŨ
VĂN
Lớp 9
THCS**

Ngày thi: 23 tháng 3 năm 2012

Thời gian: **150 phút** (không kể thời
gian giao đề)

Đề này có 01 trang, gồm 04 câu.

Câu I (6.0 điểm)

Mỗi ngày ta chọn một niềm vui

Chọn những bông hoa và những nụ cười

(*Mỗi ngày một niềm vui* - Trịnh Công Sơn)

Từ nội dung trên, viết một bài luận với chủ đề: Niềm vui trong cuộc sống.

Câu II (2.0 điểm)

Toàn bộ bài thơ *Sang thu* (Hữu Thỉnh) chỉ có một dấu câu duy nhất là dấu chấm ở cuối câu kết. Chỉ ra dụng ý của tác giả trong cách đặt dấu câu như vậy.

Câu III (4.0 điểm)

Giá trị của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Mặt trời xuống biển như hòn

lửa. Sóng đã cài then, đêm

sập cửa.

Đoàn thuyền đánh cá lại ra

khơi, Câu hát căng buồm cùng

gió khơi.

(*Đoàn thuyền đánh cá* - Huy Cận)

Câu IV (8.0 điểm)

Trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*, nhà văn Nguyễn Thành Long đã đề cho ông hoạ sĩ nghĩ về anh thanh niên như sau:

Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ trong cái vắng vẻ vọi vọi hai nghìn sáu trăm mét trên mặt biển, cuộn cuộn tuôn ra khi gặp người. Những điều suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có những vang âm, khơi gợi bao điều suy nghĩ khác trong óc người khác, có sẵn mà chưa rõ hay chưa được đúng.

(*Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long)

Nêu rõ **những điều anh suy nghĩ** và **những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh** trong truyện ngắn.

.....HẾT.....

- *Thí sinh không sử dụng tài liệu.*
- *Giám thị không giải thích gì thêm.*

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN
NGỮ VĂN
(Đề chính thức)
Lớp 9 THCS

Ngày thi: 23 tháng
3 năm 2012
(Hướng dẫn gồm
03 trang)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	Viết một bài luận với chủ đề: Niềm vui trong cuộc sống	
6.0 điểm	Yêu cầu về kĩ năng trình bày Đảm bảo một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách logic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, không có quá 3 lỗi dùng từ, diễn đạt...	0.5
	Yêu cầu về kiến thức (5.5 điểm)	
	1. Giải thích nội dung ca từ (1.5 điểm)	
	Cuộc sống là sự đan xen giữa những niềm vui và nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ. Con người cần phải biết chọn lựa thái độ sống và chịu trách nhiệm về sự lựa chọn của mình. Sự lựa chọn niềm vui là một phương châm sống. Niềm vui có thể đơn giản chỉ là việc ngắm nhìn một bông hoa đẹp, đón nhận nụ cười của người khác... Đó là niềm vui bình dị trước cuộc đời mà chỉ những tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, những tấm lòng nhân hậu, bao dung mới có thể cảm nhận được.	0.75 0.75
	2. Suy nghĩ về niềm vui trong cuộc sống (3.0 điểm)	
	Niềm vui là những điều mang lại cảm xúc vui vẻ, hạnh phúc, hân hoan, sung sướng cho con người trong cuộc sống. Niềm vui không hẳn là những điều to tát, lớn lao mà có thể chỉ là những điều nhỏ bé, giản dị, quen thuộc. Biết trân trọng những hạnh phúc bé nhỏ, trọn vẹn với niềm vui giản dị là chúng ta đã biết sống một cách ý nghĩa. Đó là bài học sâu sắc và thấm thía về cách sống cho mỗi người.	1.0 1.0 1.0
	3. Liên hệ bản thân - Cần biết phát hiện, trân trọng, những niềm vui giản dị, đời thường trong cuộc sống, đó là cơ sở cho những niềm hạnh phúc lớn lao. - Phải luôn học tập, rèn luyện để hoàn thiện bản thân, có thái độ sống tích cực và đúng đắn.	1.0
II	Dụng ý của tác giả trong cách đặt dấu câu ở bài <i>Sang thu</i>	

2.0 điểm	1. Thể hiện sự tiếp nối liên mạch trong chuyển biến của cảnh vật lúc thu về, từ mờ hồ đến rõ nét, từ phạm vi hẹp đến rộng. 2. Thể hiện sự liên mạch trong cảm xúc của con người từ ngỡ ngàng, ngạc nhiên đến đắm say, suy tư trước biến chuyển nhẹ nhàng của cảnh vật.	1.0 1.0
III	Giá trị của biện pháp tu từ	
4.0	<i>Xác định biện pháp tu từ</i> (1.0 điểm)	

	Biện pháp tu từ so sánh: Mặt trời - hòn lửa	0.5
	Biện pháp tu từ nhân hoá: <i>Sóng cài then; đêm sập cửa</i>	0.5
	<i>Giá trị của biện pháp tu từ</i> (3.0 điểm)	
	Nghĩa gợi tả: Miêu tả cảnh biển cả trước hoàng hôn.	1.0
	Nghĩa gợi cảm (2.0 điểm)	
	Thiên nhiên như cũng có linh hồn, trạng thái xúc cảm với những hành động cụ thể (<i>cài then, sập cửa</i>) Gợi cho người đọc những liên tưởng, cảm nhận phong phú, sống động về thiên nhiên, vũ trụ -> tăng sức biểu cảm cho câu thơ.	1.0 1.0
IV	<i>Những điều anh suy nghĩ và những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa</i>	
8.0 điểm	Yêu cầu về kĩ năng trình bày : Đảm bảo một văn bản nghị luận có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách lôgic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, không có quá 3 lỗi về chính tả, dùng từ, diễn đạt...	0.5
	Yêu cầu về kiến thức (7.5 điểm)	
	1. Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm, đoạn trích Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) là cây bút chuyên về truyện ngắn và kí. Truyện của ông thường có khuynh hướng ca ngợi tình yêu Tổ quốc, nhân dân. <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> được viết vào mùa hè 1970 trong chuyến đi Lào Cai, in trong tập <i>Giữa trong xanh</i> (1971). Với chất thơ nhẹ nhàng, trầm lắng, thiết tha, <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> ca ngợi những con người sống giữa non xanh lặng lẽ nhưng vô cùng sôi nổi, hết lòng vì Tổ quốc thân yêu .	0.5
	2. Những điều anh suy nghĩ (3.5 điểm)	

	Anh suy nghĩ về hoàn cảnh làm việc, công việc mình làm: <i>(Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được; công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất)</i>. Anh đã vượt lên hoàn cảnh bằng những suy nghĩ rất đẹp, giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Anh thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình. Anh thực sự cảm thấy hạnh phúc khi biết những việc mình làm đã góp một phần nhỏ giúp cho không quân bắn rơi máy bay Mỹ <i>(từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc)</i>. Điều này giúp anh hiểu được ý nghĩa lớn lao của cuộc sống. Anh suy nghĩ về những con người đang sống xung quanh anh: ông kĩ sư nông nghiệp cần mẫn ngày này qua ngày khác thụ phấn cho hàng vạn cây su hào với mong ước để <i>củ su hào nhân dân toàn miền Bắc nước ta ăn được to hơn, ngọt hơn trước</i>; anh cán bộ nghiên cứu sét mười một năm không một ngày xa cơ quan để quyết tâm hoàn thành cho được bản đồ sét. Đó là những con người làm cho anh thanh niên thấy cuộc đời đẹp quá. Và anh mơ ước được làm việc trên trạm đỉnh Phan xi phăng, nơi lí tưởng để làm công việc khí tượng. -> Qua những suy nghĩ của anh thanh niên, nhà văn đã ca ngợi và khẳng định vẻ đẹp của con người lao động, của lí tưởng sống dựng xây Tổ quốc.	1.0 1.0 1.0 0.5
	3. Những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh (2.5 điểm)	

	Với ông họa sĩ già: anh đã làm cho ông <i>xúc động mạnh</i> , khiến ông đi hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác và làm cho trái tim mệt mỏi của ông trở nên khao khát, yêu thêm cuộc sống. Ông quyết định quay trở lại nơi này để hoàn thành bức vẽ chân dung anh.	1.0
	Với cô kĩ sư trẻ: Anh đã làm cho cô <i>cảm động và bị cuốn hút</i> ngay từ giây phút đầu tiên gặp, làm cho cô hiểu thêm <i>cuộc sống một mình cũng cảm tuyệt đẹp</i> của anh, hiểu thêm cái <i>thế giới những con người như anh</i> . Anh đã giúp cô nhìn nhận lại bản thân mình, giúp cô <i>yên tâm hơn về quyết định của mình</i> , và trên tất cả là những <i>hào hức và mơ mộng mà anh đã trao cho cô</i> . Cô gái chia tay anh bằng một ấn tượng hàm ơn khó tả.	1.0
	-> Qua những suy nghĩ của các nhân vật ông họa sĩ, cô kĩ sư, nhà văn nhân mạnh ý nghĩa lớn lao của những công việc thầm lặng. Đó là những suy nghĩ đẹp, cách sống đẹp.	0.5
	4. Mở rộng, nâng cao (1.0 điểm)	
	Những điều anh suy nghĩ và những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh chính là những suy tư trăn trở của nhà văn trước cuộc đời. Ý nghĩa ấy được gửi gắm qua hình thức một câu chuyện nhẹ nhàng, giàu chất thơ.	0.5
	Từ những <i>suy nghĩ</i> ấy, rút ra cho bản thân những bài học về cách sống cao đẹp.	0.5

Lưu ý chung

* Khuyến khích (cho thêm điểm nhưng không được vượt quá mức điểm qui định) đối với những ý tưởng sáng tạo, những phát hiện độc đáo mà hợp lí, thuyết phục và những bài viết có cá tính, giọng điệu, cảm xúc riêng.

* Ở từng ý trong bài làm của thí sinh, căn cứ vào mức độ đạt được, giám khảo cho các mức điểm thấp hơn mức điểm trong Hướng dẫn chấm.

Đề chính thức

Đề thi gồm có: 01 trang

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: 06 tháng 01 năm 2015

Đề bài

Bài 1 (3,0 điểm)

Trong bài thơ “Tiếng hát mùa gặt” của Nguyễn Duy có đoạn:

*“Đồng chiêm phả nắng lên không,
Cánh cò dẫn gió qua thung lúa vàng
Gió nâng tiếng hát chúi chang,
Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời.”*

Nêu cảm nhận của em về cái hay, cái đẹp của những biện pháp tu từ có trong đoạn thơ đó.

Bài 2 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về những nét đặc trưng của quê hương Thanh Hóa qua bài *Dô tả đô tà* của Mạnh Lê (chương trình Ngữ văn địa phương lớp 9).

Bài 3 (5,0 điểm)

“Không hiểu bằng cách nào, một hạt cát lọt vào được bên trong cơ thể một con trai. Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai. Không thể tống hạt cát ra ngoài, cuối cùng con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát.

Ngày qua ngày, con trai đã biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp...”

(Theo *Lớn lên trong trái tim của mẹ* – Bùi Xuân Lộc – NXB Trẻ, 2005)

Bài học về cuộc sống mà em rút ra từ câu chuyện trên. (Bài nghị luận không quá hai trang giấy thi)

Bài 4 (10,0 điểm)

“Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp”

Hãy khám phá “xứ sở của cái đẹp” qua văn bản *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long, SGK Ngữ văn 9, tập 1)

(Hết)

Họ và tên thí sinh:Số báo danh: Phòng thi:

HƯỚNG DẪN CHẤM
Môn: Ngữ Văn - Lớp 9

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Giám khảo chấm kĩ để đánh giá một cách đầy đủ, chính xác kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.

- Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Giám khảo cần vận dụng linh hoạt, sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có ý tưởng sáng tạo.

- Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Những bài mắc quá nhiều các loại lỗi dùng từ, chính tả, đặc biệt là văn viết tối nghĩa thì không cho quá nửa số điểm của mỗi câu.

- Chấm theo thang điểm 20 (Bài 1: 3 điểm; Bài 2: 2 điểm; Bài 3: 5 điểm, Bài 4: 10,0đ)

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Bài 1 (3,0đ)

* HS tìm được các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ:

- Biện pháp tu từ nhân hóa: đồng chiêm **phả** nắng; cánh cò **dẫn** gió; gió **nâng** tiếng hát; lưỡi hái **liếm** ngang. (0,75 đ)

- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: *tiếng hát chói chang* (0,25 đ)

- Đảo trật tự từ: *long lanh lưỡi hái* (0,25đ)

- Nói quá: Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời (0,25đ)

* Phân tích tác dụng: HS phân tích cụ thể để hướng tới ý chính. (1,5đ)

Các biện pháp tu từ trên kết hợp với cách sử dụng nhiều hình ảnh đẹp với màu sắc tươi tắn rực rỡ, với cách sử dụng nhiều động từ độc đáo, nhà thơ đã khắc họa bức tranh về mùa vàng bội thu. Trong bức tranh đó có thiên nhiên rộng lớn, khoáng đạt, có niềm vui, sự lạc quan, hăng say của người lao động. Thiên nhiên và con người hòa quyện với nhau; tâm vóc con người lao động lớn lao ngang tầm vũ trụ.

Bài 2 (2,0đ)

* ***Yêu cầu về kỹ năng:*** (0,5đ)

Trình bày đúng cấu tạo hình thức đoạn văn , diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, nổi bật nội dung chính; đảm bảo viết đúng chính tả và ngữ pháp.

* ***Yêu cầu về kiến thức*** (1,5)

Đoạn văn đảm bảo các ý cơ bản sau:

Nêu được những đặc trưng của quê hương Thanh Hóa trong bài *Dô tả đô tà* của Mạnh Lê: rau má, truyền thống văn hóa (điệu hò Sông Mã, trống đồng Đông Sơn, bài dân ca Đi cấy) , truyền thống lịch sử lâu đời (cầu Hàm Rồng, vua Lê, chúa Trịnh), những con người cần cù lao động, hiếu học, anh hùng, lạc quan, chân chất, giàu tình cảm dù trải qua trường kì gian khó...

Bài 3:(5,0đ)

* <i>Yêu cầu về kỹ năng:</i> Đảm bảo là một bài nghị luận xã hội, bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp...	0,5đ
* <i>Yêu cầu về kiến thức:</i> HS đạt được các nội dung cơ bản sau:	
<i>1. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận:</i>	0,5

2. Phân tích, bàn luận vấn đề:	
a. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện:	1,0
+ <i>Hạt cát</i> : biểu tượng cho những khó khăn và những biến cố bất thường... là những yếu tố khách quan có thể xảy ra với con người bất kì lúc nào.	0,25
+ <i>Con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát...biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp</i> : biểu tượng cho con người biết thích nghi với hoàn cảnh mới và chấp nhận thử thách để đứng vững, biết vượt lên hoàn cảnh, tạo ra những thành quả đẹp cống hiến cho cuộc đời (luôn luôn làm chủ hoàn cảnh và luôn suy nghĩ tích cực, lạc quan).	0,25
=> Câu chuyện ngắn gọn nhưng trở thành bài học sâu sắc về thái độ sống tích cực; phải có ý chí và bản lĩnh, mạnh dạn đối mặt với khó khăn gian khổ. Luôn luôn làm chủ hoàn cảnh và chinh phục hoàn cảnh để đạt được kết quả tốt đẹp mới.	0,5
b. Suy nghĩ về ý nghĩa câu chuyện	2,0
Khẳng định câu chuyện có ý nghĩa nhân sinh quan sâu sắc với mỗi người trong cuộc đời:	
+ Những khó khăn, trở ngại vẫn thường xảy ra trong cuộc sống, luôn vượt khỏi toan tính, dự định của con người. Vì vậy, mỗi người phải đối mặt, chấp nhận thử thách để đứng vững, phải hình thành cho mình nghị lực, niềm tin, sức mạnh để vượt qua (như <i>con trai cũng đã cố gắng nỗ lực, không tổng được hạt cát ra ngoài thì nó đối phó bằng cách tiết ra chất dẻo bọc quanh hạt cát</i>).	0,75
+ Khó khăn, gian khổ cũng là điều kiện thử thách và tôi luyện ý chí, là cơ hội để mỗi người khẳng định mình. Vượt qua nó, con người sẽ trưởng thành hơn, sống có ý nghĩa hơn. (<i>Dẫn chứng về những con người vượt lên số phận làm đẹp cho cuộc đời</i>).	0,75
+ Phê phán những người có lối sống hèn nhát, chấp nhận đầu hàng, buông xuôi, đổ lỗi cho số phận	0,5
3. Khẳng định vấn đề và rút ra bài học trong cuộc sống:	1,0
+ Cuộc sống không phải lúc nào cũng bằng phẳng, cũng thuận buồm xuôi gió. Khó khăn, thử thách luôn là quy luật của cuộc sống mà con người phải đối mặt.	0,25
+ Phải có ý thức sống và phấn đấu, không được đầu hàng, không được gục ngã mà phải can đảm đối đầu, khắc phục nó để tạo nên thành quả cho cuộc đời, để cuộc sống có ý nghĩa hơn.	0,25
+ Liên hệ bản thân...	0,5

Bài 4 (10,0 điểm)

Định hướng cụ thể:

1. Yêu cầu về kỹ năng: HS viết được văn bản nghị luận có lập luận logic chặt chẽ, bố cục mạch lạc, văn phong trong sáng, thuyết phục người đọc, chữ viết sạch đẹp, không mắc lỗi về chính tả, ngữ pháp.	0,75
2. Yêu cầu về kiến thức	9,25
2.1. - Giới thiệu tác giả tác phẩm và vấn đề nghị luận - Trích dẫn ý kiến	0,75

2.2. Giải thích khái quát vấn đề - <i>Nhà văn chân chính</i> là nhà văn luôn đặt mục đích sáng tác vào con người và cuộc sống. Đem ngòi bút của mình phục vụ đời sống và có ích cho con người. - <i>Xứ sở của cái đẹp</i> trong tác phẩm văn học được thể hiện ở hai phương diện nội dung và hình thức. + Về đẹp nội dung là vẻ đẹp của tự nhiên và con người trong lao động, chiến đấu, các lĩnh vực khác... mà nhà văn mang tới cho người đọc. + Về đẹp hình thức là khả năng xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động, độc đáo, hấp dẫn. Là khả năng kết cấu chặt chẽ, tình huống hợp lí và khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện... => Nội dung, hình thức đẹp không chỉ đem lại cho người đọc những rung cảm thẩm mĩ mà còn làm cho con người yêu cuộc sống, khao khát hướng tới những gì đẹp để tốt lành cho cuộc đời. Để người đọc cảm nhận được <i>xứ sở của cái đẹp</i> đó thì nhà văn chân chính là người dẫn đường cho người đọc khám phá cảm nhận. Đó là niềm vui, niềm hạnh phúc của nhà văn.	1,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ
2.3. Chứng minh qua văn bản <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> của nhà văn Nguyễn Thành Long - <i>Xứ sở của cái đẹp</i> trong <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> được thể hiện ở trước hết ở phương diện nội dung : + <i>Xứ sở của cái đẹp</i>, của thiên nhiên ở Sa Pa : đó là bức tranh thiên nhiên núi rừng rộng lớn vùng Tây Bắc được miêu tả từ xa đến gần, từ bầu trời đến mặt đất. Xa xa núi cao, thác đổ trắng xóa, đường núi quanh co uốn lượn, cây cối rậm rạp, những đàn bò đứng đỉnh ăn cỏ trong những thung lũng ven đường, nắng len tới đốt cháy rừng cây, ... mây bị nắng xua đi cuộn tròn... Những vòm lá ướt sương... (Lấy dẫn chứng, phân tích). Đến gần là vườn hoa đơn, hoa thược dược, vàng, tím, hồng phấn, tổ ong với đủ màu sắc rực rỡ do bàn tay của con người tạo ra ... Tất cả làm nên một bức tranh thiên nhiên đẹp kì lạ, hấp dẫn gọi ra cho ta bao liên tưởng và khao khát về vùng đất thơ mộng. + <i>Xứ sở của cái đẹp</i> trong <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> còn được thể hiện ở vẻ đẹp hấp dẫn của con người: nhân vật anh thanh niên làm công tác khí tượng thủy văn kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Anh đã vượt qua khó khăn của hoàn cảnh, thời tiết khắc nghiệt và sự buồn chán cô đơn của bản thân để tạo cho mình một cuộc sống có ý nghĩa. Sức hấp dẫn của nhân vật anh thanh niên chính là vẻ đẹp của tâm hồn và lí tưởng sống. Những suy nghĩ, việc làm và hành động, tình cảm của anh khiến người ta cảm phục noi theo và thêm tin yêu cuộc sống. (Lấy dẫn chứng, phân tích) Ngoài ra, sức hấp dẫn của con người Sa Pa còn là những nhân vật vô danh như ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, Tất cả đã tạo nên <i>xứ sở của cái đẹp</i> là sự cống hiến âm thầm và lặng lẽ hết mình cho đất nước. - <i>Xứ sở của cái đẹp</i> trong <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> không chỉ đẹp về nội dung mà còn đẹp về nghệ thuật, được thể hiện : + Nhan đề <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> thấm đẫm chất thơ + Cốt truyện, tình huống giản đơn, chỉ là cuộc gặp gỡ tình cờ giữa các nhân vật (bác lái xe, ông họa sĩ, cô kĩ sư, anh thanh niên) nhưng nhà văn đã dựng	6,đ 4,đ 1,5đ 2,5đ 2,0đ 0,5đ 0,5đ

lên mối quan hệ chung - riêng thật đẹp. + Hệ thống ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, chất tạo hình, âm điệu nhẹ nhàng, êm ái, giàu chất thơ. + Ngôn ngữ chắp cánh những vần thơ, nâng tâm hồn người đọc vươn tới những cảm xúc sâu xa, thắm thía.	0,5đ 0,5đ
2.4. Đánh giá chung: - Cái đẹp trong tác phẩm văn học đa dạng, phong phú được khơi nguồn kết tinh từ cuộc sống. - Đời sống tự nhiên ấy được khúc xạ qua ánh sáng, cảm quan, quá trình lao động cực nhọc, sáng tạo, mê say của nhà văn để có được sức hấp dẫn, những giá trị đẹp của con người, làm cho con người sống tốt hơn. - Yêu cái đẹp của văn chương là chúng ta yêu tấm lòng của nhà văn. Họ là những <i>kĩ sư tâm hồn</i> đốt cháy mình để có được ánh sáng, niềm vui dẫn ta đến bến bờ <i>xử sở của cái đẹp</i> trong cuộc sống.	1,0đ

Lưu ý: Trên đây chỉ là những định hướng về những nội dung chính cơ bản. Trong quá trình chấm, GV đặc biệt lưu ý đến những bài văn mà HS có cách bố cục và diễn đạt sáng tạo, cảm xúc chân thành thể hiện phong cách cá nhân độc đáo của HS có năng lực văn chương. Với những bài này, GV cần cân nhắc và cho điểm hợp lí.

MÔN: NGỮ VĂN 9

Phần I: Đọc - hiểu: Câu 1:
(1 điểm)

Thời gian: 150 phút (Không kể thời gian
giao đề).

Đề thi gồm 02 phần - 04 câu và 01 trang.

“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh”.

(Trích **“Chiếc lược ngà”**- Nguyễn Quang Sáng-Ngữ văn 9-tập 1-Trang 200)

Đoạn văn trên gợi cho em cảm xúc gì?

Câu 2: (1 điểm)

Trong văn bản **“Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới”**, Vũ Khoan có viết:

“Bước vào thế kỉ mới...nếp nghĩ sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức đều cản trở sự phát triển của đất nước”.

Ý kiến của em về nhận định trên.

Phần II: Làm văn

Câu 1: (3 điểm)

Người xưa có câu: *“Có công mài sắt có ngày nên kim”*. Giáo sư Toán học Ngô Bảo Châu lại cho rằng: *“Lòng đam mê là yếu tố quan trọng nhất để nhà khoa học đi đến tận cùng con đường mình đã chọn”*.

Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề nêu trên bằng một bài văn khoảng 2 trang giấy thi.

Câu 2: (5 điểm)

Bản về văn chương Hoài Thanh viết:

“Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có”.

(Trích **“Ý nghĩa văn chương”**- SGK Ngữ văn 7, tập hai)

Từ bài thơ **Bếp lửa** của nhà thơ Bằng Việt, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

* **Chú ý:** - Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

A. YÊU CẦU CHUNG

HU
ỚN
G
DÃ
N
CH
ẤM
Mô
n:
Ngữ
văn
9

--

1 - Đề được xây dựng theo hướng “mở”, do đó ngoài việc đánh giá nội dung thể hiện trong bài viết, khi chấm giám khảo cần **đặc biệt lưu ý** kỹ năng làm bài của học sinh. Phát hiện và trân trọng những bài làm có cách viết chặt chẽ, sáng tạo (thể hiện được “*cái tôi*” và “*chất văn*”).

2 - Đánh giá, chấm theo hướng tiếp cận năng lực học sinh, trong đó chú ý đến năng lực chuyên biệt cao nhất của bộ môn Ngữ văn.

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
Câu 1 (1,0đ)	1. Hình thức: Học sinh có thể trình bày dưới dạng một đoạn văn (dung lượng bài viết không quá một trang giấy thi). Diễn đạt trôi chảy, lập luận chặt chẽ, hợp lí; lời văn lưu loát, sắc sảo. Không sai lỗi chính tả.	0,25đ
	2. Nội dung: - Học sinh có thể bày tỏ cảm xúc của mình về: + Sức mạnh của tình phụ tử được thử thách trong hoàn cảnh éo le của cuộc chiến tranh. + Sự mất mát, nỗi đau của con người trong chiến tranh.	0,75đ
Câu 2 (1,0đ)	1. Hình thức: Học sinh có thể trình bày dưới dạng một đoạn văn ngắn (dung lượng bài viết không quá một trang giấy thi). Lập luận chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy hợp lí; lời văn lưu loát, sắc sảo. Không sai lỗi chính tả.	0,25đ

	2. Nội dung: Học sinh phải đưa ra được chính kiến riêng về nhận định trên và lý giải thuyết phục. - Đây là một ý kiến đúng. - Giải thích: + <i>Nếp nghĩ sùng ngoại quá mức</i>: chỉ thái độ coi trọng, tôn trọng, tin tưởng, yêu thích quá mức. + <i>Nếp nghĩ bài ngoại quá mức</i>: bác bỏ, tẩy chay, chê bai... quá mức. => Ý nghĩa của câu nói: tác giả phủ định cả hai thái độ, nếp nghĩ đều không thể chấp nhận vì sẽ cản trở đến sự phát triển của đất nước trong thời kỳ mới, thời kỳ hội nhập. - Rút ra bài học cho bản thân về việc tiếp nhận văn hóa của thế giới trong thời kỳ hội nhập.	0,75đ
Câu 3 (3.0đ)	1. Hình thức: Đúng hình thức một bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng; kết cấu bài làm chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt tốt; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.	0,25đ
	2. Nội dung: - Học sinh phải xác định đúng vấn đề nghị luận: lòng kiên trì và niềm đam mê để dẫn tới thành công. - Bố cục:	0,25đ
	a. Mở bài: - Dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận b. Thân bài:	0,25đ

Câu 4 (5,0đ)	- Giải thích ý nghĩa của hai câu nói trên; + “<i>Có công mài sắt có ngày nên kim</i>”: nói về vai trò của lòng kiên trì, của ý chí lập thân để đạt được mục đích. + “<i>Lòng đam mê là yếu tố quan trọng...mình đã chọn</i>”: vai trò của niềm đam mê trong khi lập thân, lập nghiệp. - Chứng minh tính đúng đắn của vấn đề nghị luận: + Học sinh đưa ra dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục về những tấm gương đã thành công nhờ có tính kiên trì và niềm đam mê. - Bình luận vấn đề. + Tính kiên trì là một trong những yếu tố quan trọng để dẫn tới thành công. + Lòng đam mê là biểu hiện cao độ của mơ ước, khát vọng vươn cao. Nuôi dưỡng niềm đam mê là nuôi dưỡng nguồn năng lượng cho sự sáng tạo. + Cần bồi dưỡng cả niềm đam mê và sự kiên trì, ý chí khắc phục gian khó mới có thể thành công. + Phê phán một số người thiếu lòng kiên trì và niềm đam mê trong cuộc sống. c. Kết luận: - Nêu suy nghĩ và liên hệ bản thân.	1,0đ
	- Chứng minh tính đúng đắn của vấn đề nghị luận: + Học sinh đưa ra dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục về những tấm gương đã thành công nhờ có tính kiên trì và niềm đam mê.	1,0đ
	- Bình luận vấn đề. + Tính kiên trì là một trong những yếu tố quan trọng để dẫn tới thành công. + Lòng đam mê là biểu hiện cao độ của mơ ước, khát vọng vươn cao. Nuôi dưỡng niềm đam mê là nuôi dưỡng nguồn năng lượng cho sự sáng tạo. + Cần bồi dưỡng cả niềm đam mê và sự kiên trì, ý chí khắc phục gian khó mới có thể thành công. + Phê phán một số người thiếu lòng kiên trì và niềm đam mê trong cuộc sống.	
	c. Kết luận: - Nêu suy nghĩ và liên hệ bản thân.	0,25đ
	3. Thang điểm: - Điểm 3,0: Đáp ứng tốt các yêu cầu về mặt hình thức. Nội dung bài viết sâu sắc, lập luận chặt chẽ. Cách tiếp cận và giải quyết vấn đề sáng tạo, hấp dẫn. - Điểm 2,0: Đáp ứng khá tốt các yêu cầu về mặt hình thức. Có phương pháp làm bài, biết lập luận vấn đề khá chắc chắn. Nội dung đảm bảo các ý. - Điểm 1,0: Cơ bản đáp ứng các yêu cầu về mặt hình thức. Nội dung còn sơ sài, lập luận vấn đề thiếu chặt chẽ, phương pháp làm bài chưa thuyết phục. - Điểm 0,0: Lạc đề hoặc không làm.	
Câu 4 (5,0đ)	1. Hình thức và kỹ năng: - Đúng hình thức một bài văn nghị luận về tác phẩm văn học có gắn với một nhận định; bố cục rõ ràng, hợp lí. Diễn đạt trôi chảy, cảm xúc, đúng văn phạm, không sai lỗi chính tả. - Cần đạt được những kỹ năng về cắt nghĩa, phân tích, chứng minh,... Khuyến khích cho điểm bài viết sáng tạo, lôi cuốn thể hiện hiểu và cảm văn tốt của học sinh.	0,25đ
	2. Nội dung: Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách. Tuy nhiên, cần phải bám sát văn bản để làm sáng tỏ luận đề. Dưới đây là các ý cơ bản:	
	a. Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn luận đề: - Giới thiệu ý kiến của Hoài Thanh gắn với nội dung cơ bản của bài thơ “Bếp lửa”. Bài	0,5 đ
	thơ bồi đắp tình cảm bà cháu thiêng liêng, sâu nặng. Tình yêu gia đình qu huong đất nước.	
	b. Thân bài: b1. Giải thích ý nghĩa của luận đề: - Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có: tức là khẳng định các tác phẩm văn chương có khả năng khơi gợi những tình cảm, cảm xúc đẹp để cho mỗi người.	

- *Văn chương luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có*: nhấn mạnh khả năng văn chương bồi đắp tâm hồn, tình cảm của mỗi chúng ta thêm sâu sắc, đẹp đẽ, bền vững.

=> Nhận định đã khái quát quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương đều xuất phát từ tình cảm, cảm xúc của tác giả và bạn đọc, khái quát chức năng

0,75đ

	giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với con người. - Từ đó khẳng định bài thơ “Bếp lửa” đã khơi dậy, bồi đắp thêm cho chúng ta về tình bà cháu thiêng liêng, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước.	
	b2. Chứng minh:	
	Luận điểm 1: Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình cho mỗi người đọc qua dòng hồi tưởng của người cháu về kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà, bên bếp lửa. - Bếp lửa đã khơi nguồn cảm xúc để người cháu nhớ về bà. - Người cháu hồi tưởng lại những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà. + Những năm tháng gian khổ được sống cùng bà + Hình ảnh người bà hiện lên chịu thương chịu khó, giàu đức hi sinh, hết lòng yêu thương cháu. Hình ảnh người bà luôn gắn liền với bếp lửa, là biểu tượng cho ý chí nghị lực, niềm tin. (phân tích dẫn chứng) + Bà đã nuôi dưỡng, dạy dỗ, bồi đắp trong cháu những tình cảm tốt đẹp. Bà là người nhóm lửa, giữ lửa, truyền lửa - ngọn lửa của tình yêu thương (phân tích dẫn chứng) => Suy ngẫm của cháu khi đã trưởng thành về bà: luôn trân trọng, biết ơn, thấm thía công lao và đức hi sinh của bà dành cho mình. Luận điểm 2: Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm gia đình gắn bó hài hòa trong tình yêu quê hương, đất nước qua những suy ngẫm của cháu về bà, về đất nước. - Tình cảm bà cháu là cội nguồn của tình cảm gia đình, là biểu hiện của tình yêu quê hương đất nước. + Mỗi kỉ niệm của cháu với bà đều gắn với tình làng nghĩa xóm, với những năm tháng đau thương của dân tộc. + Người cháu nhớ về bà, nhớ về bếp lửa chính là nhớ về quê hương xứ sở - cội nguồn của tình yêu quê hương.(phân tích dẫn chứng)	1,5đ 1,0đ
	b3. Đánh giá, mở rộng: - Bài thơ “Bếp lửa” viết theo dòng hồi tưởng, với nhiều hình ảnh mang tính biểu tượng, ngôn từ bình dị mà giàu sức biểu cảm. Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật đặc sắc... đã góp phần thể hiện xúc động tình bà cháu thiêng liêng ấm áp, tình cảm sâu đậm với gia đình, quê hương. - Bài thơ đã làm sáng tỏ quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương, là minh chứng cho những tác động to lớn của văn chương đến tình cảm của con người. Văn chương làm đẹp thêm tình người, hướng con người đến giá trị chân – thiện – mỹ. - Liên hệ với các tác phẩm khác cùng chủ đề.	0,5đ
	c. Kết bài: - Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ tác động đến tâm hồn của mỗi con người. Là lời nhắc nhở trong mỗi chúng ta biết trân trọng, giữ gìn và phát huy những tình cảm tốt đẹp. - Liên hệ bản thân.	0,5đ

3. Thang điểm:

- Điểm 5,0: Đáp ứng tốt các yêu cầu về mặt hình thức. Nội dung bài viết đã thực sự lay cảm người đọc, có những kiến giải, phát hiện riêng, độc đáo, sáng tạo nhưng logic. Thể hiện khả năng suy cảm, kỹ năng viết tốt.
- Điểm 4,0: Hiểu đề. Đã bám vào hình ảnh thơ để suy cảm. Bài viết đã có độ sâu, có những kiến giải, phát hiện riêng, logic. Kỹ năng viết khá tốt.
- Điểm 3,0: Biết cách cảm nhận, phân tích bài thơ. Song thiếu sự phát hiện, khả năng thâm thấu ngữ liệu hạn chế, cách viết dàn trải, đơn điệu.

- Điểm 2,0: Diễn xuôi bài thơ, chưa làm nổi bật luận điểm, diễn đạt lủng củng.

- Điểm 1,0: Bài viết sơ sài, kỹ năng chưa thuần thục, diễn đạt không thoát ý.

- Điểm 0,0: Lạc đề hoặc không làm.

* **Lưu ý chung:** Học sinh sẽ có nhiều cách tiếp cận vấn đề và thể hiện cách lập luận riêng. Khi chấm, giám khảo cần:

- Bám sát vào ý hiểu và cách viết của học sinh trên cơ sở “Định hướng nội dung” của đáp án để cho điểm.

- Đề cao **năng lực giải đề** và **kỹ năng lập luận** của học sinh.

----- **HẾT** -----